

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

**KỶ NIỆM 45 NĂM
NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2020)**

~*~*~*~*~*~



TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA CỦA NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM 30/4

Chiến thắng 30/4 là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nhân dịp kỉ niệm 45 năm ngày Giải Phóng miền Nam thống nhất đất nước, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về ý nghĩa của ngày lịch sử này qua bài viết dưới đây.

1. Lịch sử của ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4



Xe tăng quân giải phóng đánh chiếm phủ tổng thống ngay lúc 9g30 ngày 30/4/1975

Vào cuối năm 1974 – đầu năm 1975, nhận thấy tình hình so sánh lực lượng ở Miền Nam có sự thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam trong hai năm 1975 và 1976. Bộ Chính trị nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và

chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn Miền Nam trong năm 1975”. Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh cần tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh. Sau chiến thắng của quân ta ở chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế-Đà Nẵng, Bộ Chính trị đã nhận định: “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng Miền Nam” và đã đưa ra quyết định: “phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước mùa mưa”, đồng thời chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định được Bộ Chính trị quyết định mang tên “chiến dịch Hồ Chí Minh”. Trước khi tấn công giải phóng Sài Gòn, quân ta đã tiến công Xuân Lộc và Phan Rang, đây là những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.

Vào lúc 17 giờ ngày 26/4, quân ta đã nổ súng mở đầu chiến dịch, năm cánh quân của ta đã vượt qua tuyến phòng thủ của địch để tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng. 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các của Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức tổng thống ngày 28/4 đã phải tuyên bố đầu hàng quân ta không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đại thắng mùa xuân 1975 đã chứng minh trí tuệ và tài thao lược của Đảng ta trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh cách mạng, cũng như chứng minh tinh thần quật khởi của người dân Việt Nam trong đấu tranh chống ngoại xâm. Chiến thắng đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc, cả nước cùng tiến lên CNXH. Thắng lợi này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới, như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm quốc tế, tầm thời đại sâu sắc.



Quân giải phóng đánh sân bay Tân Sơn Nhất ngày 30/4/1975



Nhân dân vui mừng chứng kiến đoàn xe tăng tiến vào dinh Độc Lập

2. Ý nghĩa của Chiến thắng lịch sử 30/4

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi đưa đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta từ đây tập trung sức lực và trí tuệ hàn gắn vết thương chiến tranh xây dựng cuộc sống mới; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến thắng ngày 30/4/1975 là thành quả vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng, chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc. Quân và dân ta đã đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới của đất nước, chúng ta mãi tự hào và biết ơn sự hy sinh to lớn của các anh hùng, các thế hệ cha ông ta đã chiến đấu anh dũng vì độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc. Chúng ta càng tự hào, tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng



Các tầng lớp nhân dân Sài Gòn tham dự mít tinh mừng chiến thắng

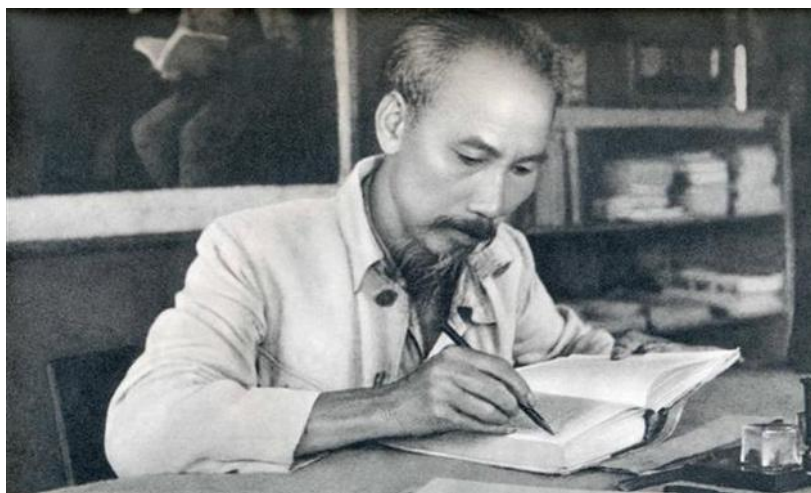
đắn, sáng suốt tài tình của Đảng cộng sản Việt Nam, vào tinh thần quật cường bất khuất và trí thông minh, sáng tạo của dân tộc ta, của quân đội ta. Mỗi người dân Việt Nam nguyện tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, tinh thần đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm vươn lên hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đề ra.

// <https://xuonggomsuviet.vn/>

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP

GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Với mỗi người Việt Nam, ngày 30/4/1975 là một ngày lịch sử trọng đại. Đó là ngày mà chiến tranh dần đi vào dĩ vãng, đất nước sạch bóng thù xâm lược, hòa bình trở lại trên toàn cõi Việt Nam, Đó là ngày đoàn tụ: Non sông thu về một mối, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!



Lúc sinh thời, Hồ Chí Minh đã khẳng định với toàn thể dân tộc Việt Nam với lương tri thế giới: “Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam”, “Đồng bào Nam Bộ là dân tộc nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”.

Với Người, đất nước, núi sông Việt Nam là một khối thống nhất, Bắc – Trung – Nam “Không thể phân chia, kết đoàn ba miền như con một cha, nhà một nóc, no đói, rách lành sẽ chia, đùm bọc, không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta”...

Khi cuộc trường chinh chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc, một nửa đất nước sạch bóng ngoại xâm, song cả dân tộc vẫn chịu nỗi đau chia cắt do âm mưu và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ.

Hòa bình lập lại trên miền Bắc nhưng trái tim Hồ Chí Minh chưa phút nào yên, vì miền Nam còn bị quân thù giày xéo. Người luôn trăn trở khôn nguôi về miền Nam, về sự nghiệp giải phóng đất nước vẫn còn chưa hoàn tất. Giải phóng miền Nam thống nhất non sông giờ đây trở thành mục tiêu hàng đầu của mọi người Việt Nam yêu nước thương nòi và đó cũng chính là quyết tâm không lay chuyển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong bài thơ chúc Tết năm 1969 của Hồ Chí Minh:

...Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào,
Tiến lên chiến sĩ, đồng bào,
Bắc, Nam sum họp, xuân nào, vui hơn!

Cho đến những ngày sắp đi xa, Người vẫn giữ một niềm tin sắt đá: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”. Niềm tin ấy, khát vọng ấy thể hiện tình cảm sâu nặng với miền Nam ruột thịt và trở thành sự thôi thúc trong tâm khảm mỗi người dân hai miền đất nước cùng phấn đấu cho ngày mai thống nhất nước nhà. Đó cũng là động lực mạnh mẽ cho toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước khó khăn, lâu dài, gian khổ, song nhất định thắng lợi.

11 giờ 30 phút trưa 30/4/1975, lá cờ cách mạng pháp phới tung bay trên nóc phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ kính yêu toàn thắng, sự nghiệp giải phóng miền Nam toàn thắng. Một lần nữa, “sức mạnh Việt Nam – sức mạnh tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” lại ngời sáng. Miền Nam đã được hoàn toàn giải phóng, non sông liền một dải, đất nước thu về một mối. Từ đây, Nam, Bắc sum họp một nhà, chung vui niềm vui thống nhất. Khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ý chí, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân tộc Việt Nam về một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ sau những năm dài trường kỳ kháng chiến đã trở thành hiện thực.

Chiến thắng 30/4 là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Đó là biểu tượng sáng ngời của Chủ nghĩa anh hùng Cách mạng Việt Nam, đỉnh cao của khí phách và trí tuệ của con người Việt Nam. Suốt 30 năm kể từ ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, cả dân tộc kiên cường chiến đấu hy sinh để đi tới thắng lợi trọn vẹn “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, “Bắc Nam sum họp”...

Chiến thắng 30/4 là chiến thắng của nội lực Việt Nam, của truyền thống văn hóa dân tộc, của sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, đồng thời là sự ủng hộ giúp đỡ chí tình của bạn bè quốc tế, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Ngày 30/4 là ngày hòa hợp dân tộc, từng gia đình và cả dân tộc sum họp dưới mái nhà Việt Nam, người một nước cùng nhìn về một hướng, cùng chung một con đường... Hòa hợp dân tộc đã hóa giải xung đột, xóa bỏ hận thù, giải phóng nội lực để cùng nhau bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, độc lập, tự do cùng đi lên Chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Phần kể chuyện Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của Chi bộ Cộng sản.

KHÁT VỌNG GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

DI NGUYỆN CUỐI CÙNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TRƯỚC LÚC NGƯỜI "ĐI XA" (PHẦN I)

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Người viết từ tháng 5 năm 1965, hàng năm Người viết bổ sung, đến ngày 10 tháng 5 năm 1969, di chúc được hoàn chỉnh. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kết tinh trong đó những điều cốt lõi về tư tưởng, đạo đức, phong cách và khát vọng của Người về một đất nước Việt Nam tự do, hòa bình và thịnh vượng. Điều mà Người mong mỏi cuối cùng trước lúc "đi xa" là miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối.

Đây là khát vọng cháy bỏng của Người, cũng là khát vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam. Khát vọng đó chỉ 6 năm sau khi Người qua đời đã trở thành hiện thực. Nhưng để có nó, Người cùng toàn thể dân tộc Việt Nam đã phải trải qua một chặng đường dài đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh để tìm ra con đường cứu nước, con đường giải phóng dân tộc mà chặng cuối cùng là đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thật vậy, từ cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX, khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân là tâm nguyện cháy bỏng của những người yêu nước. Nhiều văn thân, sĩ phu và các nhà cách mạng tiền bối đã tổ chức các phong trào đấu tranh, các hội ái quốc để tìm đường cứu nước, song đều bị thất bại.



Nguyễn Tất Thành rời cảng Nhà rồng, Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh) ra đi tìm đường cứu nước, ngày 5-6-1911 (chụp lại tranh của họa sĩ Bùi Quang Ngọc)

Nguyễn Ái Quốc với nhãn quan chính trị nhạy bén đã sớm nhận ra những hạn chế trong đường lối đấu tranh giành độc lập của thế hệ đi trước. Người quyết định ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911, khi Người mới 20 tuổi. Khác với các bậc tiền bối, Người một mình sang phương Tây - nơi sớm nổ ra các cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nơi các trào lưu tư tưởng tự do, dân chủ đang phát triển mạnh mẽ "xem họ làm thế nào để trở về giúp đồng bào mình".

Sau gần mười năm bôn ba, vừa lao động kiếm sống, vừa tìm hiểu thực tiễn nhiều nước tư bản và thuộc địa cũng như cách mạng tư sản ở các nước, Người rút ra kết luận: Cách mạng tư sản là những cuộc cách mạng vĩ đại nhưng là những cuộc cách mạng chưa đến nơi, nó đã phá tan gông xiềng của chế độ phong kiến để giải phóng sức lao động của con người, xây dựng chế độ xã hội mới tiến bộ hơn, nhưng cách mạng rồi dân chúng vẫn khổ cực, vẫn bị áp bức bóc lột, vẫn muốn làm cách mạng.

Được tiếp xúc với Luận cương Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, qua thực tiễn cuộc cách mạng Tháng Mười Nga, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Người thổ lộ: *“Luận cương Lê nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong phòng mà tôi nói to lên như đang nói trước đông đảo quần chúng: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ. Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”*.

Người khẳng định: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Để giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, trước hết cần có đảng cách mạng. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin “làm cốt”, phải gắn bó máu thịt với nhân dân, phải đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết.

Từ kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới, Người khẳng định: Cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng Tháng Mười Nga. Người nói: *“Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật... Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công phải lấy dân chúng làm gốc, phải có Đảng vững bền”*.



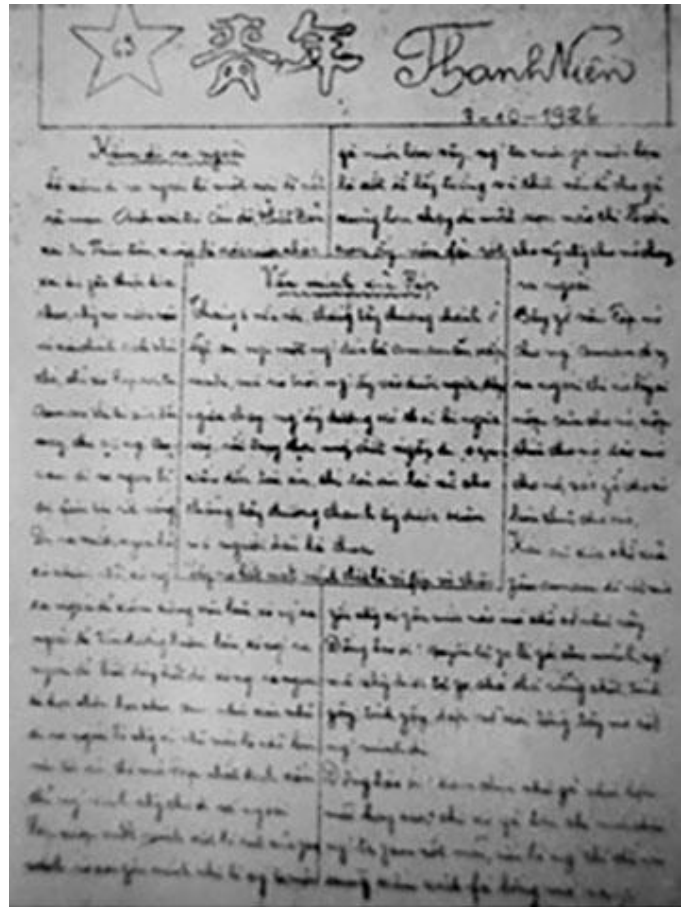
Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp, thành phố Tua, tháng 12-1920.

Vận dụng vào cách mạng Việt Nam, từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp những người Việt nam yêu nước ở Quảng Châu để huấn luyện về phương pháp hoạt động cách mạng. Những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện này

được tập hợp thành cuốn “ Đường cách mệnh”. Nội dung tài liệu “Đường cách mệnh” đặt cơ sở cho sự hình thành đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam theo đường lối cách mạng vô sản.



Bảo vật quốc gia: Sách "Đường Cách Mệnh" của Nguyễn Ái Quốc, xuất bản tại Quảng Châu (Trung Quốc), năm 1927.

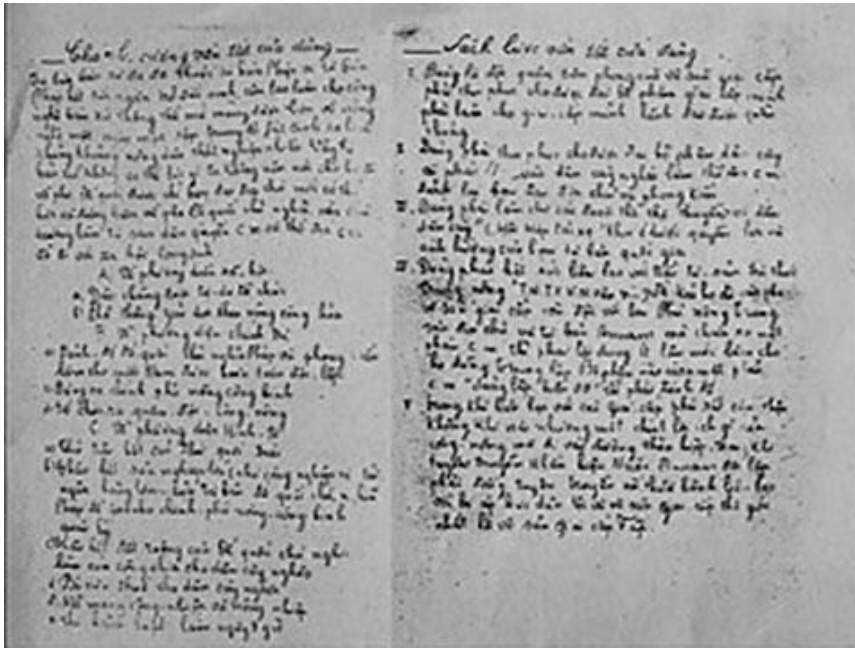


Báo "Thanh niên", cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập tại Quảng Châu (Trung Quốc), số ra ngày 3-10-1926.

Tháng 6 năm 1925, trên cơ sở số cán bộ được huấn luyện, Người lập ra Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng, ra báo Thanh niên – Tờ báo cách mạng đầu tiên làm nhiệm vụ tuyên truyền, giới thiệu về chủ nghĩa Lê nin và cách mạng Tháng Mười Nga, giải thích đường lối, chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Cuối năm 1929, Người triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản, đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Chính cương, sách lược vắn tắt và các văn kiện của Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng của Người về con đường giải phóng dân tộc.

Sau ba mươi năm ra đi tìm đường cứu nước, tháng 1 năm 1941, Người trở về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941). Tại Hội nghị, Người nhận định: Cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền mà là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn

đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.



Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 2-1930.

Tháng 6 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước. Người viết: “Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn việt gian, đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng. Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm”.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp chiếm Đông Dương. Ngày 9 tháng 8 năm 1945, phe đồng minh gửi công hàm yêu cầu Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chớp thời cơ này, Hồ Chí Minh cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Trong thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa, Người viết: “Hỡi đồng bào yêu quý. Giờ quyết định vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước. Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên, tiến lên, dưới lá cờ Việt minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên”.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã giành thắng lợi trong cả nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đây là thành quả đầu tiên trên con đường vạn dặm tìm đường cứu nước của Người.

KHÁT VỌNG GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC DI NGUYỆN CUỐI CÙNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRƯỚC LÚC NGƯỜI "ĐI XA" (PHẦN 2 VÀ HẾT)

Nền độc lập dân tộc tồn tại không được bao lâu, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, chúng nổ súng đánh chiếm Nam Bộ sau đó mở rộng ra cả nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 2-9-1945.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Người ra Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến. Người viết: *“Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”*.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã giành thắng lợi vẻ vang với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu”.

Đó là thành quả thứ hai trên con đường cách mạng của Người.

Chưa dừng lại ở đó, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ nhảy vào thế chân Pháp xâm lược nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh lại cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Khác với các cuộc kháng chiến trước đó, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước diễn ra chủ yếu trên chiến trường miền Nam. Lúc này cách mạng nước ta đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc và đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất

đất nước. Cũng chính do đặc điểm này mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn canh cánh nỗi niềm với miền Nam thân yêu. Người nói “*Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi*”. Khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước trong Người cháy bỏng hơn lúc nào hết. Đối với Người “*Một ngày Tổ quốc chưa thống nhất, miền Nam chưa được giải phóng là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên*”. Để biến khát vọng đó thành hiện thực, Người cùng Trung ương Đảng luôn trăn trở tìm đường lối, phương pháp cách mạng cho từng giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

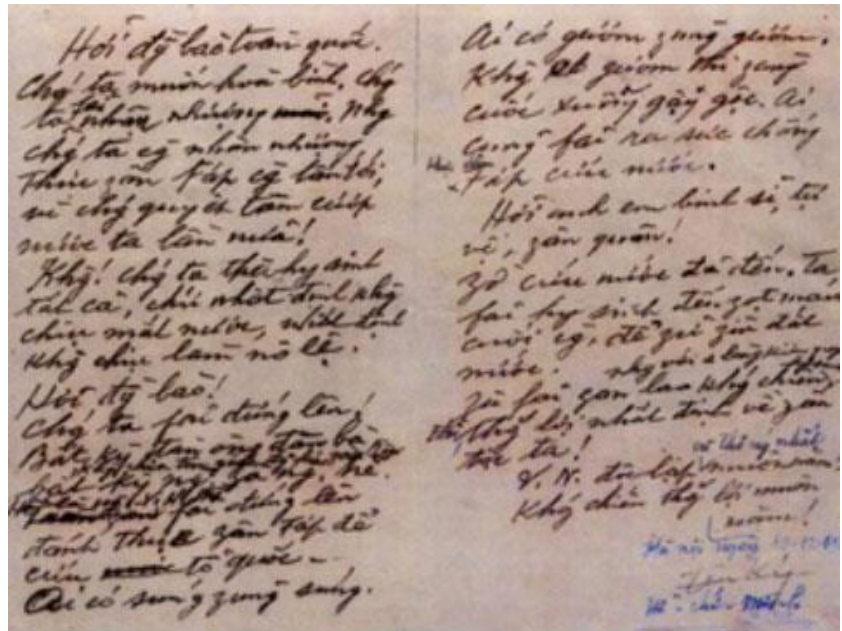
Từ tháng 7 năm 1954, tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Bất kỳ hòa bình hay chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước*”.

Ngày 6 tháng 7 năm 1956, trong thư gửi đồng bào cả nước, Người đã viết: “*Thống nhất nước nhà là con đường sống*

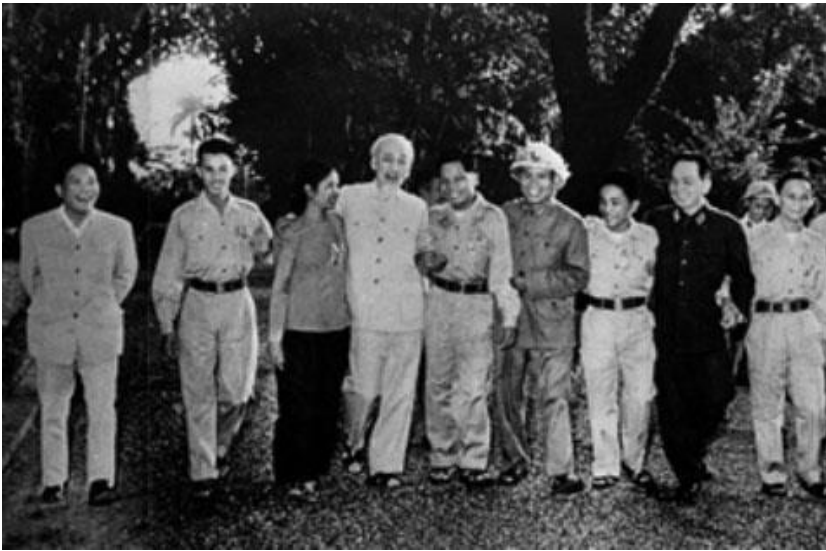
của nhân dân ta”. Cũng trong năm 1956, trong bài đăng trên báo Sự thật của Liên Xô, Người đã viết: “*Dân tộc Việt Nam phải vạch ra những phương pháp và biện pháp riêng của mình để chống âm mưu của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai hòng vĩnh viễn chia cắt đất nước*”.

Đầu năm 1959, theo định hướng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đã xác định: *con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*. Theo chủ trương này, nhân dân ta ở miền Nam đã tiến hành cuộc đồng khởi thành công đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Năm 1962, tiếp Đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ mong muốn miền Nam sớm được giải phóng để Người vào thăm đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thân yêu ở miền Nam.



Bảo vật quốc gia: Bút tích Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 19-12-1946.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đại biểu Anh hùng dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc, năm 1965.

Đầu năm 1965, bị thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào trực tiếp tham chiến, đồng thời dùng không quân, hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đứng trước thử thách nghiêm trọng. Bọn bè

quốc tế lo ngại liệu Việt Nam có thể đương đầu với Mỹ. Song với tư duy khoa học và biện chứng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã đánh giá đúng tương quan lực lượng ta - địch và đề ra chủ trương: Động viên cả nước kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào. Người khẳng định trong Lời kêu gọi toàn thể nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ: *“Lúc này chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”*. Người luôn đề cao vai trò của miền Bắc, coi đây là “cái gốc”, cái nền, là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến. Vì vậy khi đế quốc Mỹ dùng máy bay ném bom Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng, tháng 7 năm 1966, Người ra lời kêu gọi động viên nhân dân miền Bắc: *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”*.

Trong những năm cuối đời, chuẩn bị cho việc “ra đi” của mình, Người đã viết di chúc. Khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của Người càng cháy bỏng hơn bao giờ hết. Dù Người biết mình không thể cưỡng lại qui luật của cuộc đời, không thể tiếp tục cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đi đến chặng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhưng Người vẫn rất lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Câu đầu tiên trong di chúc Người đã viết: *“Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”*.

Người dự liệu những việc sẽ làm khi miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất: *“Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc*

mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta. Kế đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe XHCN và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta”.

Tiếp đó, sau khi nói về Đảng, về đoàn viên thanh niên, về nhân dân lao động, di chúc của Người lại nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Điều này chứng tỏ Người rất trăn trở nỗi niềm với miền Nam khi miền Nam chưa được giải phóng, đất nước chưa được thống nhất. Có lẽ đây là trăn trở lớn nhất trước khi Người “đi xa”. Người viết: *“Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”.* Người khẳng định: *“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.*

Đúng như dự liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 1975, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân ta đã giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối. Vậy là những trăn trở, khát vọng của Người đã trở thành hiện thực.

Đây là thành quả vĩ đại được kết tinh qua một chặng đường dài hàng chục năm Người ra đi tìm đường cứu nước, tìm đường giải phóng cho dân tộc thoát khỏi ách nô lệ của thực dân, phong kiến, đánh bại những đế quốc hùng mạnh nhất của thời đại và kế đó xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân được tự do, ấm no, hạnh phúc như Người hằng mong ước.

Nhìn lại chặng đường Người tìm đường cứu nước và quá trình cùng Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giải phóng dân tộc có thể thấy:

1. Từ một người yêu nước chân chính, Người trở thành người Cộng sản đầu tiên ở Việt nam và là người tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường của cách mạng vô sản.

Chúng ta đều biết, Người ra đi tìm đường cứu nước khi tuổi đời còn rất trẻ. Lúc đó Người cũng như các bậc tiền bối khác chưa có ý niệm rõ ràng về giai cấp, đấu tranh giai cấp, về chủ nghĩa Mác - Lê nin và Đảng của giai cấp vô sản. Qua hoạt

động thực tiễn ở các nước trên thế giới, đặc biệt được tiếp xúc với Luận cương Lê nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giúp người hình thành thế giới quan Cộng sản. Luận cương Lê nin đã giải đáp cho Người những băn khoăn về con đường giải phóng dân tộc. Quá trình Người tham gia Đảng Cộng sản Pháp, hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, học tập ở Đại học Phương Đông và sống trong không khí sôi sục tại trung tâm phong trào Cộng sản ở Nga đã giúp Người hoàn thiện thêm nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin. Người thấu hiểu sức mạnh của nhân dân lao động, hiểu mối quan hệ giữa các dân tộc bị áp bức trên thế giới, mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa và các nước chính quốc, về vai trò của Đảng Cộng sản, về chính quyền cách mạng...

Những nhận thức đó cùng với hoạt động thực tiễn đã đưa Người từ một người yêu nước chân chính trở thành một chiến sĩ Cộng sản. Và cũng chính Người đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Đó là con đường cách mạng vô sản với sự kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tinh thần yêu nước gắn với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

2. Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.



Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, ngày 9-9-1969.

Mặc dù từ một người yêu nước, bằng lí luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và thực tiễn hoạt động ở các nước trên thế giới, nhất là thực tế cách mạng Tháng Mười Nga, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Song Người không máy móc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê nin và kinh nghiệm thực tiễn cuộc cách mạng ở các nước

vào điều kiện cụ thể của Việt Nam mà Người luôn sáng tạo tìm con đường đi cho riêng mình và cách mạng nước mình. Người chú trọng đến sự vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin sao cho phù hợp với thực tế mỗi nước. Người đặt vấn đề: *"Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lí*

nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào - lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó không phải là toàn thể nhân loại". Với luận điểm này, Nguyễn Ái Quốc đã phê phán khuynh hướng “*lấy châu Âu làm trung tâm*”, coi châu Âu là mẫu mực, là điển hình cho sự phát triển của nhân loại, từ đó cho rằng cách mạng vô sản ở châu Âu thắng lợi thì các dân tộc thuộc địa đương nhiên được giải phóng. Ngược lại, Người đánh giá cao chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa. Người cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Từ đó, Người nhấn mạnh tầm quan trọng của cách mạng ở các nước thuộc địa. Người nói “*Vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa*”.

Nguyễn Ái Quốc đã làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa. Điều này chứng tỏ tư duy sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc dựa trên quan điểm thực tiễn, quan điểm biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Những quan điểm đó được Người vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Theo Người, cuộc đấu tranh giai cấp ở Việt Nam không diễn ra giống ở phương Tây, chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước. Từ đó, Người đề nghị xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Người kiên trì vận dụng những quan điểm này để chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Điều này được thể hiện cụ thể qua các văn bản mà Người đã soạn thảo như “Đường cách mệnh”, “Chánh cương, sách lược vắn tắt” và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

3. Cho đến tận cuối đời, Người vẫn trăn trở vì sự nghiệp cách mạng mà Người theo đuổi bao nhiêu năm vẫn chưa hoàn thành trọn vẹn. Di nguyện của Người trong di chúc về sự nghiệp chống Mỹ cứu nước đã chứng minh rất rõ điều này.

Tất cả những điều đã nói ở trên khẳng định bản chất yêu nước, cách mạng và tinh thần cộng sản của Hồ Chí Minh - một lãnh tụ thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, đúng như Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã viết: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”.

Nguyễn Xuân Năng // [ttp://baotanglichsu.vn](http://baotanglichsu.vn)

CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) được tạo nên từ nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, nhưng nhân tố bao trùm có vai trò quyết định nhất chính là sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam với đường lối cách mạng đúng đắn, độc lập, tự chủ và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài tình, sáng tạo.

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2020), Thông tấn xã Việt Nam trân trọng giới thiệu bài viết: “Chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975” của Tiến sĩ Trần Hữu Huy, Hội viên Hội khoa học lịch sử Việt Nam.



Xe tăng quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4/1975. Ảnh tư liệu: Trần Mai Hương/TTXVN

Hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác

Bước vào nửa cuối năm 1974, cục diện chiến tranh có sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng ngày càng có lợi cho cách mạng. Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị (họp từ ngày 30/9 - 7/10/1974) để bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hội nghị đã phân tích tình hình và rút ra những nhận định rất quan trọng: Về tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường, cách mạng đang ở thế thắng, thế chủ động và tiến lên; trái lại địch chịu nhiều thất bại liên tiếp nên đang ở thế thua, thế bị động và xuống dốc. Mỹ đã rút ra, đang gặp nhiều khó khăn, nên không có khả năng quay trở lại (can thiệp trực tiếp bằng quân sự); dù cho Mỹ có can thiệp trở lại bằng quân sự trong chừng mực nào đó thì cũng không xoay chuyển được tình thế, không cứu vãn được sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn. Do có sự thỏa hiệp với đế quốc Mỹ, một số nước lớn có ý đồ cản trở thắng lợi của cách mạng Việt Nam, chia rẽ tình đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương nhằm phục vụ cho mưu đồ xâm lược bành trướng, nhưng thời điểm này chưa đủ sức, chưa sẵn sàng.

Từ những nhận định trên, Bộ Chính trị đi đến khẳng định: Đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn. Hai mươi năm nhân dân cả nước chiến đấu mới tạo được thời cơ này. Ngoài thời cơ này, không còn thời cơ nào khác. Nếu để chậm mười, mười lăm năm nữa, địch gượng dậy được, các thế lực xâm lược bành trướng mạnh lên, tình hình sẽ phức tạp vô cùng.

Trên cơ sở nhận diện đúng thời cơ, Bộ Chính trị đề ra quyết tâm: “Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy (...), đánh đổ nguy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam” (trích Biên bản kết luận Hội nghị).

Về mặt thời gian, Bộ Chính trị cơ bản thống nhất đề án xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, chia làm hai bước: Bước 1 (1975), tranh thủ thời cơ, bất ngờ mở cuộc tiến công lớn và rộng khắp. Bước 2 (1976), thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn thắng.

Tuy nhiên, tập thể Bộ Chính trị nhận thấy: quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam lần này có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, vừa quyết định đến toàn bộ sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc, nhưng đồng thời mang tính chất thời đại sâu sắc. Do đó, cần phải có thêm thời gian đánh giá tình hình kỹ hơn, thảo luận sâu sắc hơn, xây dựng kế hoạch đầy đủ hơn, để đi đến hạ quyết tâm chiến lược cuối cùng có cơ sở khoa học, bảo đảm chắc thắng.

Sau một thời gian tiếp tục theo dõi tình hình quốc tế và khu vực có liên quan, đồng thời nắm bắt cụ thể diễn biến từ chiến trường, có thêm cơ sở thực tiễn, Đảng triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (họp từ ngày 18/12/1974 - 8/1/1975), trong đó có nhiều đồng chí lãnh đạo, phụ trách các chiến trường từ miền Nam tham dự.

Hội nghị cơ bản nhất trí với phương hướng chiến lược đã được Hội nghị Bộ Chính trị lần trước thông qua; đồng thời đi sâu phân tích, làm rõ thêm so sánh lực lượng giữa ta và địch; đánh giá khả năng can thiệp quân sự của Mỹ; trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn của chủ lực ta; về khả năng giành thắng lợi nhanh gọn, triệt để...

Giữa lúc Hội nghị đang diễn ra thì nhận được tin Quân giải phóng miền Nam đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long (13/12/1974 - 6/1/1975). Ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch; phá hủy, thu giữ nhiều loại vũ khí, đạn dược (trong đó có gần 10.000 viên đạn pháo); giải phóng toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân, tạo thêm bàn đạp uy hiếp từ phía bắc Sài Gòn. Cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều phản ứng yếu ớt rồi chấp nhận thất bại.

Chiến thắng Phước Long có giá trị như “đòn trinh sát chiến lược”, cho thấy rõ hơn khả năng Mỹ sẽ không can thiệp trở lại bằng quân sự; đồng thời bộc lộ trình độ tác chiến yếu kém của chủ lực quân đội Sài Gòn, ta có thể giành thắng lợi sớm hơn.

Dựa trên những cơ sở thực tiễn mới nhất, đặc biệt là chiến thắng Phước Long, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng khẳng định: “Thời cơ chiến lược của ta đang phát triển nhanh chóng đến độ chín muồi”, từ đó, chính thức hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, trong thời gian hai năm 1975 - 1976 đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta; tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam” (trích Biên bản kết luận Hội nghị).

Tuy đề ra kế hoạch hai năm 1975 - 1976, Hội nghị lần này cũng chỉ rõ: Nếu thời cơ đến sớm hơn, vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Phải tranh thủ đánh thắng nhanh để giảm bớt sự thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh. Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến chiến lược do Bộ Tổng tham mưu soạn thảo (trải qua 8 lần xin ý kiến chỉnh sửa), thống nhất chọn Nam Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu, với mục tiêu chính là thị xã Buôn Ma Thuột.

Đây là quyết tâm chiến lược cuối cùng giải phóng hoàn toàn miền Nam của tập thể Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, là kết quả của sự chuẩn bị chiến lược hết sức chủ động, dũng cảm, sáng tạo, công phu kiên trì, bền bỉ trên tất cả các mặt (chính trị, quân sự, ngoại giao, tiềm lực hậu phương và tiền tuyến, thế trận và lòng người...) trong thời gian dài, thể hiện trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam trong “cuộc đọ sức đầu lịch sử” với đế quốc Mỹ và lực lượng phản động, tay sai.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị đề ra, nhân dân cả nước ra sức chuẩn bị mọi mặt với khí thế hào hùng chưa từng có, hướng tới trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Trên khắp chiến trường, đầu năm 1975, quân dân ta đẩy mạnh hoạt động, đánh địch khắp nơi theo quy mô vừa và nhỏ là chính, vừa làm cho địch tiếp tục suy yếu và bị động, vừa thực hành nghi binh che giấu ý đồ, mục tiêu tiến công chiến lược của ta.

Trong lúc đó, Mỹ và chính quyền Sài Gòn vẫn chủ quan, đánh giá: sang năm 1975, phía Quân giải phóng sẽ đánh với quy mô mạnh hơn năm 1974, nhưng không bằng năm 1968 và năm 1972. Quân giải phóng cũng chưa có khả năng đánh chiếm thị xã, thành phố lớn, và nếu có chiếm cũng không giữ được.

Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu còn nhận định: hướng tiến công chủ yếu của Quân giải phóng là miền Đông Nam Bộ, do đó, bên cạnh việc tập trung lực lượng mạnh phòng thủ ở Quân khu 1 (tiếp giáp miền Bắc), địch huy động lực lượng về củng cố phòng thủ ở Quân khu 3 (miền Đông Nam Bộ). Đối với chiến trường Tây Nguyên, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn phán đoán Quân giải phóng sẽ đánh mạnh ở hướng Bắc Tây Nguyên, nên dồn lực lượng phòng thủ tại đây; trong khi ở hướng Nam Tây Nguyên (có thị xã Buôn Ma Thuột) lực lượng địch bị căng mỏng, bố trí phòng thủ có nhiều sơ hở. Thực tiễn đã khẳng định, đó là những nhận định, đánh giá sai lầm chiến lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt, sáng tạo

Thực hiện kế hoạch tác chiến chiến lược đã đề ra, sau một quá trình chuẩn bị, từ ngày 4/3/1975, quân dân ta bất ngờ mở chiến dịch tiến công Tây Nguyên, đánh chiếm mục tiêu chủ yếu (Buôn Ma Thuột) làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch trên chiến trường miền Nam.

Ngày 3/4/1975, chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi. Ta tiêu diệt và làm tan rã Quân đoàn 2 - Quân khu 2 của chính quyền Sài Gòn, giải phóng Tây Nguyên cùng một số tỉnh ven biển Trung Trung Bộ, làm thay đổi cơ bản so sánh lực lượng, thế chiến lược giữa ta và địch, tạo bước ngoặt quyết định, đưa cuộc tiến công chiến lược của ta phát triển thành tổng tiến công trên toàn miền Nam.

Thắng lợi bước đầu của chiến dịch Tây Nguyên, đặc biệt là trận then chốt giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột (10/3/1975) và thông tin địch rút toàn bộ lực lượng khỏi Tây Nguyên đã mở ra khả năng thắng lớn của cách mạng. Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh hết sức thuận lợi, ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị họp bàn, bổ sung vào quyết tâm chiến lược: thực hiện phương án tranh thủ thời cơ, giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975. Kế hoạch hai năm được rút xuống còn một năm. Bộ Chính trị nhấn mạnh: Muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta là mở đòn tiến công chiến lược thứ hai nhằm giải phóng Huế - Đà Nẵng và các tỉnh ven biển miền Trung.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị đề ra, quân dân ta đẩy mạnh tiến công địch ở Trị - Thiên, các tỉnh đồng bằng ven biển Khu 5, gây áp lực mạnh buộc địch phải thu dồn lực lượng về giữ các thành phố lớn là Huế, Đà Nẵng. Tranh thủ thời cơ địch co cụm, các binh đoàn chủ lực của ta phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang cùng nhân dân địa phương nhanh chóng mở các đợt tiến công giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn; đồng thời tổ chức các mũi thọc sâu chia cắt địch, chặn đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây địch trong thành phố.

Ngày 25/3/1975, trong khi chiến trường đang diễn biến sôi động, bước vào thời điểm khẩn trương và quyết định, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã họp bàn khẳng định: “Cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với chiến dịch Tây

Nguyên. Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”, từ đó đề ra chủ trương: tập trung nhanh nhất binh lực, vật lực giải phóng miền Nam trước mùa mưa (khoảng giữa tháng 5/1975). Kế hoạch một năm tiếp tục được rút xuống còn 5 tháng.

Bộ Chính trị hạ quyết tâm mở chiến dịch lịch sử có ý nghĩa quyết định với quy mô lớn nhất: Chiến dịch tổng công kích và nổi dậy giải phóng Sài Gòn (sau được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh). Nhưng muốn đi đến đòn quyết chiến chiến lược ấy, Bộ Chính trị chỉ đạo: dứt điểm giải phóng Thừa Thiên - Huế; đồng thời tiến công Đà Nẵng kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất và chắc thắng.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, tranh thủ địch đang hoang mang dao động, các cánh quân chủ lực của ta đồng loạt tiến công, chỉ trong thời gian ngắn đập tan mọi tuyến phòng thủ của địch, giải phóng Huế (26/3/1975), giải phóng Đà Nẵng (29/3) cùng các tỉnh ven biển miền Trung.

Ta đã tiêu diệt, làm tan rã toàn bộ lực lượng Quân đoàn 1 - Quân khu 1 của địch, giáng đòn nặng nề vào chính quyền, quân đội Sài Gòn cũng như kế hoạch kéo dài chiến tranh của Mỹ; mở ra vùng hậu phương chiến lược hoàn chỉnh nối liền với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng dễ dàng cơ động lực lượng, binh khí kỹ thuật phục vụ cho tác chiến quy mô lớn hơn. Thắng lợi này hợp cùng với thắng lợi Tây Nguyên đã làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo bước phát triển nhảy vọt về cục diện chiến tranh hoàn toàn có lợi cho cách mạng.

Căn cứ vào những chuyển biến hết sức mau lẹ từ chiến trường, ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị họp bàn, ra quyết định lịch sử: “Năm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng tư năm nay, không để chậm”. Kế hoạch 5 tháng tiếp tục được rút xuống còn 4 tháng. Bộ Chính trị cũng đề ra phương châm chỉ đạo: “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Đến ngày 7/4/1975, phương châm chỉ đạo này đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp phát lệnh truyền đi khắp các hướng chiến trường. Ngày 14/4/1975, thể theo nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước và đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn, Bộ Chính trị họp bàn, đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn ấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Vào những ngày tháng 4/1975, trên mọi miền đất nước, nhân dân ta ra sức chuẩn bị cho trận quyết chiến lịch sử. Quân ta trên chiến trường ra sức tạo thế, tạo lực. Ngày 9/4/1975, quân ta tiến công Xuân Lộc - tuyến phòng thủ trọng yếu bảo vệ Sài Gòn từ phía đông của quân đội Sài Gòn. Ngày 16/4, quân ta đập tan tuyến

phòng thủ Phan Rang. Ngày 21/4/1975, quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy. Trong khi đó, địch bị tổn thất nặng nề về lực lượng và phương tiện, tinh thần hoang mang. Mỹ lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho chính quyền, quân đội Sài Gòn nhằm cứu vãn sự sụp đổ hoàn toàn, hi vọng tìm kiếm một giải pháp qua đàm phán.

Ngày 22/4/1975, Bộ Chính trị họp bàn, phát lệnh: “Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị”.

Ngày 26/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu. Tất cả các cánh quân của ta, bao gồm 4 quân đoàn (1, 2, 3, 4) và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) lần lượt đập tan các tuyến phòng thủ vòng ngoài, đồng thời hình thành các mũi thọc sâu đánh chiếm 5 mục tiêu trọng yếu trong nội đô Sài Gòn.

Trưa ngày 30/4/1975, Quân giải phóng tiến vào Dinh độc lập, bắt sống toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Như vậy, trải qua gần hai tháng Tổng tiến công và nổi dậy, quân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trọn vẹn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc chặng đường 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc kể từ Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chiến công hiển hách đã làm kinh ngạc cả thế giới.

Nhìn lại thắng lợi vang dội của 45 năm về trước, chúng ta càng nhận thức rõ ràng hơn về nghệ thuật chỉ đạo kết thúc chiến tranh tài tình, sáng tạo của tập thể Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, vượt qua mọi hoạch định, toan tính chiến tranh xâm lược của đối phương. Quá trình chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị trong giai đoạn kết thúc chiến tranh ấy đã để lại những bài học lịch sử lớn, quan trọng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, như: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới; bám sát thực tiễn, nhận diện nắm bắt đúng thời cơ, phát huy sức mạnh nội lực, kết hợp với tranh thủ những điều kiện khách quan thuận lợi để vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi mục tiêu cơ bản đề ra; tăng cường giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách vì lợi ích quốc gia, dân tộc; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt...

MỆNH LỆNH LỊCH SỬ

Cách đây 45 năm, 9 giờ 30 sáng 7/4/1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi Điện số 157-HĐKTK cho các đơn vị mệnh lệnh: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng!"

Mật lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vừa là mệnh lệnh, vừa là lời khích cổ vũ tinh thần đối với cán bộ, chiến sỹ trên chiến trường vào thời điểm vô cùng quan trọng của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Mệnh lệnh lịch sử

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Thắng lợi lịch sử ấy bắt nguồn từ đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần đoàn kết, chiến đấu anh dũng bất khuất của toàn quân, toàn dân, gắn liền với sự lãnh đạo và điều hành trực tiếp của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh trong quá trình kháng chiến.

Trong những ngày tháng lịch sử đó, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh đã tập trung trí tuệ, tài năng ra những quyết định, kế hoạch chiến lược, chiến dịch, những mệnh lệnh, chỉ thị cho quân và dân cả nước biến các nghị quyết đúng đắn của Đảng thành sức mạnh chiến đấu và chiến thắng trên các chiến trường.



Bức điện lịch sử.

Một trong những mệnh lệnh đó do Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ký trong bức điện khẩn ngày 7/4/1975. Bức điện với nội dung: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng phút, từng giờ, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sỹ" được coi là "kim chỉ nam" để các cánh quân tiến thẳng vào

sào huyệt của kẻ thù. Mệnh lệnh lịch sử này đã góp phần quan trọng tạo nên tính lịch sử cho chiến dịch quân sự lớn nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Tuy nhiên, Mỹ-ngụy ra sức phá hoại Hiệp định Paris, đẩy mạnh bình định lấn chiếm, tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh."

Trước tình hình đó, tháng 3/1973, Quân ủy Trung ương đã họp và xác định: trong khi địch dùng biện pháp quân sự để đánh ta, ta cần kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, với pháp lý của Hiệp định Paris, từng bước chuyển sang tiến công chủ yếu bằng chính trị có lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, nhằm thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên thế có lợi cho ta.

Ngày 30/1/1974, Bộ Chính trị họp mở rộng, bàn kế hoạch nắm bắt thời cơ, thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam.

Sáng 31/3/1975, Bộ Chính trị họp mở rộng và nhận định: “Cách mạng nước ta đang phát triển sôi nổi nhất với nhịp độ một ngày bằng 20 năm. Vì vậy Bộ Chính trị quyết định, nắm vững thời cơ chiến lược với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng tư, không thể chậm”.

Trong hồi ký của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Ngay sau Hội nghị Bộ Chính trị, tôi suy nghĩ nhiều về trận chiến đấu sẽ diễn ra trên chiến trường trọng điểm Sài Gòn-Gia Định. Sau khi nghiên cứu, trao đổi với Phó Tổng Tham mưu trưởng Cao Văn Khánh và Cục trưởng Cục Tác chiến Lê Hữu Đức, ngày 1/4, tôi gọi điện vào B2. Đúng như Bộ Chính trị nhận định, chiến tranh cách mạng ở miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt. Hiện nay ta đã có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến rất nhiều. Vấn đề quyết định là phải kịp nắm lấy thời cơ, tranh thủ vào trung tuần tháng 4 thì bắt đầu cuộc tấn công quy mô lớn vào Sài Gòn. Làm được như vậy thì thuận lợi nhất, bảo đảm thắng lợi giòn giã nhất. Bất ngờ hiện nay không còn ở phương hướng nữa. Địch biết nhất định ta sẽ đánh vào Sài Gòn nhưng chúng cho rằng ta cần chuẩn bị một hai tháng. Vì vậy, bất ngờ hiện nay chủ yếu là khâu thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng, thần tốc, mặt khác sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động...”

Trước thời khắc quyết định của dân tộc, cuộc tiến quân lịch sử của Quang Trung - Nguyễn Huệ lại hiện về trong ký ức của Đại tướng. Ngày 4/4, Đại tướng gửi điện cho cán bộ, chiến sỹ Quân đoàn 2 đang hành quân: “...Các đồng chí lên đường làm nhiệm vụ rất vẻ vang. Cần hành động thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Ngày 6/4, điện của Quân ủy Trung ương gửi Bộ Tư lệnh Đoàn 559 nêu rõ: “... Cần chú trọng coi công tác bảo đảm chi viện và bảo đảm cơ động lực lượng ta vào B2 là công tác trung tâm số 1. Vì vậy, cần có kế hoạch tổ chức thật tốt công tác này, nhất là bảo đảm việc hành quân của các đơn vị, binh khí kỹ thuật và các nhu cầu đạn dược theo đúng thời gian đã định”.

Bức điện lúc 22 giờ ngày 6/4 của Quân ủy Trung ương gửi đồng chí Đồng Sỹ Nguyên và Thường vụ Đảng ủy 559 nhấn mạnh: “...Yêu cầu của mặt trận hết sức gấp, từng ngày, từng giờ. Thời gian lúc này là lực lượng, là sức mạnh. Các đồng chí dùng mọi biện pháp tổ chức và đôn đốc các đơn vị hành quân hết sức nhanh, chi viện hết sức gấp, hoàn thành xuất sắc chiến dịch chi viện thần tốc này.”

Ngày 7/4/1975, tại Tổng hành dinh Sở Chỉ huy chiến dịch - Nhà D67, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tự tay thảo bức điện 157/ĐK gửi các cánh quân:

"1. Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng.

2. Truyền đạt tức khắc đến đảng viên, chiến sỹ."

Bên dưới ký một chữ Văn.

Bức điện lập tức được giao ban cơ yếu mã hóa. Đồng chí Nguyễn Bá Lúu - chiến sỹ báo vụ Lữ đoàn 25 là người trực tiếp được truyền tải bức điện đó tới chỉ huy các cánh quân tham gia giải phóng miền Nam.

Chỉ với 40 từ, vô cùng ngắn gọn nhưng Bản Mệnh lệnh đã xác định rõ mục tiêu phải đạt được, đồng thời chỉ rõ phương châm hành động để đạt được mục tiêu đó: Đã thần tốc rồi, cần thần tốc hơn nữa! Đã táo bạo rồi cần táo bạo hơn! Thần tốc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bức điện khẩn "Thần tốc, thần tốc hơn nữa..." do tự tay Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, ký tên được Ban Cơ yếu lập tức truyền đi khắp các mặt trận trên toàn miền Nam như một lời "hịch tướng sỹ."

Mệnh lệnh đã truyền đạt quyết tâm cao nhất của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tới các cấp lãnh đạo và chỉ huy chiến trường, tới mỗi đảng viên, chiến sỹ để chủ động sáng tạo, thừa thắng, xốc tới, hướng mọi hành động theo phương châm thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng. Và cả dân tộc đã ra quân với khí thế ấy.

Trong đêm 7/4, các cánh quân của ta đã tăng tốc độ hành quân cả đêm và ngày đến vị trí tập kết chiến dịch đúng quy định. Ngày 9/4, Quân đoàn 4 bắt đầu tiến công địch trong thị xã Xuân Lộc; địch phản kích quyết liệt, buộc các đơn vị của ta phải thay đổi chiến thuật, rút khỏi Xuân Lộc, đánh vòng ngoài, diệt địch ở Túc Trưng, Kiệm Tân, theo đường 20 phát triển đánh địch ở ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1 về Sài Gòn.

Ngày 14/4, cánh quân hướng Đông tiến công vào tuyến phòng thủ Phan Rang đến ngày 16 chiếm thị xã Phan Rang và sân bay Thành Sơn, diệt và bắt toàn bộ quân địch ở đây, giải phóng tỉnh Ninh Thuận. Ngày 19/4, Quân đoàn 2 giải phóng Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận, thần tốc tiến vào Long Khánh, phối hợp với Quân đoàn 4 giải phóng Xuân Lộc. Trên các hướng Bắc, Tây Bắc, Đông và Tây Nam, quân ta dồn dập tiến công tiêu diệt các sư đoàn chủ lực địch phòng thủ vòng ngoài, áp sát lực lượng vào vùng ven đô.



Xe tăng húc đổ cổng Dinh độc lập trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Cũng trong ngày 14/4, Bộ Chính trị đặt tên cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn là Chiến dịch Hồ Chí Minh, do Đại tướng Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy.

Ngày 22/4, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, điện chỉ đạo Bộ Chỉ huy chiến dịch: “Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi về quân sự chính trị. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nắm vững thời cơ lớn chúng ta nhất định toàn thắng.” Và Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn-Gia Định trước ngày 30/4/1975.

5 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, Bộ Chỉ huy Chiến dịch ra lệnh tổng công kích, đánh chiếm 5 mục tiêu then chốt: Sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu, Dinh Độc Lập, Tổng nha cảnh sát đô thành và Biệt khu thủ đô. Từ bốn hướng Đông, Bắc và Tây Bắc, Tây Nam, quân ta đồng loạt tiến công vào Sài Gòn phối hợp với quần chúng nhân dân nổi dậy, đến 11 giờ 30 phút ta làm chủ các mục tiêu và cấm cò Mặt trận Dân tộc Giải phóng lên Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Cùng với cuộc tổng tiến công giải phóng Sài Gòn-Gia Định, quân ta đánh chiếm, giải phóng các đảo và quần đảo ở ven biển miền Trung và Trường Sa. Quân và dân các tỉnh miền Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long tiến công, nổi dậy diệt và làm tan rã Quân đoàn 4 ngụy, giải phóng các tỉnh Long An, Bình Dương, Tây Ninh, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu, đảo Phú Quốc, Bà Rịa-Vũng Tàu. Ngày 1/5, ta tiếp tục giải phóng các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Vĩnh Long, Chương Thiện, Cà Mau, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiên Tường, Sa Đéc, Côn Đảo. Đến ngày 1-5-1975, toàn bộ các tỉnh, thành phố trên đất liền và các đảo, quần đảo ở biển Đông trên toàn miền Nam Việt Nam được giải phóng.

45 năm đã trôi qua kể từ đại thắng Mùa Xuân năm 1975, nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, đã tiến những bước dài trong công cuộc xây dựng đất nước. Song lời mệnh lệnh lịch sử “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa ...” của Đại tướng Võ nguyên Giáp vẫn còn nguyên giá trị, mãi mãi là niềm tự hào và quyết tâm sắt đá của cả một dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Đặc biệt, trong những ngày này, khi cả nước đang chung tay chống “giặc” COVID-19, mệnh lệnh thần tốc, tranh thủ từng giờ, từng phút cần được vận dụng để quyết định cuộc chiến với dịch bệnh COVID-19. Tại cuộc họp và thị sát qua hệ thống trực tuyến về công tác phòng chống dịch COVID-19 tại 5 thành phố trực thuộc Trung ương (ngày 29/3/2020), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh lại tinh thần như trong bức điện của Bộ Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 7/4/1975, là “thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng!” Tinh thần này cần được vận dụng công cuộc phòng chống dịch bệnh hiện nay của nước ta.

45 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM: TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC

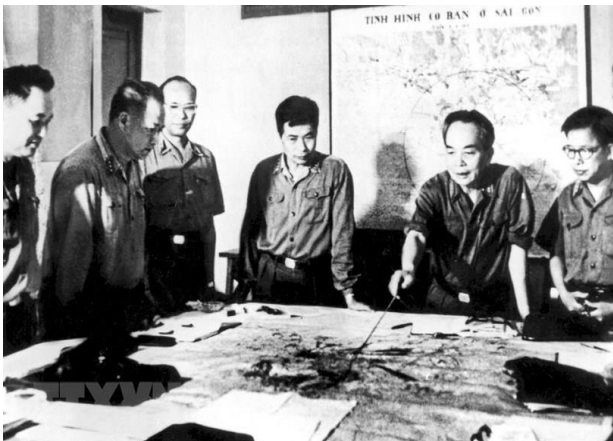
Cách đây 45 năm, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - chiến dịch quyết chiến, chiến lược trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 - là mốc son chói lọi đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi.



Bộ đội lên máy bay vận tải vào miền Nam tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn (tháng 4/1975). (Ảnh: TTXVN)



Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh tại căn cứ Tà Thiết - Lộc Ninh (tháng 4/1975). (Ảnh: TTXVN)



Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định đặt tên cho Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh với phương châm “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Trong ảnh: Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí trong Quân ủy Trung ương duyệt phương án tác chiến Chiến dịch Hồ Chí Minh (Hà Nội, 4/1975). (Ảnh: TTXVN)



Đứng trước thời cơ chiến lược lớn với điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị, tháng 10/1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thảo luận kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam. (Ảnh: Tư liệu TTXVN)



Lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 1 vượt đường 16 tiến vào giải phóng Sài Gòn. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Sư đoàn 5 chặn đánh địch trên Quốc lộ 4 Bến Lức - Long An, mở đường cho quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, ngày 29/4/1975. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Sau 4 ngày đêm chiến đấu, đến sáng 30/4/1975, các đơn vị của Sư đoàn 304 đã chính thức tiêu diệt toàn bộ cứ điểm căn cứ Nước Trong (Long Thành, Đồng Nai) của địch, mở toang "cửa ngõ" cho lực lượng thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu trong nội thành Sài Gòn. Đây cũng là một trong các trận đánh khốc liệt nhất của quân ta trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Phi đội Quyết thắng tại sân bay Thành Sơn (Phan Rang) chiều 28/4/1975 sau khi tấn công sân bay Tân Sơn Nhất. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Lực lượng xe tăng Sư đoàn 10 (Quân đoàn 3) được nữ chiến sĩ biệt động Nguyễn Trung Kiên (Cao Thị Nhíp) dẫn đường, đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, ngày 30/4/1975. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Ngày 9/4/1975, các đơn vị bộ binh và xe tăng thần tốc tiến về giải phóng Xuân Lộc, "cánh cửa thép" – căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông Bắc. Ngày 21/4, quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy, cửa ngõ vào Sài Gòn từ hướng Đông Bắc đã được mở. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Trên đường tiến về Sài Gòn, quân ta tiêu diệt nhiều xe tăng, xe bọc thép của địch. (Ảnh: Hoàng Thiêm/TTXVN)



Cờ giải phóng tung bay trên sân bay Tân Sơn Nhất, ngày 30/4/1975. (Ảnh: Quang Thành/TTXVN)



Xe tăng của Lữ đoàn tăng – thiết giáp 203, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2 tiến vào Dinh Độc Lập, trưa 30/4/1975. (Ảnh: Trần Mai Hưởng/TTXVN)



Trung úy Bùi Quang Thận, Đại đội trưởng xe tăng 4 (cầm cờ, phía trước) cùng 3 chiến sĩ của Lữ đoàn Tăng – Thiết giáp 203, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2 tiến vào cầm cờ trên nóc Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, trưa 30/4/1975. (Ảnh: Vũ Tạ/TTXVN)



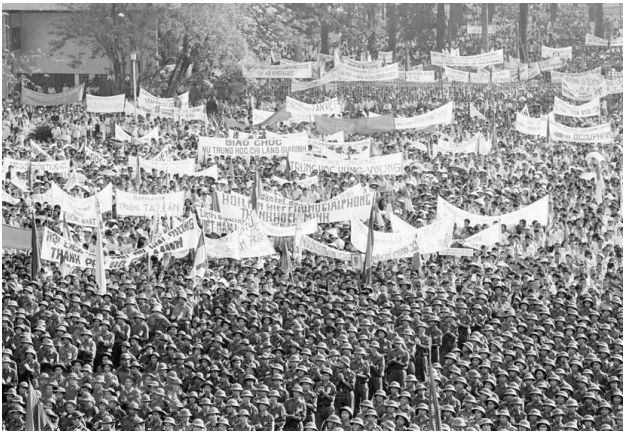
Xe tăng và bộ binh quân giải phóng chiếm phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, trưa 30/4/1975. (Ảnh: Mai Hưởng/TTXVN)



Xe tăng quân giải phóng chiếm phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, trưa 30/4/1975. (Ảnh: Quang Thành/TTXVN)



Tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các ra trước Đài Phát thanh Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, kết thúc chiến tranh Việt Nam, trưa 30/4/1975. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Nhân dân thành phố Sài Gòn mít tinh chào mừng Ủy ban Quân quản thành phố ra mắt, ngày 7/5/1975. (Ảnh: Minh Lộc/TTXVN)



Nhân dân Sài Gòn đổ ra đường đón chào quân giải phóng, trưa 30/4/1975. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN)



Sáng 13/5/1975, các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục và quân, dân miền Nam ra sân bay Tân Sơn Nhất đón Chủ tịch Tôn Đức Thắng dẫn đầu Đoàn đại biểu BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào dự Lễ mừng chiến thắng tại thành phố Sài Gòn. Trong ảnh: Đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng bộ miền Nam đón Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại sân bay Tân Sơn Nhất. (Ảnh: Văn Bảo/TTXVN)

TƯ TƯỞNG CHỦ ĐỘNG TIẾN CÔNG TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN VÀ CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC XUÂN 1975

Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên là kết quả của quá trình phát huy tư tưởng chủ động tiến công, giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tạo thời cơ và bước chuyển quan trọng cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đó là thắng lợi về chủ trương, phương châm lãnh đạo, chỉ đạo với tư tưởng chủ động tiến công tác chiến chiến lược mùa Xuân 1975 của Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Thể hiện ở một số nội dung cơ bản sau:



Tấn công, đánh chiếm trại Mai Hắc Đế, thị xã Buôn Ma Thuột trong Chiến dịch Tây Nguyên, tháng 3-1975. (Ảnh tư liệu)

trường vẫn không ngưng tiếng súng, bởi Nguyễn Văn Thiệu đẩy mạnh thực hiện xua quân “tràn ngập lãnh thổ” trên toàn miền Nam. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã họp (7-1973), xác định: “Con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là con đường cách mạng bạo lực. Bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công”⁽¹⁾. Theo đó, cơ quan Tổng hành dinh đã tập trung vào xây dựng kế hoạch tác chiến chiến lược. Kế hoạch do Bộ Tổng Tham mưu soạn thảo, trên cơ sở tiếp thu ý kiến các tư lệnh chiến trường; sau nhiều lần hoàn thiện theo chỉ đạo của trên, kế hoạch chiến lược được hoàn chỉnh, báo cáo Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Tháng 10 và 12 năm 1974⁽²⁾, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã tổ chức hai cuộc họp cùng với lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt các chiến trường thống nhất và thông qua kế hoạch chiến lược. Bộ Chính trị họp hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong

1. Xây dựng phương án, kế hoạch tác chiến chiến lược, lấy Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu cho cuộc Tổng tiến công chiến lược Xuân 1975.

Ngày 27-01-1973, Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết Quân đội Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam. Mặc dù vậy, nhưng trên chiến

hai năm 1975, 1976 và Kế hoạch Tác chiến chiến lược năm 1975 do Bộ Tổng Tham mưu đề nghị⁽³⁾.

Ngày 06-01-1975, Chiến dịch Đường số 14 - Phước Long “trận trinh sát chiến lược” của ta giành thắng lợi, tạo cơ sở vững chắc để Bộ Chính trị chính thức hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam, xác định: Tây Nguyên là chiến trường chủ yếu. Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ trên giao, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên đã trực tiếp chỉ đạo cơ quan, cùng đội ngũ cán bộ tác chiến khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị chiến trường, nhất là xây dựng và hoàn thành kế hoạch chiến dịch, bao gồm các kế hoạch: Triển khai đường cơ động trên các hướng, các mũi chiến dịch; cơ động lực lượng; nghi binh chiến dịch; tập kết bộ đội; bảo đảm hậu cần kỹ thuật; tiếp nhận cơ sở vật chất, lực lượng tăng cường và bảo đảm tối đa hệ số kỹ thuật các phương tiện hiện có. Cùng với đó, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nâng cao ý chí quyết tâm chiến đấu, phát huy sức mạnh tổng hợp, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 09-01-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp, bàn và quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên với mật danh “Chiến dịch 275”. Từ ngày 17 đến 19-02-1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch họp và xác định phương án tác chiến; trong đó, xác định cách đánh chung là: “Bí mật triển khai lực lượng cắt đường giao thông đường số 14, 19, 21, ngăn chặn lực lượng cơ động chiến dịch, chiến lược của quân Ngụy ứng cứu, tăng viện cho Buôn Ma Thuột”⁽⁴⁾. Ngày 04-3-1975, ta mở Chiến dịch Tây Nguyên và chọn mục tiêu tiến công chủ yếu là Buôn Ma Thuột làm trận đột phá then chốt mở màn cho Chiến dịch giành thắng lợi, làm đảo lộn thế phòng thủ của địch, buộc chúng phải rút khỏi Kon Tum, Pleiku, tạo bước ngoặt quan trọng và thời cơ thuận lợi cho các chiến trường tiến tới thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Dự kiến Phương án và Kế hoạch Tác chiến chiến lược cho năm 1975, Trung ương Đảng đã khẳng định: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”⁽⁵⁾. Sự quyết đoán của Trung ương Đảng, thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy sắc sảo, quyết tâm chiến lược táo bạo nhưng hết sức chính xác. Cùng với đó, ta đã tận dụng được thời cơ chiến lược mở ra từ thắng lợi ở Buôn Ma Thuột, chuyển sang kế hoạch một năm từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược, rút ngắn một nửa thời gian hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam.

2. Chủ động, tích cực làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt cho Chiến dịch Tây Nguyên và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Năm 1974, Quân đội Sài Gòn bị thất bại nặng nề, nhưng lực lượng của địch còn hàng triệu quân, được trang bị hiện đại, đang triển khai hoàn chỉnh trên bốn quân khu từ Trị Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long. Trong tình hình đó, việc lựa chọn hướng, mục tiêu chủ yếu mở đầu cuộc tổng tiến công, tiêu diệt lớn quân địch làm

thay đổi nhanh chóng so sánh tương quan lực lượng, chuyển biến cục diện chiến trường, tạo bước ngoặt về chiến lược là vấn đề hết sức quan trọng đã được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cân nhắc hết sức cẩn trọng. Buôn Ma Thuột được lựa chọn mở đầu cho Chiến dịch Tây Nguyên, đó là mục tiêu lớn ta tổ chức đánh, làm rung động quân địch, tạo điều kiện cho các hướng phát huy sức mạnh hiệp đồng binh chủng đột phá tiến hành và phát triển thuận lợi để đánh vào các mục tiêu quan trọng.

Tháng 6 năm 1974, Đảng ủy Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên ra Nghị quyết xây dựng khối chủ lực Tây Nguyên thành binh đoàn chiến dịch, có khả năng tác chiến hiệp đồng binh chủng, có sức cơ động cao. Về lực lượng, thành lập trung đoàn pháo binh ở các sư đoàn; lực lượng pháo binh của mặt trận được tổ chức thành 02 trung đoàn hoàn chỉnh; lực lượng phòng không được tổ chức lại thành 02 trung đoàn (234, 575); thành lập Trung đoàn Đặc công 198, Trung đoàn Xe tăng 273, Trung đoàn Thông tin 29. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là thành lập một số quân đoàn chủ lực⁽⁶⁾.

Về hậu cần, kỹ thuật, được tổ chức theo hướng bảo đảm khả năng tác chiến tập trung quy mô lớn, có sức cơ động cao, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tổng Tham mưu. Bộ Tư lệnh Trường Sơn phối hợp với Mặt trận Tây Nguyên tổ chức xây dựng hệ thống đường cơ động, kho, trạm dự trữ được khối lượng lớn vật chất hậu cần chiến dịch, bảo đảm cho bộ đội có thể tác chiến hiệp đồng binh chủng dài ngày. Cùng với đó, công tác huấn luyện được coi trọng kết hợp giữa tác chiến với luân phiên đưa bộ đội về phía sau để huấn luyện theo hình thức tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng. Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã mở nhiều lớp tập huấn chiến dịch - chiến thuật⁽⁷⁾ cho cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên. Bước vào thực hiện Chiến dịch, Bộ Tư lệnh tập trung làm tốt công tác giáo dục chính trị, nhất là quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 21; tổ chức các cuộc vận động “nâng cao chất lượng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu”, “thi đua giết giặc lập công”..., tạo nên khí thế thi đua sôi nổi với quyết tâm chiến đấu cao. Bộ đội Công binh phối hợp với các lực lượng chuẩn bị chu đáo hệ thống đường cơ động chiến dịch, bảo đảm tuyến vận chuyển chiến lược - chiến dịch trên đường Hồ Chí Minh và mở thêm nhiều tuyến đường mới bảo đảm cho thực hiện chiến dịch giành thắng lợi.

Trong Chiến dịch Tây Nguyên, để giữ quyền chủ động tiến công, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ đạo tiến hành kế hoạch nghi binh rất công phu. Trong lúc địch cho rằng ta chưa đủ điều kiện để đánh lớn ở Tây Nguyên và tiến công giải phóng miền Nam...; chúng lại rơi vào thế bị động; phân tán lực lượng; chưa phán đoán được quyết tâm chiến lược của ta, ta quyết định mở chiến dịch. Bằng cuộc tiến công hiệp đồng binh chủng, kết hợp các đơn vị đặc biệt tinh nhuệ và các tiểu đoàn bộ binh bí mật tiến vào bố trí sẵn, với tốc độ tiến công cao, đánh thẳng vào thị xã Buôn Ma Thuột, đập tan Sở Chỉ huy Sư đoàn 23 và Sở Chỉ huy tiểu khu của

địch, sau đó phát triển tiến công, cùng các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân tiêu diệt toàn bộ quân địch rút chạy, giải phóng các tỉnh Tây Nguyên và ven biển miền Trung. Triệt để tận dụng thời cơ chiến lược mở ra từ chiến thắng Tây Nguyên ta chuyển sang Tổng tiến công chiến lược hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Kết quả đó là nhờ chủ động làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt cho Chiến dịch Tây Nguyên và thực hiện kế hoạch quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương nên ta đã triệt để chớp thời cơ giành thắng lợi lớn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

3. Chỉ đạo kịp thời, kiên quyết, triệt để giành thắng lợi trong Chiến dịch Tây Nguyên, chớp thời cơ tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn Xuân 1975

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Muốn tạo thời cơ, tranh thủ thời cơ, trước hết phải quán triệt tư tưởng chỉ đạo: Kiên quyết tiến công, tích cực tiêu diệt địch”⁽⁸⁾ và “Nếu không có tinh thần kiên quyết và liên tục tiến công thì không thể tạo được thời cơ tốt, có thời cơ tốt cũng bỏ lỡ mà có khi còn bị địch ép vào thế bị động rất nguy hiểm”⁽⁹⁾. Nắm bắt thời cơ lịch sử, sau khi giải phóng Tây Nguyên, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng “Chớp thời cơ nâng cao tốc độ tiến công”. Các đơn vị thừa thắng, phát triển xuống vùng Duyên hải Trung Bộ lần lượt giải phóng Bình Khê, Phú Yên, Nha Trang, Cam Ranh... làm cho toàn bộ lực lượng Quân đoàn 2, Quân khu 2 của địch bị tan rã; hệ thống phòng thủ chiến lược của địch bị chia cắt, tạo nên thời cơ mới. Trong lúc Chiến dịch Tây Nguyên tập trung phản kích đánh địch ở Buôn Ma Thuột và tổ chức trận đánh tiêu diệt các lực lượng còn lại của Quân đoàn 2 Quân đội Sài Gòn rút chạy trên Đường số 7. Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị kịp thời bổ sung quyết tâm giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975, nhiệm vụ trước mắt là nhanh chóng tiêu diệt Quân đoàn 1 Quân đội Sài Gòn, không cho chúng rút về Sài Gòn; giải phóng Huế, Đà Nẵng và các tỉnh Trung Bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, Quân khu Trị Thiên, Quân đoàn 2 đã mở Chiến dịch Trị Thiên - Huế (05/3 – 26/3/1975) nhằm bao vây, tiêu diệt tập đoàn phòng ngự thuộc Quân đoàn 1 - Quân khu 1, Quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Từ ngày 05 đến 20/3/1975, ta tiến hành nghi binh ở bắc Quảng Trị; sử dụng lực lượng địa phương đánh nhỏ trên các trục giao thông, bao vây uy hiếp địch ở tuyến giáp ranh, kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền; các đơn vị chủ lực đồng loạt tiến công đánh chiếm các căn cứ, vị trí phòng ngự của địch ở vùng giáp ranh và đồng bằng, đập tan mọi cố gắng phản kích của địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân nổi dậy; ngày 19-3-1975, tỉnh Quảng Trị hoàn toàn giải phóng; ngày 26-3-1975, giải phóng thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.

Tiếp đó, từ ngày 26 đến 29-3-1975, Quân đoàn 2, Quân khu 5 đã tổ chức Chiến dịch giải phóng Đà Nẵng, tiến công tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Quảng Đà và lực

lượng Quân đoàn 1 - Quân khu 1 Quân đội Sài Gòn tại Đà Nẵng. Trên các hướng, Quân Giải phóng tiến công các vị trí phòng thủ vòng ngoài của địch, mở đường tiến vào Thành phố. Hướng Bắc, Quân đoàn 2 đánh chiếm Phước Tường, Lăng Cô, đèo Hải Vân, kho xăng Liên Chiểu, tiến vào trung tâm Thành phố. Hướng Nam, các đơn vị chủ lực Quân khu 5 và lực lượng vũ trang Quảng Đà pháo kích chặn các cửa biển, đánh chiếm quận lỵ Duy Xuyên, Vĩnh Điện, thị xã Hội An, sân bay Nước Mặn, bán đảo Sơn Trà, căn cứ Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 Quân đội Sài Gòn, sân bay Đà Nẵng. Đến ngày 29-3-1975, ta giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Đà.

Đòn tiến công chiến lược vào Huế - Đà Nẵng giành thắng lợi, tạo bước nhảy vọt về chiến lược, làm thay đổi hoàn toàn cục diện so sánh lực lượng, thế trận. Trên đà thắng lợi, với tư tưởng: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa...”, ta bước vào chiến dịch cuối cùng, có ý nghĩa quyết định trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Chiến dịch diễn ra với quy mô lớn, hiệp đồng tác chiến quân, binh chủng hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công của lực lượng vũ trang ba thứ quân và lực lượng chính trị quần chúng rộng khắp, đánh vào sào huyệt cuối cùng của địch ở Sài Gòn. Sau khi đã hoàn thành công tác chuẩn bị và tập trung một khối lượng lớn lực lượng và phương tiện trong thời gian ngắn nhất ở vùng kế cận Sài Gòn, chiều 26-4-1975, ta nổ súng mở màn Chiến dịch. Từ năm hướng, các quân đoàn đồng loạt tiến công Sài Gòn, chọc thủng tuyến phòng ngự vòng ngoài, đập tan sự kháng cự của các sư đoàn địch, tiếp cận Sài Gòn, làm cho địch bị rối loạn hoàn toàn về chiến lược. Ngày 29-4-1975, ta tổng tiến công bằng các binh đoàn bộ đội hợp thành tiến công trong hành tiến, tiêu diệt các cánh quân địch ngăn chặn và phản kích, nhằm thẳng các mục tiêu đã được phân công, các quân đoàn nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ Chiến thắng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, với tinh thần, ý chí triệt để cách mạng, tư tưởng tích cực, chủ động tiến công.

Thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên đến Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là sự vận dụng sáng tạo quan điểm tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh muốn giành thắng lợi không thể chỉ dựa vào ý chí, mà phải có đường lối chiến lược đúng đắn, sáng tạo, biết tạo ra sức mạnh và “Phải được tiến hành theo đúng những nguyên tắc căn bản của khoa học và chiến thuật quân sự”⁽¹⁰⁾. Đó là một hệ thống bao gồm các luận điểm về thế tiến công; về vận dụng các nhân tố lực, thế, thời và dùng mưu đánh giặc; về phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, đánh địch bằng mọi hình thức, mọi cách đánh và mọi thứ vũ khí trang bị; là biết giành thắng lợi từng bước, biết khởi đầu và kết thúc chiến tranh. Trong đó, tư tưởng “Kiên quyết không ngừng thế tiến công” giữ vị trí chủ đạo.

Tư tưởng chủ động, tích cực tiến công trong Chiến dịch Tây Nguyên là đòn tiến công chiến lược mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 giành thắng lợi, là nét đặc sắc trong chỉ đạo kiên quyết, triệt để. Thể hiện việc phát huy tư tưởng chủ động tiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được bắt đầu từ các phong trào đồng khởi Bến Tre; Chiến thắng Tua Hai, Chiến dịch Bình Giã... ; điển hình cho phát huy tính chủ động tiến công trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đã giáng cho đế quốc Mỹ một đòn thất bại nặng nề về quân sự và chính trị, buộc Mỹ phải xuống thang và chấp nhận giải quyết cuộc chiến tranh theo những điều kiện có lợi cho ta. Với tư tưởng chủ động tiến công trong Chiến dịch Tây Nguyên, một lần nữa cho thấy tầm tư duy quân sự của Đảng ta đã đưa đến một quyết định chiến lược đúng cảm và chính xác. Nhờ đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giành thắng lợi trọn vẹn. Quân và dân ta đã đập tan bộ máy chiến tranh của chính quyền tay sai ở miền Nam, quét sạch bộ máy chính quyền Sài Gòn mà đế quốc Mỹ đã xây dựng hơn 20 năm. Ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam và các đảo do Quân đội Sài Gòn chiếm giữ. Nhân dân ta đã giành được độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chiến thắng Tây Nguyên khẳng định sự đúng đắn về sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta, về tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, về sức mạnh của chiến tranh nhân dân, thể hiện chủ động tích cực tiến công địch của dân tộc ta tiếp tục được kế thừa, phát huy để chống mọi cuộc chiến tranh xâm lược đi đến giành thắng lợi quyết định trong sự nghiệp giải phóng dân tộc kết thúc chiến tranh. Những kinh nghiệm đó vẫn còn nguyên giá trị, cần được tiếp tục được nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát huy trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Nguyễn Văn Lượng // <http://tapchiquptd.vn/>

1 - Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) - Tập 5, Nxb QĐND, H. 2017, tr. 499.

2 - Kế hoạch hai năm được Quân ủy Trung ương thông qua ngày 28 tháng 10, được Bộ Chính trị thông qua trong Hội nghị mở rộng từ ngày 18-12-1974 đến ngày 08-01-1975.

3 - Kế hoạch Tác chiến chiến lược chia làm ba đợt: Đợt 1, từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 02 năm 1975. Đợt 2, từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1975. Đợt 3, từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1975.

4 - Lực lượng vũ trang nhân dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nxb QĐND, H. 1980, tr. 289-290.

5 - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) - Những sự kiện quân sự, Nxb QĐND, H. 1980, tr. 238.

6 - Ngày 24-10-1973, thành lập Quân đoàn 1; ngày 17-5-1974, thành lập Quân đoàn 2; ngày 20-7-1974, thành lập Quân đoàn 4; ngày 26-3-1975, thành lập Quân đoàn 3.

7 - Trước chiến dịch, toàn Mặt trận Tây Nguyên đã tổ chức được 127 lớp tập huấn chiến dịch - chiến thuật.

8 - Đại tướng Văn Tiến Dũng, Mấy vấn đề về nghệ thuật quân sự Việt Nam, Nxb QĐND, H. 1974, tr.275.

9 - Sđd, tr. 275.

10 - Hồ Chí Minh - Toàn tập, Tập 2, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 583.

NGHỆ THUẬT KẾT HỢP TÁC CHIẾN CỦA CÁC BINH ĐOÀN CHỦ LỰC VỚI PHONG TRÀO NỔI DẬY CỦA QUẦN CHÚNG TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là kết quả của nhiều yếu tố; trong đó, nghệ thuật kết hợp tác chiến của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng là nội dung quan trọng, tạo sức mạnh tổng hợp, đập tan chính quyền tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.



Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh tại căn cứ Tà Thiết - Lộc Ninh (tháng 4/1975). (Ảnh tư liệu/TTXVN)

Vận dụng sáng tạo và phát huy truyền thống “cả nước đánh giặc” trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng ta chủ trương tiến hành phương thức chiến tranh nhân dân; trong đó, xác định: “Tiến công quân sự phải đi trước một bước để hỗ trợ và kết hợp với nổi dậy của quần chúng”⁽¹⁾, nhằm tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ. Thực hiện chủ trương đó, trong cuộc

Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói chung, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử nói riêng, chúng ta đã thực hiện thành công nghệ thuật kết hợp tác chiến của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng, tạo sức mạnh tổng hợp đưa cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam đến thắng lợi hoàn toàn. Trong sự kết hợp đó, các đòn tiến công quân sự của bộ đội chủ lực đã “châm ngòi”, làm “đòn bẩy” thúc đẩy quần chúng vùng dậy đấu tranh; ngược lại, lực lượng quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh đa dạng về quy mô, phong phú về hình thức, lấy đấu tranh chính trị, nổi dậy khởi nghĩa, giành chính quyền là mục tiêu cao nhất, tạo thế, lực, thời cơ, địa bàn, ... hỗ trợ lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là bộ đội chủ lực thực hiện các trận then chốt quyết định, chiến dịch quyết chiến quyết lược giành thắng lợi.

Đối với nhân dân Sài Gòn - Gia Định, vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh chống chế độ tàn bạo Mỹ - Diệm

diễn ra liên tục, bền bỉ, rộng khắp, gặp khí thế chiến thắng to lớn, dồn dập ở Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh cách mạng thành phong trào sôi nổi, mạnh mẽ, kết hợp với sức mạnh của lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội chủ lực làm nên cuộc Tổng tiến công và nổi dậy “long trời, lở đất”, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Sự kết hợp đó được thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau.

Trước hết, kết hợp chặt chẽ giữa tạo lập thế trận tác chiến của các binh đoàn chủ lực với thế trận nổi dậy của quần chúng trong tổ chức chuẩn bị Chiến dịch. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, các quân khu 6, 7, 8, 9 ở miền Nam đẩy mạnh hoạt động tác chiến tạo thế ở vùng phụ cận Sài Gòn. Tại khu vực miền Đông Nam Bộ, ta tổ chức lực lượng tác chiến tạo thế, đánh cắt Đường 1, áp sát Trảng Bom, sẵn sàng cắt tiếp Đường 15, khống chế Vũng Tàu, làm tê liệt sân bay Biên Hòa. Từ đầu tháng 4-1975, Quân đoàn 4 triển khai lực lượng tập trung đánh lớn vào Sư đoàn 18 ngụy ở thị xã Xuân Lộc (tỉnh Long Khánh). Trên hướng Tây và Tây Nam Sài Gòn, lực lượng ta đã bám sát, chuẩn bị cắt đứt trục đường huyết mạch số 4 (Sài Gòn - đồng bằng sông Cửu Long). Binh đoàn 232 cùng các lực lượng vũ trang, chính trị địa phương tiến đánh Tân An, Bến Lức,... triển khai thế trận tiến công Sài Gòn từ phía Tây Nam, sẵn sàng chặn đường rút lui của địch từ Sài Gòn về Cần Thơ. Đồng thời, bí mật bố trí 04 tiểu đoàn, nhiều đội biệt động ở ngoại thành, 60 tổ biệt động, 300 quần chúng vũ trang do lực lượng biệt động chỉ huy ở nội thành; triển khai Trung đoàn Thành đội Sài Gòn ở Gia Định và các đại đội, tiểu đoàn bộ đội địa phương theo phương án đánh địch. Trên hướng Tây Bắc và Bắc, quân ta tập kết lực lượng ở Nam Sông Bé và Dầu Tiếng; công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, nhất là hệ thống đường hành lang nối liền các cánh quân, hướng đánh đầy đủ, sẵn sàng tổng tiến công.

Để lãnh đạo các lực lượng tập trung, thống nhất, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định cùng với Trung ương Cục và Quân ủy Miền xây dựng, triển khai kế hoạch phối hợp nổi dậy của đồng bào Nam Bộ với hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang, tập trung phối hợp với các binh đoàn cơ động chiến lược; tăng cường số lượng ủy viên ban cán sự, bổ sung hàng trăm cán bộ, đảng viên, tuyên truyền viên, hàng nghìn đoàn viên, huy động hàng chục nghìn quần chúng sẵn sàng làm hạt nhân cổ vũ đồng bào nổi dậy đấu tranh. Đồng thời, tổ chức các cơ sở chính trị trong nội đô, nắm tình hình địa bàn, chuẩn bị phương tiện, vật chất (loa phóng thanh, cờ, khẩu hiệu,...) theo kế hoạch nổi dậy, giành quyền làm chủ; phối hợp với lực lượng tác chiến chiến lược tổng tiến công của 05 binh đoàn chủ lực, bộ đội đặc công, các đội biệt động, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, an ninh vũ trang,... hình thành thế trận áp sát, bao vây Sài Gòn trên 04 hướng chiến lược, sẵn sàng tổng công kích, chọc thủng tuyến phòng thủ vòng ngoài, chia cắt, thọc sâu đánh chiếm trung tâm thành phố, giải phóng Sài Gòn. Đây là sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật tạo lập thế trận chiến dịch, sự kết hợp khách quan giữa các binh đoàn cơ động chiến lược - lực lượng vũ trang tại chỗ - lực lượng chính trị, quần chúng trên địa bàn thành

phổ và các vùng ven đô, tạo sức mạnh vượt trội, bảo đảm cho chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng giành thắng lợi nhanh chóng.

Hai là, nghệ thuật kết hợp sức mạnh của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng trong thực hiện phương pháp và kế hoạch tác chiến Chiến dịch. Quân ủy Trung ương xác định: “Để tạo điều kiện cho các binh đoàn đột kích thọc sâu nhanh và đánh trúng 05 mục tiêu đã định⁽²⁾, các trung đoàn, tiểu đoàn đặc công Sài Gòn - Gia Định sẽ đánh chiếm các cầu qua sông, các đội biệt động, các lực lượng an ninh vũ trang và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quần chúng tạo các bàn đạp cho các binh đoàn chủ lực tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị bộ đội cơ động và phát động đông đảo quần chúng nổi dậy diệt tề diệt, trừ gian”⁽³⁾. Theo đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã xây dựng kế hoạch nổi dậy của quần chúng để phối hợp chặt chẽ với các đòn tiến công quân sự dồn dập, mãnh liệt của bộ đội chủ lực; đồng thời, bí mật, khẩn trương phổ biến đến các cơ sở chính trị, hướng dẫn hình thức, thời cơ nổi dậy, làm cơ sở huy động lực lượng quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang tiến hành tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi. Công tác vận động binh lính và nhân viên ngục quyền cũng được triển khai rất khẩn trương. Trước ngày nổ súng tổng công kích vào Sài Gòn, ta công bố chính sách của cách mạng đối với tù binh, hàng binh, kêu gọi binh sĩ địch hạ vũ khí về với gia đình, lôi kéo cảnh sát, nhân viên chính quyền Việt Nam Cộng hòa đứng về phía nhân dân, không chống lại cách mạng, v.v. Nhờ đó, các đòn đột phá của 05 binh đoàn chiến lược trên 04 hướng đã phát triển tiến công thuận lợi, đi trước một bước, dọn đường, tạo đà để quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ ở cơ sở phường, khóm, đường phố, góp phần quan trọng bảo đảm cho Chiến dịch giành thắng lợi nhanh chóng, quyết định.

Ba là, nghệ thuật kết hợp sử dụng lực lượng quy mô lớn của ba mũi giáp công, tiến công mạnh về quân sự với nổi dậy hiệu quả của quần chúng trong Chiến dịch. Với chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng, ta xác định lấy các đòn tiến công quân sự của các binh đoàn chủ lực giữ vai trò quyết định; đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp lớn nhất cả quân sự, chính trị và binh, địch vận, kết hợp tiến công và nổi dậy để giành toàn thắng trong thời gian ngắn nhất. Các đòn tiến công quân sự nhanh, mạnh, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn quân chủ lực địch, tạo điều kiện cho các cơ sở chính trị lãnh đạo, vận động quần chúng đứng lên đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ cơ sở vật chất của thành phố bàn giao cho chính quyền cách mạng.

Tiến công quân sự là hình thức tiến công quyết định với ba mũi giáp công trong chiến dịch tiến công vào thành phố, tạo sức mạnh tổng hợp, toàn diện. Ở những nơi mà cánh quân lớn của các binh đoàn chủ lực chưa tiến vào hoặc ở xa các trục đường tiến quân, quần chúng dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng và sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tại chỗ đã tranh thủ thời cơ, vừa vận động, vừa đe dọa, buộc binh lính địch đầu hàng; đồng thời, tổ chức đấu tranh, nhanh chóng nổi dậy giành quyền làm chủ. Tại nhiều địa phương, bộ đội tiến tới đâu, nhân dân nổi dậy tới đó, cùng với lực lượng vũ trang làm chủ địa bàn, thiết lập an ninh trật tự, truy

quét tàn binh địch. Quy mô, phạm vi nổi dậy và các hình thức, phương pháp kết hợp giữa nổi dậy với tiến công quân sự đã phản ánh quy luật của khởi nghĩa trong chiến tranh, sự kết hợp ba mũi giáp công, trong đó nghệ thuật kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng phát triển đến trình độ cao trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bốn là, nghệ thuật kết hợp đòn đánh quyết định của các binh đoàn cơ động chiến lược với nổi dậy của quần chúng và hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang tại chỗ, lấy đòn đánh lớn của bộ đội chủ lực làm trung tâm phối hợp. Đây là sự khác biệt, nét đặc sắc về nghệ thuật kết hợp sức mạnh giữa lực lượng vũ trang ba thứ quân với phong trào nổi dậy của quần chúng; trong đó, đòn đánh của các binh đoàn cơ động chiến lược giữ vai trò then chốt, quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói chung, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử nói riêng.

Sự phối hợp hoạt động tác chiến quy mô lớn của bộ đội chủ lực trên các hướng của Chiến dịch với lực lượng vũ trang địa phương đã bao vây, tiêu diệt, truy kích và làm tan rã phần lớn các đồn bốt, chi khu, giải phóng một số tỉnh lỵ, hầu hết các quận lỵ, xã, ấp,... làm nòng cốt, đòn bẩy cho hành động nổi dậy của quần chúng. Đặc biệt, “Ở Sài Gòn, đã có 107 điểm quần chúng nổi dậy (31 điểm ở nội thành, 76 điểm ở ngoại thành), 32 điểm nổi dậy trước ngày 30 tháng 4; 30 điểm nổi dậy sáng 30 tháng 4 và 45 điểm nổi dậy sau khi Tổng thống ngụy quyền tuyên bố đầu hàng”⁽⁴⁾. Hành động nổi dậy của quần chúng có tác dụng hỗ trợ và phát huy thắng lợi của đòn tiến công quân sự, tiếp tục phát triển cùng hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang ba thứ quân. Trong đó, lực lượng vũ trang địa phương đã tích cực phối hợp, hỗ trợ bộ đội chủ lực trong trinh sát địa hình, cung cấp tình hình địch, dẫn đường; tổ chức các hoạt động tác chiến rộng khắp, đánh vào bên sườn, phía sau, trong lòng địch, làm căng kéo, phân tán đối phó của chúng trên các hướng, tạo bàn đạp, điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung lực lượng đánh các trận then chốt quyết định tiêu diệt các mục tiêu chủ yếu, làm tan rã lớn quân địch, đưa Chiến dịch đến toàn thắng.

Những nội dung trên luận giải, làm sâu sắc thêm nghệ thuật kết hợp tác chiến của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; trên cơ sở đó, tiếp tục nghiên cứu, phát triển, vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đặng Quang Minh // <http://tapchiquptd.vn/>

1 - Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Tổng kết tác chiến chiến lược trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975), Nxb QĐND, H. 2005, tr. 621.

2 - Bộ Tổng Tham mưu ngụy, “dinh Độc Lập”, Biệt khu thủ đô, Tổng Nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất.

3 - Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975), Nxb QĐND, H. 1995, tr. 509.

4 - Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975), Nxb QĐND, H. 1995, tr. 534.

TUYẾN VẬN TẢI CHIẾN LƯỢC TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, tình hình trên chiến trường miền Nam có những chuyển biến tích cực, có lợi cho ta. Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 21 (7/1973) xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam; tháng 10/1974, Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976 và sau đó đề ra kế hoạch thời cơ, giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến lược, Tổng cục Hậu cần đã chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch Hậu cần 3 năm (1973 - 1975) chuẩn bị cho “thời cơ lớn”. Theo đó, công tác chuẩn bị chiến trường về hậu cần được tiến hành toàn diện ở các cấp; trong đó, vận tải - khâu trung tâm, then chốt, được đặc biệt quan tâm. Nghị quyết số 21 chỉ rõ: “Tích cực xây dựng, phát triển và hoàn thiện các tuyến giao thông vận tải, bảo vệ hành lang và kho tàng, ra sức dự trữ lương thực, vũ khí, trang bị kỹ thuật, bảo đảm vật chất cho các lực lượng vũ trang trên các chiến trường”. Thực hiện định hướng đó, tranh thủ thời cơ khi địch giảm bớt hoạt động đánh phá, chúng ta đẩy mạnh sửa chữa đường, cầu, mở thêm tuyến mới, xây dựng, phát triển tuyến giao thông vận tải chiến lược; mở rộng, hoàn thiện mạng giao thông đường bộ, đường ống trên cả hai phía Đông và Tây Trường Sơn đảm bảo cho vận chuyển bằng cơ giới quy mô lớn, liên tục trong cả năm. Đồng thời, phát triển mạnh mạng đường chiến dịch, nhằm đưa vận tải cơ giới đến sát các khu vực tác chiến; chấn chỉnh tổ chức lực lượng vận tải chiến lược để vận chuyển lớn, tăng cường chi viện vật chất hậu cần, kỹ thuật cho các chiến trường.



Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên (đội mũ vải) nghe báo cáo về kế hoạch triển khai tuyến xăng dầu khu vực 471. Ảnh: Tư liệu

Trên tuyến vận tải chiến lược 559, đến đầu năm 1973, đường Đông Trường Sơn đã được mở rộng, nhưng cơ bản vẫn là đường đất, chỉ vận chuyển được trong mùa khô; đường Tây Trường Sơn mới mở rộng và rải cấp phối đoạn từ Đường 9 vào đến địa đầu Khu 5. Để tăng tốc độ xe chạy, rút ngắn thời gian vận chuyển, đáp ứng yêu cầu

vận chuyển lớn, tháng 02/1973, Quân uỷ Trung ương giao cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn trong 3 năm phải hoàn thành xây dựng cơ bản hệ thống đường chiến lược

Đông Trường Sơn từ Đường 9 vào Đông Nam Bộ. Trước mắt, gấp rút hoàn thành đoạn từ Đường 9 vào Tây Nguyên và Khu 5; tiếp tục nâng cấp đường Tây Trường Sơn. Thực hiện kế hoạch đó, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã huy động 15 trung đoàn làm đường, 01 trung đoàn làm cầu và các tiểu đoàn công binh,... với tổng quân số trên 36.000 người (chiếm 36% lực lượng) cùng hơn 1.000 xe máy công trình và lực lượng của hậu phương chi viện. Với quyết tâm, nỗ lực cao độ, trong 02 năm (1973 - 1974), Bộ đội Trường Sơn đã mở thêm được 5.560 km đường bộ, đưa tổng chiều dài tuyến đường Trường Sơn lên 16.790 km, trong đó có 6.810 km đường trục dọc, 4.980 km đường trục ngang và 5.000 km đường vòng tránh. Xây dựng thêm 1.311 km đường ống và nối thông hai tuyến ống Đông - Tây Trường Sơn ở Plây Khốc, kéo vào Bù Gia Mập, đưa tuyến đường ống phía trước lên 1.712 km với 101 trạm bơm và trữ lượng kho 27.000 m³ nhiên liệu, v.v. Các chiến trường cũng mở thêm hàng nghìn ki-lô-mét đường ô tô nối với tuyến vận tải chiến lược, tạo nên hệ thống giao thông vận tải cơ giới thông suốt từ hậu phương lớn miền Bắc đến các chiến trường, địa bàn tác chiến, liên hoàn giữa tuyến chiến lược với tuyến chiến dịch và giữa các chiến trường, hình thành thế trận vận tải vững chắc, tạo khả năng cơ động cao để bảo đảm hậu cần cho tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

Cùng với phát triển mạng giao thông, xây dựng thế trận vận tải, hậu cần chiến lược chủ động tạo chân hàng và chỉ đạo điều chỉnh tổ chức vận tải ở hậu phương và Tuyến 559 theo hướng tổ chức các sư đoàn, trung đoàn ô tô, thực hiện vận tải tập trung quy mô lớn, "lấy vận tải cơ giới là chủ yếu, vận tải ô tô là chủ lực", tổ chức vận chuyển ban ngày, từ cung ngắn sang cung dài, từ đội hình nhỏ sang đội hình trung đoàn, sư đoàn ô tô, nhằm đẩy mạnh chi viện chiến lược, đưa nhanh vật chất, phương tiện kỹ thuật ra phía trước.

Trên Tuyến vận tải chiến lược 559, từ năm 1973, ta đã cải tiến cơ cấu tổ chức: Từ 05 sư đoàn khu vực chỉ để lại 03 sư đoàn (470, 471, 472) bố trí trên các khu vực Đông, Tây Trường Sơn và chuyển Sư đoàn khu vực 473 thành Sư đoàn Công binh 473, Sư đoàn 571 thành Sư đoàn Ô tô 571; nhiều binh trạm được tổ chức thành các trung đoàn vận tải ô tô và công binh; các kho rải rác trên Tuyến được thu gọn thành các trung đoàn kho. Sang năm 1974, Sư đoàn khu vực 470 và 472 được chuyển thành các sư đoàn công binh để đẩy nhanh tiến độ mở đường; Sư đoàn khu vực 471 chuyển thành Sư đoàn Ô tô 471 cùng Sư đoàn Ô tô 571 tổ chức vận chuyển lớn, cung dài vào các chiến trường. Công tác bảo vệ vận tải cũng được hết sức coi trọng, một số đơn vị pháo cao xạ được tập trung để tổ chức thành Sư đoàn Phòng không 377 bảo vệ vùng căn cứ ở khu vực Đường 9 và tuyến Đông Trường Sơn; Sư đoàn 968 được sáp nhập một số đơn vị và tăng cường binh khí, kỹ thuật để bảo vệ tuyến Tây Trường Sơn. Vì vậy, tuyến vận tải chiến lược luôn đảm bảo thông suốt.

Trên tuyến hậu phương, ta giải thể tổ chức vận tải thống nhất ở các tỉnh; rút 11 binh trạm vận tải xuống còn 06 và sau đó còn 03; các tiểu đoàn xe được tập trung

lại thành 02 đoàn vận tải ô tô (Đoàn 10 và 26 sau chuyển thành Trung đoàn 510 và 525) trực thuộc Cục Vận tải. Đoàn vận tải biển cũng được thành lập và đến tháng 5/1974 sáp nhập với Đoàn vận tải sông thành Đoàn vận tải Hồng Hà làm nhiệm vụ vận tải đường thủy. Các trạm giao liên chuyển thương được thu gọn thành các trạm lớn, đặt dọc đường quốc lộ 1A; các tiểu đoàn xe giao liên chuyển thương được tách khỏi các binh trạm để thành lập các trung đoàn giao liên cơ giới thuộc Cục Vận tải đảm nhiệm tuyến giao liên hành quân và chuyển thương binh ra miền Bắc, v.v.

Cuối năm 1972, Tổng cục Hậu cần thực hiện kế hoạch vận chuyển đặc biệt (ĐB1, 2, 3) đưa khối lượng lớn vật chất trang bị, chủ yếu là vũ khí, đạn vào Nam sông Bến Hải và qua biên giới Việt - Lào. Đặc biệt, trong 30 ngày của Kế hoạch ĐB3, đã huy động 10.391 xe ô tô vận tải (gồm 2.504 xe của Cục Vận tải, các quân binh chủng, tổng cục, quân khu và 7.887 xe của 19 công ty vận tải quốc doanh và các bộ, ngành) vận chuyển 52.829 tấn vũ khí từ hậu phương vào khu vực Cửa Việt, Đông Hà, Cam Lộ. Năm 1973 - 1974, hậu cần chiến lược còn sử dụng tàu thủy, tàu hỏa chuyển vào khu vực Cam Lộ 780.665 tấn hàng các loại.

Mùa khô 1974 - 1975, nhu cầu vận chuyển theo kế hoạch tác chiến chiến lược tăng 161% so với mùa khô 1973 - 1974. Trước yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện mới, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã tổ chức lại cung độ vận chuyển với 02 cung vận chuyển cơ bản dài và ngắn (từ Đông Hà đi Sê Sụ và từ Sê Sụ đi Đông Nam Bộ mỗi cung dài 450 km - 550 km và một số cung ngắn khoảng 200 km vận chuyển vào các chiến trường khác); đồng thời, bố trí đồng bộ lực lượng bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, bốc xếp, chỉ huy vận tải đáp ứng yêu cầu vận chuyển lớn. Tháng 12/1974, sau khi Bộ Chính trị phê chuẩn kế hoạch tác chiến năm 1975, khối lượng vận chuyển của Bộ đội Trường Sơn tăng thêm 10% so với ban đầu. Để tăng khả năng vận chuyển đáp ứng yêu cầu kế hoạch tác chiến chiến lược, Bộ Quốc phòng huy động xe từ các cơ quan, đơn vị ở phía sau, gấp rút xây dựng Trung đoàn Ô tô 510B và tiếp nhận 1.100 xe ô tô Chính phủ cấp bổ sung cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Với những nỗ lực vượt bậc, từ đầu năm 1973 đến 4/1975, tuyến vận tải chiến lược đã vận chuyển trên 823.146 tấn hàng hoá các loại (gấp 1,6 lần khối lượng vận chuyển của 13 năm trước đó), trong đó giao cho các chiến trường 364.524 tấn (gấp 2,6 lần khối lượng vận chuyển của 13 năm trước đó), tạo lượng dự trữ lớn tiếp cận các địa bàn trọng yếu, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến quy mô lớn theo quyết tâm chiến lược.

Cùng với tổ chức vận chuyển vật chất hậu cần, kỹ thuật cho thời cơ lớn, tuyến vận tải chiến lược đã chủ động bảo đảm cho nhu cầu hành quân, chuyển thương binh. Trên tuyến Đông Trường Sơn, ta tổ chức 10 trạm giao liên với 10 cung (1.030 km). Tuyến Tây Trường Sơn tổ chức 05 trạm với 05 cung xe (840 km). Đồng thời, tổ chức một đường hành quân với hàng loạt các trạm giao liên chuyên phục vụ cho các đoàn binh khí, phương tiện kỹ thuật hành quân vào chiến trường. Trong hơn hai năm (1973 đến 4/1975), đã tổ chức cho 411.161 lượt người (có 25.989 cán bộ

dân chính đảng), 149 đoàn binh khí kỹ thuật với 269 pháo mặt đất, 974 pháo cao xạ, 457 xe tăng và xe bọc thép vào chiến trường; chuyển 219.380 thương bệnh binh ra miền Bắc. Riêng từ tháng 11/1974 đến 4/1975, đã đưa vào chiến trường hơn 232.000 người, v.v.

Sau thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên, ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm ngay trong năm 1975; chỉ đạo: “Tập trung lớn và nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật, vật chất bảo đảm giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa”. Bám sát quyết tâm chiến lược và tình hình chiến trường, vận tải chiến lược phát động đợt vận chuyển thần tốc, tập trung mọi lực lượng để vận chuyển vật chất, cơ động lực lượng và binh khí kỹ thuật vào chiến trường. Cục Vận tải đã cùng với các lực lượng vận tải của các quân khu, quân chủng, binh chủng và lực lượng vận tải của các cơ quan nhà nước, hợp thành lực lượng vận tải tổng hợp, tổ chức thành hai mũi chủ yếu là đường biển và đường bộ đi thẳng vào chiến trường. Trên tuyến vận tải chiến lược, Bộ Tư lệnh 559 chỉ đạo “lật cánh”, chuyển lực lượng và phương tiện từ Tây sang Đông Trường Sơn, tập trung cao nhất mọi khả năng để hoàn thành nhiệm vụ cơ động lực lượng, vũ khí trang bị, đặc biệt là đạn hỏa lực bảo đảm cho tác chiến.



Đội hình xe ô tô Trung đoàn 13 (Sư đoàn 571) lên đường thực hiện nhiệm vụ

Thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 cho thấy, chúng ta đã giải quyết thành công nhiều vấn đề về chỉ huy, chỉ đạo, tổ chức bảo đảm, v.v. Trong đó, vận tải chiến lược đã thể hiện rõ vai trò, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Mặc dù phải đảm bảo khối lượng vật chất, vũ khí, trang bị kỹ thuật rất

lớn trong điều kiện cơ động thần tốc, các chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, diễn ra liên tiếp, xen kẽ nhau, trong thời gian ngắn, không gian rộng, trải khắp chiến trường miền Nam, nhưng vận tải chiến lược đã chủ động đi trước một bước, làm tốt công tác chuẩn bị cầu, đường, lực lượng, phương tiện vận tải đủ mạnh. Đồng thời, bám sát quyết tâm, tình huống chiến lược, chiến dịch, linh hoạt huy động, sử dụng có hiệu quả mọi phương thức, phương tiện vận tải, tổ chức vận chuyển theo cách đánh thần tốc, táo bạo nên đã giải quyết tốt mâu thuẫn chiến trường “không gian rộng”, “thời gian ngắn”, “khối lượng vận chuyển lớn”. Vận tải chiến lược đã “thọc sâu, vươn xa” bảo đảm, cùng hậu cần Bộ Tư lệnh Miền, hậu cần các chiến dịch, các quân khu, quân đoàn, thực hiện tốt nhiệm vụ cơ động chiến

lược, kịp thời đưa các quân đoàn, sư đoàn chủ lực cùng binh khí kỹ thuật và hàng chục nghìn tấn vật chất vượt quãng đường hàng nghìn ki-lô-mét đến các hướng chiến trường, đáp ứng thời cơ chiến lược, yêu cầu tiến công đồng loạt, liên tục, tốc độ cao, góp phần tạo nên sự “thần tốc” và thắng lợi to lớn trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Những bài học kinh nghiệm công tác hậu cần nói chung, công tác vận tải chiến lược nói riêng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đến nay vẫn còn nguyên giá trị, cần được nghiên cứu, kế thừa, phát triển phù hợp với điều kiện mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ là chiến tranh nhân dân phát triển cao chống lại chiến tranh xâm lược địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Để giành thắng lợi, chúng ta phải chủ động chuẩn bị đất nước toàn diện về mọi mặt. Về công tác hậu cần, cần tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, quan điểm hậu cần toàn dân của Đảng; tăng cường xây dựng tiềm lực, thế trận hậu cần chiến tranh nhân dân, chủ động chuẩn bị trước về hậu cần ngay từ thời bình. Hiện nay, cần đẩy mạnh kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, nhằm xây dựng tiềm lực, thế trận hậu cần vững mạnh; chú trọng xây dựng hậu cần nhân dân rộng khắp làm cơ sở, hậu cần khu vực phòng thủ làm nền tảng. Tập trung xây dựng ngành Hậu cần Quân đội vững mạnh toàn diện, ngày càng chính quy, hiện đại, đủ khả năng làm nòng cốt trong bảo đảm hậu cần khi chiến tranh xảy ra; gắn kết chặt chẽ hậu cần tại chỗ với hậu cần cơ động, hình thành thế trận liên hoàn, vững chắc, có thể độc lập bảo đảm trên từng khu vực, hướng chiến lược trong mọi tình huống, v.v. Vận tải là khâu trung tâm của công tác hậu cần và là cầu nối đưa sức mạnh của hậu phương ra tiền tuyến; bởi vậy, phải quan tâm xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải vững chắc. Từ kinh nghiệm công tác vận tải trong Chiến dịch Điện Biên Phủ trong kháng chiến chống thực dân Pháp và tổ chức vận tải chiến lược trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cần đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, bến, bãi; phát triển lực lượng, phương tiện vận tải của các thành phần kinh tế; xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động, động viên nguồn lực vận tải bảo đảm cho quốc phòng trong điều kiện nền kinh tế thị trường; tổ chức luyện tập, diễn tập huy động lực lượng, phương tiện vận tải dự bị động viên trong khu vực phòng thủ để hoàn chỉnh kế hoạch, phương án, v.v. Đặc biệt, chú trọng xây dựng, kiện toàn tổ chức lực lượng vận tải quân sự theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, đồng bộ ở cả 03 cấp (chiến lược, chiến dịch, chiến thuật) và từng bước hiện đại hóa trang bị, phương tiện vận tải theo tiến trình hiện đại hóa Quân đội, để nâng cao khả năng cơ động và bảo đảm. Cùng với đó, làm tốt công tác tổng kết, nghiên cứu phát triển lý luận vận tải quân sự, phù hợp với sự phát triển của khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự, tổ chức biên chế, trang bị của lực lượng vũ trang trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

PHÁT HUY TINH THẦN QUYẾT CHIẾN, QUYẾT THẮNG TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN VÀO XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

Chiến dịch Tây Nguyên là chiến dịch mở đầu cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của quân và dân ta để tiến tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đánh đổ hoàn toàn Chính quyền và Quân đội Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên là sự kết tinh, hội tụ của nhiều yếu tố hợp thành sức mạnh tổng hợp của quân và dân ta; trong đó, tinh thần quyết chiến, quyết thắng là nhân tố cực kỳ quan trọng, tạo nên sức mạnh to lớn, quyết định đưa đến thắng lợi giòn giã cho Chiến dịch. Tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta trong Chiến dịch này vẫn còn nguyên giá trị, cần được phát huy trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



Tấn công, đánh chiếm trại Mai Hắc Đế, thị xã Ban Mê Thuột trong Chiến dịch Tây Nguyên, tháng 3- 1975. (Ảnh tư liệu)

1. Chiến dịch Tây Nguyên - Biểu hiện sinh động tinh thần và ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta

Sau năm 1972, tuy bị thất bại liên tiếp về quân sự, chính trị, nhưng Quân đội Sài Gòn được Mỹ hà hơi tiếp sức vẫn ngoan cố theo đuổi mưu đồ dùng sức mạnh quân sự để lấn

chiếm vùng giải phóng của ta. Lợi dụng khi ta chấp hành nghiêm Hiệp định Pa-ri, chúng tăng cường lấn chiếm, tập trung giải tỏa đường giao thông và những vùng ta giải phóng trước ngày ngừng bắn; móc nối nhiều cơ sở ngầm để chỉ điểm cho máy bay, pháo binh địch đánh phá các mục tiêu nằm sâu trong vùng giải phóng của ta, nhằm sát thương sinh lực, triệt hạ kho tàng, ngăn chặn các tuyến vận chuyển cơ động, phá hoại sản xuất và dân sinh. Đồng thời, lập ra nhiều tổ chức phản động, vực dậy tổ chức FULRO, các đại đội chiến đấu trang bị vũ khí, cung cấp tiền bạc, ráo riết hoạt động lôi kéo đồng bào dân tộc ít người chống phá cách mạng.

Trên chiến trường Tây Nguyên, đầu năm 1975, địch tập trung một lực lượng khá lớn, bao gồm: lực lượng bộ binh của các đơn vị chủ lực, cùng với các lực lượng biệt động quân, xe tăng, xe bọc thép và không quân. Bộ Chỉ huy Quân đội Mỹ ở Sài

Gòn nhận định: năm 1975 ta sẽ mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên, đánh vào thị xã Kon Tum, vì địch lấy Kon Tum - Pleiku làm khu vực phòng ngự chủ yếu. Chúng đã bố trí ở khu vực này gần như toàn bộ lực lượng chủ lực ở Tây Nguyên (trừ Trung đoàn 53 giữ thị xã Buôn Ma Thuột).

Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chủ động nắm bắt thời cơ, so sánh tương quan lực lượng địch, ta quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên, nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực quan trọng của địch (diệt sư đoàn, đánh thiệt hại nặng Quân đoàn 2 Quân đội Sài Gòn), phá vỡ hệ thống kim kẹp, giải phóng tỉnh Đắk Lắk, Phú Bổn, Quảng Đức. Mục tiêu then chốt là thị xã Buôn Ma Thuột và ba quận lỵ quan trọng: Đức Lập, Cầm Ga, Kiến Đức; thực hiện chia cắt chiến lược; kết hợp với địa phương đánh phá “bình định”, giành dân ở các khu vực trọng điểm và vùng đất bằng Tây Nguyên.

Sau 20 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, (từ ngày 04 đến ngày 24-3-1975) quân ta đã giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên. Tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân Tây Nguyên thể hiện rõ trong từng tình huống của Chiến dịch. Theo đó, với Tình huống 1, dù gặp nhiều khó khăn bởi địch hoạt động khá ráo riết nhưng lực lượng ta đã nỗ lực quyết tâm vượt qua và bảo đảm được yếu tố bí mật của Chiến dịch, đưa một lực lượng lớn từ xa và từ nhiều hướng vào chiếm lĩnh trận địa theo đúng ý đồ tác chiến Chiến dịch. Tình huống 2, lúc này địch đổ quân tăng viện hòng chiếm lại những điểm bị ta đánh chiếm, đến đây cuộc chiến càng diễn ra ác liệt hơn, song với tinh thần quyết chiến, quyết thắng quân ta liên tiếp tiến công tiêu diệt quân địch co cụm ở Phước An, cụm địch ở Khánh Dương và Chư Cúc, đập tan sự phản kích của Sư đoàn 23 Quân đội Sài Gòn. Thừa thắng, quân ta liên tiếp tiến công địch ở thị xã Buôn Ma Thuột, sân bay Hòa Bình, khu kho Mai Hắc Đế, tiêu diệt quân địch ở hậu cứ trung đoàn, trung tâm huấn luyện của Sư đoàn 23, cụm địch ở cầu Sê-rê-pốc, quận lỵ Buôn Hồ, điểm cao Chư Pao, ấp Đạt Lý, ấp Châu Sơn, quận lỵ Lạc Thiện. Tình huống 3, quân ta liên tiếp truy kích lực lượng quân địch co cụm và rút chạy trên Đường số 7 từ Cheo Reo đến Củng Sơn. Chiều ngày 24 tháng 3, Trung đoàn 64 tiến vào Củng Sơn, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, chỉ một số ít lính biệt động quân, 11 xe M113 chạy được về Tuy Hòa (Phú Yên). Trong khi đó, Sư đoàn 320, Sư đoàn 10, Sư đoàn 968 cùng lực lượng địa phương tiến công giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung (Quy Nhơn ngày 31 tháng 3; Tuy Hòa ngày 01 tháng 4; Nha Trang ngày 02 tháng 4). Phối hợp với hướng chính, từ ngày 17 đến ngày 23 tháng 3, ta tiến công giải phóng Kon Tum, Pleiku, An Khê, Gia Nghĩa, Kiến Đức. Đến ngày 25 tháng 3, toàn bộ Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng.

Tiếp đà thắng lợi, từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 03 tháng 4 năm 1975, quân và dân ta tiến công, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn lực lượng Quân đoàn 2 - Quân khu 2, giải phóng các tỉnh miền Nam Trung Bộ, tạo bước ngoặt đưa cuộc chiến tranh từ tiến công chiến lược đến Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường

miền Nam. Thắng lợi to lớn trong Chiến dịch Tây Nguyên là cơ sở để Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân Tây Nguyên đã làm nên chiến thắng có ý nghĩa lịch sử, tạo ra sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng và thế chiến lược có lợi cho ta, đẩy địch vào thế bị động, suy sụp và tan rã về chiến lược. Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên để lại nhiều kinh nghiệm quý về phát huy tinh thần quyết chiến, quyết thắng trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

2. Phát huy tinh thần quyết chiến, quyết thắng trong Chiến dịch Tây Nguyên vào xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

Một là, tiếp tục phát huy kinh nghiệm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh trong Chiến dịch Tây Nguyên vào xây dựng Quân đội đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Sớm nhận thấy vị trí chiến lược và giá trị trọng yếu của địa bàn Tây Nguyên, ngay từ đầu tháng 5 năm 1964, Bộ Chính trị giao cho Quân ủy Trung ương tổ chức và quyết định thành lập Mặt trận Tây Nguyên, lấy phiên hiệu là B3, với nhiệm vụ xây dựng Tây Nguyên thành chiến trường đánh tiêu diệt lớn quân địch, có quân chủ lực mạnh làm nòng cốt, thúc đẩy lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện cho đồng bằng và đô thị nổi dậy giành quyền làm chủ và phối hợp tác chiến với chiến trường Trị - Thiên, Khu 5, miền Đông Nam Bộ tiến công địch theo sự chỉ đạo của Trung ương. Khi thời cơ chiến lược xuất hiện, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Mặt trận B3 thường xuyên nắm chắc tình hình, chỉ đạo chặt chẽ việc bổ sung kế hoạch, tăng cường lực lượng, quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên, chọn mục tiêu then chốt chiến dịch là thị xã Buôn Ma Thuột. Đảng ủy Mặt trận Tây Nguyên cụ thể hóa phương châm và tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Chiến dịch Tây Nguyên là: “Mạnh bạo, chắc thắng, chủ động, cơ động, linh hoạt, bí mật, bất ngờ”. Đồng thời, xác định rõ Quyết tâm Chiến dịch và Phương án tác chiến Chiến dịch sát với tình hình thực tiễn.

Với quyết tâm chính trị đúng đắn và chủ trương lãnh đạo kịp thời, sát thực tế chiến trường của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên đã phát huy cao độ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân Tây Nguyên làm nên thắng lợi của toàn bộ Chiến dịch. Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên cho thấy, trước hết, phải thường xuyên quán triệt quan điểm, đường lối, tư tưởng quân sự của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định để xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, bảo đảm cho Quân đội luôn là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong toàn quân cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác giáo dục, quán triệt quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác quân sự,

quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc và chỉ thị, mệnh lệnh công tác quân sự hằng năm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Quá trình quán triệt cần tập trung làm rõ mục tiêu, nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung quán triệt sâu sắc Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Chiến lược Quốc phòng Việt Nam; Chiến lược Quân sự Việt Nam, v.v. Qua đó, tạo sự thống nhất về nhận thức trong toàn quân đối với những quan điểm cơ bản của Đảng: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang, với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại vào bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đồng thời, quán triệt sâu sắc đường lối độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng, góp phần định hướng xây dựng Quân đội và từng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

Hai là, phát huy kinh nghiệm công tác tư tưởng trong Chiến dịch Tây Nguyên, tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng ý chí quyết tâm, quyết chiến, quyết thắng bảo đảm cho bộ đội luôn chủ động vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Do tính chất khẩn trương, quyết liệt của Chiến dịch Tây Nguyên, nên Đảng ủy, Bộ Tư lệnh chiến dịch cũng như cấp ủy, chỉ huy, cán bộ chính trị, cơ



Quân đội Việt Nam Cộng hòa thất bại tháo chạy hỗn loạn khỏi Tây Nguyên (Ảnh tư liệu)

quan chính trị các đơn vị luôn đặc biệt coi trọng việc giáo dục, động viên tư tưởng, củng cố ý chí quyết tâm chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ trong suốt quá trình tác chiến, chiến đấu. Đặc biệt, luôn đi sâu nắm chắc mọi diễn biến tư tưởng của bộ đội cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn, kịp thời cổ vũ động viên tinh thần chiến đấu của bộ đội, nhất là tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến cán bộ, chiến sĩ tất cả các thư khen, thư động viên của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh chiến dịch, truyền tin chiến thắng, gương chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ cùng những thất bại của địch trên các hướng, mũi tiến công trong suốt quá trình diễn ra chiến dịch. Đồng thời, làm cho cán bộ, chiến sĩ luôn giữ

vững ý chí, quyết tâm chiến đấu, chủ động khắc phục khó khăn, tạo sự đoàn kết, nhất trí cao trong toàn lực lượng tham gia chiến dịch.

Phát huy kinh nghiệm công tác tư tưởng trong Chiến dịch Tây Nguyên vào đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng hiện nay, Quân ủy Trung ương cũng như cấp ủy, cán bộ chủ trì, cơ quan chức năng các cấp trong toàn quân cần chủ động tiếp thu, kế thừa những thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư và những kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận của Đảng để đổi mới nâng cao chất lượng công tác tư tưởng trong tình hình mới. Theo đó, cần bám sát thực tiễn nhiệm vụ và tình hình tư tưởng của bộ đội để xác định chính xác nội dung, vận dụng linh hoạt hình thức, phương pháp công tác tư tưởng; kịp thời khắc phục những biểu hiện giáo điều, rập khuôn, máy móc trong công tác tư tưởng. Chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị, tăng cường giáo dục lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Quân đội. Tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Chỉ thị 124-CT/QUTW của Thường vụ Quân ủy Trung ương và Đề án “Đổi mới công tác giáo dục chính trị tại đơn vị trong giai đoạn mới”; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới” vào đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chính trị cho các đối tượng. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp công tác văn hóa quần chúng và công tác thi đua - khen thưởng; kịp thời cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ phát huy sáng kiến, công hiến tài năng vươn lên thực hiện tốt các nội dung, chỉ tiêu thi đua. Đồng thời, thực hiện có nền nếp công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác thi đua, khen thưởng; đánh giá đúng thành tích, bình xét khen thưởng bảo đảm tính khách quan, công bằng, chính xác, dân chủ, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng người, đúng thành tích.

Ba là, phát huy kinh nghiệm củng cố, kiện toàn các tổ chức, lực lượng, thực hiện thắng lợi mục đích, nhiệm vụ trong Chiến dịch Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội trong tình hình mới. Nhận thức đầy đủ tính chất khó khăn, quyết liệt và mức độ thương vong có thể xảy ra trong Chiến dịch, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, dự kiến các phương án bổ sung, kiện toàn cấp ủy, chỉ huy bảo đảm giữ vững sự lãnh đạo, chỉ huy trong mọi tình huống. Thực tế cho thấy, cùng với sự lãnh đạo xây dựng quyết tâm chiến đấu, cấp ủy các cơ quan, đơn vị đã sớm chủ động xây dựng kế hoạch, kịp thời bổ sung cấp ủy, kiện toàn chỉ huy, dự kiến các phương án thay thế cán bộ các cấp nếu tình huống thương vong xảy ra. Hầu hết các cơ quan, đơn vị tham gia Chiến dịch, nhất là các đơn vị trên các hướng, mũi tiến công chủ yếu đều dự kiến từ 01 đến 02 phương án thay thế, bổ sung cán bộ, kiện toàn cấp ủy để thường xuyên giữ

vững sự lãnh đạo, chỉ huy trong suốt quá trình tác chiến Chiến dịch. Các cấp đều nhận rõ vấn đề mấu chốt là phải phát huy sức mạnh của các cấp ủy, chi bộ, vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, ngay từ khi chuẩn bị Chiến dịch cũng như trong suốt quá trình tác chiến Chiến dịch, công tác xây dựng chi bộ, kiện toàn cấp ủy, phát triển đảng viên được đặc biệt coi trọng và tiến hành tích cực. Do đó, trong suốt quá trình Chiến dịch, các cấp, các cơ quan, đơn vị trên các hướng, mũi chiến dịch đều giữ vững sự lãnh đạo, chỉ huy trong mọi tình huống.

Cùng với việc kiện toàn, bổ sung các cấp ủy, chỉ huy, việc duy trì nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trên tất cả các hướng, mũi Chiến dịch được các cấp thực hiện nghiêm túc; phát huy tốt dân chủ, tập trung được trí tuệ của tập thể cấp ủy bàn bạc, thông qua phương án tác chiến và quyết nghị chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ tác chiến thắng lợi. Sau khi kết thúc Chiến dịch Tây Nguyên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, các cơ quan, đơn vị cũng như các cơ quan tham mưu, chính trị, đội ngũ cán bộ các tổ chức quần chúng ở các cấp được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu tổ chức, biên chế và sự phát triển của nhiệm vụ chiến đấu tiếp theo.

Phát huy bài học trong Chiến dịch Tây Nguyên về chủ động kiện toàn các tổ chức, lực lượng vào xây dựng Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn quân cần nghiên cứu nghiêm túc, vận dụng sáng tạo vào quá trình xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy của cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy và nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Tập trung thực hiện thắng lợi Kế hoạch và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ X, nhất là Nghị quyết 109-NQ/QUTW, ngày 11-02-2019 của Quân ủy Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Kết luận 111-KL/QUTW, ngày 12-02-2019 của Thường vụ Quân ủy Trung ương về tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Quân đội giai đoạn mới. Quán triệt và thực hiện nghiêm Quy định 08-Qđi/TW, ngày 25-10-2018 của Ban Chấp hành Trung ương và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ trì các cấp. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tập trung xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện thắng lợi Nghị quyết 765 của Quân ủy Trung ương về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013 - 2020 và những năm tiếp theo. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, bảo đảm cho bộ đội sử dụng thành thạo các loại vũ khí, trang bị, nhất là vũ khí trang bị hiện đại; tăng

cường huấn luyện đêm, huấn luyện cơ động, huấn luyện theo tình huống, diễn tập hiệp đồng quân, binh chủng, diễn tập khu vực phòng thủ; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng vào huấn luyện, diễn tập. Coi trọng huấn luyện nâng cao khả năng sử dụng vũ khí, trang bị linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm địa hình, yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu làm cơ sở thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo dám đánh, quyết đánh, quyết thắng bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

Bốn là, phát huy bài học kinh nghiệm về công tác dân vận, chính sách trong Chiến dịch Tây nguyên vào đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, chính sách trong Quân đội hiện nay. Xuất phát từ mục đích chiến dịch Tây Nguyên đặt ra là phải tiêu diệt quân địch, giành quyền làm chủ, giải phóng nhân dân; đồng thời, tham gia giúp đỡ địa phương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, nên hoạt động tác chiến chiến đấu của bộ đội liên quan đến rất nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị tham gia Chiến dịch luôn đặc biệt coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác dân vận gắn với thực hiện tốt công tác chính sách trong chiến đấu. Mọi chính sách của Đảng, Nhà nước ta đều được cán bộ, chiến sĩ trên các hướng, mũi Chiến dịch tự giác chấp hành nghiêm túc.

Chiến dịch diễn ra trên địa bàn Tây Nguyên, nơi có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống, nên chính sách đối với đồng bào vùng dân tộc, vùng mới giải phóng cũng được các cơ quan, đơn vị coi trọng quán triệt, tổ chức thực hiện trong suốt quá trình chiến đấu. Khi tác chiến trên bất kỳ địa bàn nào ở thành phố, nông thôn, hay miền núi, các đơn vị đều quan tâm phổ biến kịp thời các chính sách của Đảng, Nhà nước, phong tục, tập quán của đồng bào ở khu vực đó để cán bộ, chiến sĩ nghiêm túc chấp hành. Do vậy, trong suốt quá trình chiến đấu bộ đội ta luôn giữ nghiêm kỷ luật dân vận, nhất là khi vào thành phố, chấp hành nghiêm chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, bộ đội ta cơ động đến đâu, chiến đấu trên địa bàn nào cũng được nhân dân các dân tộc giúp đỡ ủng hộ nhiệt tình cả sức người, sức của; đây là nhân tố quan trọng góp phần làm nên chiến thắng toàn diện của Chiến dịch.

Ngay từ khi chuẩn bị Chiến dịch, căn cứ theo mục đích, phương châm chỉ đạo Chiến dịch và quyết tâm của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Chiến dịch, các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng làm công tác chính sách hết sức chu đáo; giáo dục, phổ biến cho cán bộ, chiến sĩ tham gia Chiến dịch học tập nắm chắc các chính sách có liên quan đến hoạt động tác chiến Chiến dịch. Quá trình chiến đấu là quá trình tiếp tục phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến hoạt động tác chiến. Do tính chất ác liệt của Chiến dịch, nên chính sách thương binh, liệt sĩ là vấn đề trực tiếp đặt ra đòi hỏi các đơn vị phải quan tâm giải quyết. Mặc dù trong điều kiện chiến đấu khẩn trương, liên tục nhưng chính sách thương binh, liệt sĩ, chính sách đối với tù hàng binh vẫn được các đơn vị quan tâm giải quyết chu đáo. Các đơn vị tham gia Chiến

dịch đều coi trọng giáo dục và tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ chấp hành nghiêm túc chính sách chiến lợi phẩm trong chiến đấu.

Tiếp tục vận dụng kinh nghiệm về công tác dân vận và công tác chính sách vào xây dựng Quân đội trong tình hình mới, các cấp ủy, cán bộ chủ trì, cơ quan chức năng các cấp trong toàn quân cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác chính sách trong Quân đội. Tiếp tục đổi mới công tác chính sách đối với cán bộ Quân đội, bảo đảm tuân thủ theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ Quân đội cũng như từng cơ quan, đơn vị. Tích cực tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước tiếp tục đổi mới hệ thống chính sách, nhất là chính sách tiền lương, phụ cấp, nhà ở, chế độ an dưỡng, khám, chữa bệnh, bảo hiểm y tế cho cán bộ, thân nhân quân nhân phù hợp đặc thù quân sự theo hướng ngày càng được cải thiện và bảo đảm tốt hơn chất lượng theo sự phát triển của nền kinh tế. Tiếp tục đề xuất, bổ sung chế độ, chính sách mới cho các đối tượng làm nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ mới; chính sách tinh giản biên chế; thu hút, khuyến khích nhân tài, cán bộ khoa học và nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trong Quân đội và đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.

Xây dựng cơ quan chính sách và đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách có đủ phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác chính sách trong tình hình mới. Duy trì nghiêm nền nếp, chế độ công tác chính sách, coi trọng công tác xây dựng kế hoạch, chương trình công tác với những nội dung, biện pháp cụ thể; chủ động thực hiện tốt những nội dung, nhiệm vụ mới. Tiếp tục quán triệt quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội XII và Nghị quyết 25 NQ/TW, ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác dân vận trong tình hình mới, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ về vị trí, vai trò công tác dân vận, công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới.

Nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong công tác dân vận và công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng của đơn vị gắn với phong trào thi đua yêu nước của địa phương, phong trào “dân vận khéo” và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội phát động; nhân rộng các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong công tác dân vận, công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Thực hiện tốt Cuộc vận động “Xây dựng môi trường văn hóa” tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong Quân đội gắn với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”, với tinh thần “ở đâu có bộ đội, ở đó có công tác dân vận”.

Nguyễn Trọng Nghĩa // <http://tapchiquptd.vn/>

SƯ ĐOÀN 314 TRONG ĐOÀN QUÂN THẦN TỐC GIẢI PHÓNG SÀI GÒN MÙA XUÂN NĂM 1975

Chuyện kể về những ngày cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 341 hành quân từ bờ Nam sông Bến Hải vào miền Đông Nam Bộ, giải phóng miền Nam của Đại tá Vũ Thang, nguyên Tham mưu trưởng Sư đoàn 341 như những thước phim lịch sử hào hùng, sống động.

Khí thế của đoàn quân

Theo lời kể của Đại tá Vũ Thang, ngày 23/11/1972, tại dãy núi Đại Huệ (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), Quân khu 4 thành lập Sư đoàn 341 (Sư đoàn Sông Lam) gồm các Trung đoàn 273, 270, 266, Trung đoàn pháo binh 55 theo hướng chính quy, hiện đại, tinh nhuệ, thiện chiến. Cán bộ chỉ huy là đồng chí Trần Văn Trân làm Sư đoàn trưởng, đồng chí Trần Nguyên Độ làm Chính ủy Sư đoàn, các đồng chí Bảo Cường, Phạm Thành Minh làm Sư đoàn phó và Phó Chính ủy. Ngày 25/1/1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 341 vào Nam bộ trong đội hình Quân đoàn 4. Toàn sư đoàn đã được xác định đi sâu, đi lâu, đi đến ngày toàn thắng.



Người dân Sài Gòn chào đón bộ đội giải phóng sau khi Chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30/4/1975. Ảnh tư liệu

Sau khi nhận lệnh, Ban Chỉ huy Sư đoàn đã triển khai công việc cần kíp, cử các đồng chí Vũ Thang, Tham mưu trưởng; Phạm Tiến, Trưởng ban Quân lực; Hoàng Đăng Lâm, Trưởng ban Công binh vào Đoàn 559 để hợp đồng xe vận chuyển Sư đoàn vào Nam với Quân đoàn 4. Lúc này, chỉ huy Đoàn 559 dừng chân ở thôn Cẩm Sơn và An Nha thuộc xã Gio An, Gio Linh, Quảng Trị (bờ Nam sông Bến Hải). Căn cứ vào số quân, trang thiết bị, đạn

dược, khí tài, hậu cần, chỉ huy quyết định xin 500 xe tải (mỗi xe chở một trung đội). Các đồng chí Đoàn 559 đã ưu tiên đưa Đoàn Vận tải cơ giới 571 với 500 xe tốt nhất. Đúng ngày 15/2/1975 đoàn xe lăn bánh. Ông Vũ Thang còn nhớ lúc đó đã ghi vào tờ giấy Sư đoàn 341 vượt sông Bến Hải - giải phóng miền Nam!

Ông Vũ Thang vẫn in đậm hình ảnh chiến đấu kiên cường của quân và dân ta. Sư đoàn 341 cùng Sư đoàn 7 được giao tiến công đánh sập tuyến phòng thủ Xuân Lộc - Long Khánh, cửa ngõ vào Sài Gòn - Gia Định. Từ trận đánh mở màn ngày 9/4/1975, sau 12 ngày đêm chiến đấu ác liệt đến ngày 21/4/1975, địch đã rút chạy, ta hoàn toàn làm chủ thị xã Xuân Lộc, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức". Niềm

phấn khởi tràn dâng trong tâm hồn, đến nỗi ông phải nói: “Chúng tôi nhảy lên ôm nhau vui sướng và được quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị: Triển khai Chiến dịch Hồ Chí Minh, quyết tâm giải phóng Sài Gòn và giải phóng miền Nam trước ngày 19/5”. Công việc của các đơn vị lúc này là củng cố lại lực lượng, trang bị thêm cho đủ cơ số đạn, chuẩn bị hành quân đánh trận mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Thời khắc lịch sử giải phóng miền Nam

Ngày 26/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu với 15 sư đoàn chính quy, hình thành năm mũi tiến công khi tính toán chọn điểm đột phá và đơn vị đánh đột phá. Điểm mặt 15 sư đoàn thì đơn vị nào cũng đã phải đánh từ Bắc vào Nam hoặc từ Tây sang Đông, duy chỉ có Sư đoàn 341 mới vào tới đây vừa tham gia mở cánh cửa thép của phòng tuyến Xuân Lộc, với quân số đông, trang bị mới, sức khỏe tốt, kỷ luật nghiêm... được cấp trên quyết định chọn làm đơn vị đột phá. Đó là cứ điểm Trảng Bom. Từ đây phát triển theo trục đường số 1 tiến vào Biên Hòa, Sài Gòn.

Đúng 4 giờ ngày 27/4, lệnh nổ súng tiến công Trảng Bom được phát đi. Những cầu vòng lửa vút lên tới tấp giáng xuống bầy trận địa pháo địch. Cùng lúc các loại pháo đi cùng bộ binh cũng tới tấp giáng xuống các mục tiêu. Trảng Bom chìm ngập trong trận mưa pháo. Bầy trận địa pháo địch câm ngáy từ những loạt đạn đầu của ta. Lực lượng Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 6 phát triển đánh mạnh vào trung tâm Trảng Bom. Các ồ đề kháng, lô cốt địch lần lượt bị san bằng. Trong khi các mũi đang phát triển thuận lợi thì tổ thọc sâu của Tiểu đoàn 5 lao thẳng vào trung tâm. Sau chín giờ đồng hồ chiến đấu quyết liệt, đến 14 giờ cùng ngày (27/4) ta làm chủ hoàn toàn Trảng Bom và cả đoạn đường dài 15 km từ ấp Hưng Nghĩa về Trảng Bom.

Quyết tâm chiến đấu giải phóng Biên Hòa đã được Bộ Tư lệnh Sư đoàn thông qua là Trung đoàn 273 vòng đánh từ Hố Bà Thước vào Sân bay Biên Hòa. Trung đoàn 270 đánh thẳng từ đường số 1, đường sắt. Trung đoàn 266 làm lực lượng dự bị tiến sau Trung đoàn 270.

Đêm 29/4 ta hoàn toàn giải phóng Biên Hòa. Các trung đoàn của Sư đoàn 341 phát triển về hướng Dĩ An, Thủ Đức, Sài Gòn... Riêng Trung đoàn 266 đi đường qua Châu Thới về Thủ Đức vào Sài Gòn. Tiểu đoàn 3 và sáu xe tăng làm nhiệm vụ thọc sâu tiến về xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa đi cùng Sư đoàn 7 tiến vào Sài Gòn. Một đội hình đi đầu gồm xe tăng và bộ binh Trung đoàn 273.

Đến hơn 12 giờ trưa 30/4/1975 vào đến Dinh Độc Lập. Theo sau nữa là một bộ phận đội hình xe tăng và bộ binh Trung đoàn 266, Trung đoàn 270... Niềm vui dâng trào lan truyền đến mọi chiến sĩ khi trên các ngã đường Sài Gòn rất đông những người dân già trẻ lớn bé đứng hai bên đường vẫy tay chào đón đoàn quân giải phóng! Trong khí thế hào hùng như thế, không gian vang lên bài hát “Bác cùng chúng cháu hành quân” của nhạc sĩ Huy Thục: “Đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận, trùng trùng đoàn quân tiến bước theo con đường của Bác. Nở ngàn hoa chiến công ta dâng lên Người. Dâng lên tới Đảng cả niềm tin chiếu sáng ngời... Chiến đấu cho quê nhà Nam Bắc hòa lời ca”. Hạnh phúc nào bằng được thấy miền Nam hoàn toàn giải phóng!

KỶ NIỆM 45 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC: HÀNH QUÂN THẦN TỐC NHỜ CỎ DÂN

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ đánh địch trên đường 19, góp phần giải phóng Bình Định, Trung đoàn 2, Sư đoàn 3 Sao Vàng tiếp tục nhận lệnh hành quân “thần tốc” tiến vào đánh địch tại tuyến phòng thủ Phan Rang. Nhận lệnh ngày 8-4-1975, sáng ngày 14-4, bắt đầu nổ súng. Trong khi quãng đường từ Bình Định vào Phan Rang khoảng 400km. Làm sao trong 5 ngày vừa hoàn thành phương án tác chiến, vừa tổ chức hành quân bộ cho đội hình trung đoàn hàng nghìn quân vượt quãng đường đó, khi mà phương tiện cơ giới vừa thu được của địch chỉ có dăm chiếc xe tải quân sự?

Chỉ huy Trung đoàn họp khẩn, quyết định cho các đơn vị liên hệ với các địa phương vận động các gia đình có xe đò tham gia chuyển quân. Chỉ huy trung đoàn phân công tôi - Phó Chính ủy trung đoàn đi với Tiểu đoàn 3; cấp bách huy động mọi phương tiện để cơ động quân. Được sự đồng ý của chỉ huy Trung đoàn, tôi cho đánh máy sẵn một số “Giấy chứng nhận sử dụng xe” có đóng dấu, rồi xuống ngay Tiểu đoàn 3. Sau khi quán triệt nhiệm vụ cho Tiểu đoàn, không còn thời gian để liên hệ với chính quyền địa phương, chúng tôi quyết định chặn đón xe của dân ở ngã ba Phú Tài (ngã ba đường số 1 và đường vào thị xã Quy Nhơn).

Chờ chừng 15 phút, có 3 chiếc xe đò từ Quy Nhơn đi ra, trên xe chật ních người và hàng hóa. Tôi ra hiệu cho xe dừng lại và nói rõ ý định mượn xe với chủ xe. Ba chủ xe đều nhận lời, nhưng còn băn khoăn nếu bỏ khách lại giữa đường. Biết được nỗi băn khoăn đó, tôi trả lời: Việc ấy để chúng tôi lo. Liền đó, tôi gặp gỡ hành khách cả ba xe, nói rõ chúng tôi là bộ đội Sư đoàn 3 Sao Vàng, được lệnh hành quân gấp vào giải phóng Phan Rang, Ninh Thuận... Xin hứa với bà con, Quân Giải phóng chỉ mượn xe của bà con một ngày và trả ngay, để bà con về quê, sum họp gia đình...

Tôi vừa dứt lời, một cụ già ôm một bọc đồ trên xe xuống, rồi nói to:

- Tôi đề nghị bà con ta hãy nhường xe cho các chú Giải phóng đi giải phóng nơi khác, quê ta giải phóng rồi...

Lập tức, nhiều người cũng:

- Phải... phải... Phải đó...

Thế là bà con nhanh chóng xuống xe. Bộ đội cùng chung tay đón bé các cháu nhỏ, chuyển đồ của bà con xuống xe. Tôi quay lại hỏi các chủ xe:

- Bà con đã đồng ý nhường xe, bây giờ các ông còn ý kiến gì nữa không?

Thấy các chủ xe tần ngần, nhường nhau, tôi liền chủ động nói:

- Hiện nay, bộ đội Giải phóng không có tiền Sài Gòn để thanh toán tiền thuê xe. Tuy nhiên chúng tôi có “Giấy chứng nhận sử dụng xe”, các bác cứ giữ giấy; sau giải phóng đem đến chính quyền sở tại báo cáo, chính quyền sẽ thanh toán tiền, còn xăng dầu, bộ đội sẽ cấp theo yêu cầu... Nói xong, tôi đưa cho ba chủ xe ba Giấy chứng nhận...

Có xe, tôi thống nhất với Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Lê Đình Nhữ bố trí một đại đội hành quân trước, số còn lại tiếp tục chờ mượn xe. Cũng chỉ 30 phút sau, một đoàn 5 chiếc xe chở khách từ phía Nam ra (sau này biết là chở bà con dân Bình Định, Phú Yên... nghe quê nhà được giải phóng, nên nhanh chóng hồi hương). Tôi ra hiệu dừng xe, chưa kịp nói ý định của đơn vị thì số bà con trên ba chiếc xe trước đã tới chuyện trò, trao đổi với bà con mới đến. Rồi chủ xe và bà con trên 5 xe mới gặp chúng tôi bày tỏ:

- Chúng tôi cũng nhường xe cho Quân giải phóng hành quân vào giải phóng Ninh Thuận... Bà con còn giục chúng tôi đi nhanh, nếu không kẻ địch chạy hết... Biết chúng tôi là quân Sư đoàn Sao Vàng, nhiều người còn tự giới thiệu mình là người An Lão, Hoài Nhơn... từng đã nuôi bộ đội Sao Vàng bám trụ đánh địch trước đây... Tôi đứng lên chỗ đất cao, cảm ơn bà con và các chủ xe, lái xe. Đồng thời cùng chỉ huy Tiểu đoàn tổ chức cho bộ đội hành quân chiến đấu.

Đến 3 giờ sáng ngày 11-4, sau 15 giờ hành quân, toàn đội hình Tiểu đoàn 3 đã tới vị trí tập kết ở vườn dừa Ba Ngòi, huyện Cam Ranh, cách mục tiêu tiến công khoảng 8km. Tôi thay mặt đơn vị cảm ơn các chủ xe, lái xe và trao cho mỗi người một “Giấy chứng nhận sử dụng xe”. Các bác chủ xe xúc động nói:

- Chúng tôi nhận tờ giấy này làm kỷ niệm lần đầu tiên trong đời được chở một chuyến khách đặc biệt chưa bao giờ có, chứ không phải để sau này lĩnh thưởng. Anh em Giải phóng chẳng tiếc máu xương để đánh giặc, chúng tôi sao nỡ đòi tiền mấy lít xăng dầu...

Khoảng một giờ sau, đội hình Trung đoàn 2, cũng với phương thức huy động xe cộ của dân, đã có mặt đầy đủ ở vị trí tập kết. Từ ngày 14 đến 16-4-1975, đảm nhiệm trên hướng chủ yếu của Sư đoàn, Trung đoàn 2 đã cùng Sư đoàn 325 của Quân đoàn 2 và bộ đội địa phương giải phóng Phan Rang và toàn tỉnh Ninh Thuận. Riêng Trung đoàn 2 bắt sống Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang và nhiều sĩ quan ngụy.

Cuộc hành binh thần tốc của Quân giải phóng đã làm cho kẻ địch bất ngờ, không kịp trở tay. Để có được tốc độ hành quân “thần tốc” đó, chúng tôi đã biết nhờ vào sức dân. Nhớ về cuộc hành binh thần tốc tháng 4-1975, chúng tôi không bao giờ quên ơn những người dân dọc duyên hải miền Trung đã tận tình giúp đỡ, nâng bước những đoàn quân đi tới ngay toàn thắng.

Lê Văn Quýt // <http://cuuchienbinh.vn/>

HỒI ỨC CHIẾN TRƯỜNG CỦA PHÓNG VIÊN THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy, nguyên phóng viên Thông tấn xã Việt Nam năm nay đã ngoài 70 tuổi, sức khỏe đôi khi không được tốt, mái tóc hoa tiêu đã rụng quá nửa do di chứng sốt rét rừng từ những năm tháng tham gia đưa tin tại chiến trường. Ông vẫn luôn luôn khắc ghi những kỷ niệm ăn ngủ trong rừng, thâm nhập, đưa tin ở vùng chiến sự và cả thời khắc lịch sử mùa xuân năm 1975.

Xếp bút nghiên lên đường ra trận

Những năm đầu 1970, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ bước vào giai đoạn ác liệt, nhu cầu chi viện cho các mặt trận phía Nam trở nên cấp bách. Thực hiện Lệnh Tổng động viên, hàng vạn sinh viên gác lại việc học tập để lên đường chiến đấu trên tất cả các mặt trận.



**Đoàn tàu chở phóng viên GP10 đi chiến trường ngày 16/3/1973.
Ảnh: NVCC.**

Lớp phóng viên khóa thứ 10 của Việt Nam Thông tấn xã đào tạo phóng viên chiến trường cho Thông tấn xã Giải phóng được đặt tên là GP10, đây là lớp có quy mô lớn nhất, chất lượng, chi viện cho miền Nam đang trong giai đoạn quyết liệt và quyết định là

trận đánh cuối cùng, giải phóng miền Nam.

Khi ấy, ông Nguyễn Sỹ Thủy mới ngoài 20 tuổi, đang là sinh viên năm cuối khoa Sinh, Đại học Tổng hợp Hà Nội. Với năng lực học tập, rèn luyện tốt, ông Nguyễn Sỹ Thủy đã trúng tuyển vào lớp phóng viên GP10 của Thông tấn xã Giải phóng.

“Cuối tháng 12/1972, chúng tôi đã tận mắt chứng kiến những trận bom của máy bay B52 Mỹ trút xuống Thủ đô Hà Nội, giết hại nhiều dân thường, tàn phá nhiều dãy nhà ở phố Khâm Thiên. Thời gian này, chúng tôi cũng đang gấp rút hoàn thành chương trình học nghiệp vụ viết tin, chụp ảnh của lớp phóng viên GP10 - Việt Nam Thông tấn xã, được đào tạo cấp tốc để tăng cường cho chiến trường miền Nam tại điểm sơ tán không quá xa Hà Nội”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy nhớ lại.

Ngày đó, tuy đang học lớp phóng viên GP10 nhưng ông Nguyễn Sỹ Thủy vẫn cố gắng hoàn thành luận văn tốt nghiệp tại khoa Sinh, Đại học Tổng hợp Hà Nội. Chàng sinh viên tranh thủ thời gian ban đêm, ngày nghỉ để đi cơ sở, trồng lúa thí nghiệm và hoàn thành xuất sắc luận văn, đạt điểm tối đa 5/5. Cuối năm 1972, sinh viên Nguyễn Sỹ Thủy nhận bằng tốt nghiệp khoa Sinh, đại học Tổng hợp Hà Nội.

Gần Tết Nguyên đán năm 1973, lớp báo chí GP10 được nghỉ để mọi người về quê ăn Tết. Ông Nguyễn Sỹ Thủy mất gần 2 ngày mới từ chỗ học về đến quê ở xã ven biển thuộc huyện Thụy Anh (nay là Thái Thụy), tỉnh Thái Bình.

“Biết tôi học xong lớp phóng viên GP10 rồi sẽ đi vào chiến trường, không biết ngày nào mới trở lại sum họp cùng gia đình nên bố mẹ động viên tôi cưới vợ, nhà có mấy người con nhưng chỉ có tôi là con trai nên ông bà cũng mong sớm có cháu bé bồng. Tôi và vợ tôi khi đó đã yêu nhau được 2 năm. Lễ cưới của chúng tôi được tổ chức vào đúng mùng 2 Tết Nguyên đán năm đó. Tiệc cưới đơn giản, mỗi bàn chỉ có đĩa trầu cau, vài điếu thuốc, hoa hái từ vườn nhà, phong cưới, phòng cưới là do bạn bè trang trí giúp, có đôi chim câu đấu mỏ vào nhau, trái tim lồng ghép tên cô dâu, chú rể. Đám cưới còn có thêm khẩu hiệu “Vui duyên mới không quên nhiệm vụ”, có cán bộ chính quyền đến phát biểu quán triệt nhiệm vụ”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy chia sẻ.

Sau khi cưới vợ được 3 ngày thì ông Nguyễn Sỹ Thủy phải lên đường đi Hà Nội để đến trường 105 Ban Thống nhất Trung ương tại Lương Sơn (Hòa Bình) rèn luyện sức khỏe, tập leo núi và các kỹ năng tham gia chiến trường.

Ngày 16/3/1973, đánh dấu bước ngoặt không bao giờ quên khi ông Nguyễn Sỹ Thủy và các phóng viên GP10 lên đường. Đây cũng là một vinh dự không phải ai cũng có được khi rời xa miền Bắc vào chiến trường với cây bút, quyển sổ và máy ảnh tiến ra mặt trận dù phải đối mặt với sự hy sinh, gian khổ nhưng rất đỗi tự hào.



Các phóng viên chiến trường của Việt Nam Thông tấn xã. Ảnh: NVCC.

Nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy vẫn nhớ như in hành trình hành quân gian khổ từ miền Bắc vào chiến trường miền Nam, ba lô trên vai, trên đầu là máy bay của kẻ

địch ngày đêm quần đảo dội bom nhưng không một ai nản chí, vẫn tiến ra mặt trận với khí thế “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”.

Nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy kể, ô tô tải chở đoàn đến ga Thường Tín chờ tàu hỏa đi tiếp. Tàu chạy đến ga Nghĩa Trang (Thanh Hóa), mọi người phải đeo ba lô nặng đi bộ hơn 20 km qua cầu Hàm Rồng vào thị xã Thanh Hóa vì cầu Hàm Rồng bị bom Mỹ phá hỏng rồi lại tiếp tục lên tàu hỏa vào Vinh. Từ Vinh đoàn tiếp tục lên các xe tải không mui tiến về phía Nam.

Khi đến biên giới Việt - Lào, đoàn phóng viên lên những chiếc xe tải không mui đi suốt ngày đêm, phải đến 1 - 2 giờ sáng tới binh trạm mới được nghỉ. Dọc đường đi đều phải bí mật, ngụy trang, đi đêm không được bật đèn pha.

“Khi xe chở đoàn phóng viên GP10 đến địa phận tỉnh Attapu (Nam Lào) thì bị đổ, 3 người hy sinh, đó là Liệt sĩ Phạm Thị Kim Oanh, Trần Viết Thuyên và chú Trần Văn Bang, hơn 20 người bị thương, trong đó nhiều người bị thương nặng phải trở ra Bắc... nhưng rồi mọi người vẫn gạt đau thương, tiếp tục hành quân hoàn toàn bằng đường bộ. Sau gần 3 tháng, đoàn mới vào được đến chiến trường miền Nam để nhận nhiệm vụ. Sau một lần cùng đồng đội quay trở lại nơi xe lật để tìm mộ 3 liệt sĩ nhưng không thấy, đến bây giờ tôi và các phóng viên lớp GP10 vẫn mãi mãi nhớ thương, chưa thể nguôi ngoai về mất mát này”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy ngậm ngùi kể lại.

Làm tin ảnh trong vùng chiến sự

Đầu năm 1974, Tổng biên tập Thông tấn xã giải phóng Trần Thanh Xuân giao cho nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy và 2 đồng nghiệp đi tăng cường cho phân xã miền Đông Nam Bộ đóng tại Chiến khu D, rừng Mã Đà - Đồng Nai để làm nhiệm vụ thông tin ở khu vực.



Vượt sông suối đi chiến trường Đông Nam Bộ, Bà Rịa Vũng Tàu, Long Khánh năm 1974 (từ phải sang: Lý Tích, Sỹ Thủy, Cao Phong, Xuân Bân, Kim Sơn). Ảnh: NVCC.

Theo cán bộ địa phương, đây là địa bàn hết sức phức tạp và gian khổ. Phải mấy năm đi bộ mới hết được các địa phương, cơ sở khu. Địa hình dân cư đa dạng, có nhiều xã xa, đi theo đường mòn trong rừng phải mất hàng chục ngày mới tới nơi, có nơi khét tiếng là “chống cộng”

hoặc vùng giải phóng hình thành kiểu da báo (vùng của ta và địch đan xen nhau).

“Các căn cứ của xã, huyện đều đóng ở các khu rừng già, đất đỏ. Từ huyện này sang huyện kia phải qua nhiều sông suối sâu, nước chảy xiết. Đường đi là lối mòn nhiều rần rết và vất. Chúng tôi bị vất cản chầy rất nhiều máu và bị sốt rét rừng triền miên. Mỗi khi bị sốt rét thật là kinh khủng, toàn thân rét run cầm cập, sau đó lại nóng bừng, không thiết tha ăn uống, người mệt mỏi. Sau khi hết sốt thì chúng tôi lại tiếp tục hành trình, băng rừng, lội suối”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy kể lại.

Theo phân công, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy và đồng nghiệp thường xuyên đi cơ sở, thâm nhập vùng địch chụp ảnh và viết về các phong trào thi đua lao động sản xuất ở vùng ven, bộ đội, du kích chuẩn bị phá ấp đánh địch.

Chính trong thời gian ở vùng chiến sự đã cho nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy những kỷ niệm không thể nào quên. Tháng 4/1974, ông được phân công xuống huyện Thống Nhất để đưa tin về vùng địch tái chiếm xen lẫn với vùng giải phóng ở các xã có nhiều đồng bào Thiên chúa giáo và người Hoa sinh sống. Không may đoàn của ông gặp lính ngụy Sài Gòn, chúng bắn như vãi đạn nhưng nhờ có bộ đội chủ lực và giao liên bắn trả nên ông và đồng nghiệp kịp rút vào rừng chuối ven đường, bảo toàn tính mạng.

“Có lần, khi công tác ở xã Hố Nai, vùng công giáo toàn tòng, khét tiếng “chống cộng”, chúng tôi cùng cán bộ xã ra làm việc trong nhà rẫy của một gia đình nông dân công giáo theo cách mạng. Thấy có tốp lính ngụy đi bên ngoài, anh em trong đoàn nhìn nhau im lặng. Nhờ có nhân dân che chở nên chúng tôi thoát nạn. Trước đó đã có những trường hợp cán bộ bị địch bắt và giết hại dã man ở vùng này. Đây cũng là bài học về công tác dân vận, dựa vào dân để nắm bắt thông tin”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy chia sẻ.



Nhà báo Sỹ Thủy hiện nay với cuộc sống bình dị và niềm vui từ chăm sóc cây cối.

Chính vì có thực tế nên những bài viết về vùng đất và con người ở vùng chiến sự của nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy rất có “hồn” và lay động lòng người như bài viết: “Đổi mới ở Gia Kiệm”; “Gặp gỡ nhân dân ở vùng ven Hố Nai - Thống Nhất”; “Du kích vùng ven”...

“Đêm ở chiến khu chưa biết ngày nào hòa bình, thường xuyên mở Đài Giải phóng nghe tin tức cho đỡ nhớ nhà. Có những lần nghe được bài viết

của mình thấy sung sướng lạ thường”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy nhớ lại.

Sau một năm đi cơ sở, ông Thủy được phân công quay trở lại trụ sở của Thông tấn xã Giải phóng tại căn cứ R - Trung ương Cục ở địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ông cùng đồng nghiệp tự làm tất cả mọi việc, chặt cây dựng nhà, đi làm nương rẫy để có lương thực vì giai đoạn này hết sức khó khăn, thiếu gạo, ăn độn 50% đậu xanh, rồi ăn đậu xanh toàn phần, đậu xanh thay cơm, nấu canh... Cuộc sống rất gian khổ.

Tại đây, ông làm nhiệm vụ biên tập thông tin của phóng viên các địa phương gửi về và tổng hợp, khai thác thông tin trên báo chí của địch.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam mở màn bằng chiến dịch Tây Nguyên. “Khi chiến dịch Tây Nguyên giành chiến thắng, không khí bao trùm cả Thông tấn xã Giải phóng là niềm phấn khởi vô bờ. Chúng tôi vừa đọc tin phóng viên địa phương gửi về vừa mừng rơi nước mắt. Tin vui tới tấp, ai cũng hân hoan chờ ngày chiến thắng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy nhớ lại.

Giữa lúc cả nước dồn sức cho cuộc tổng tiến công giải phóng miền Nam, Thông tấn xã Giải phóng quyết định lập các tổ phóng viên tham gia Chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Ông Thủy và một số đồng nghiệp ở lại căn cứ để trực thông tin và làm một số nhiệm vụ khác.

“Thời khắc nghe tin quân ta tiến vào Dinh Độc Lập, chiến dịch thắng lợi, miền Nam hoàn toàn được giải phóng và thống nhất đất nước, chúng tôi đã ôm nhau khóc vì mừng vui. Ngay tối hôm đó, chúng tôi sắp xếp đồ đạc, hành lý để hôm sau về Sài Gòn. Niềm vui hạnh phúc cứ như trong mơ, người dân đứng hai bên đường cầm cờ, hoa vẫy chào đoàn quân giải phóng tiến về Sài Gòn. Tôi sẽ không bao giờ quên được thời khắc đó, khi niềm hạnh phúc của mỗi cá nhân hòa cùng niềm vui chung của dân tộc”, nhà báo Nguyễn Sỹ Thủy rưng rưng nhớ lại.

Sau khi trở về Sài Gòn, ông Thủy tiếp tục nhận công tác tại các địa phương như Cà Mau, Bạc Liêu... rồi ra Bắc, nhận công tác tại Thái Bình, quê hương ông.

“38 năm làm nghề viết, 8 năm gắn bó với chiến trường miền Nam... Bài học lần đầu tiên làm tin ở vùng chiến sự, trong khói lửa chiến tranh hay làm thông tin trong cuộc sống hòa bình sau này với tôi là những kỷ niệm không bao giờ phai nhòa, những ký ức quý báu mà không phải ai cũng có được. Cho đến bây giờ, tôi luôn tự hào được là phóng viên của Thông tấn xã Việt Nam, được tham gia chiến trường”, nhà báo Sỹ Thủy xúc động nói.

NHỮNG “THƯỚC PHIM” LỊCH SỬ VỀ CHIẾN THẮNG MÙA XUÂN 1975

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là mốc son chói lọi trong lịch sử của dân tộc ta.

Đúng 17 giờ ngày 26/4/1975, quân ta nổ súng, mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh. 5 cánh quân gồm 20 sư đoàn từ các hướng tấn công dồn dập tuyến phòng thủ vòng ngoài Sài Gòn.

Rạng sáng 29/4, Quân giải phóng đồng loạt tổng công kích vào trung tâm thành phố, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng ta húc đổ cánh cổng Dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ Ngụy quyền Sài Gòn. Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

Vào lúc 11 giờ 30 phút, lá cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Phủ Tổng thống Ngụy.

Trên đà chiến thắng, từ ngày 30/4, đồng bào và chiến sĩ các tỉnh Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đã đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, lần lượt giải phóng các tỉnh còn lại.

Cùng nhìn lại hình ảnh những ngày tháng 4 lịch sử năm 1975:



Ngày 9/4/1975, quân ta tiến công vào thị trấn Xuân Lộc, căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông Bắc. Ngày 21/4, quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy, cửa ngõ vào Sài Gòn từ hướng Đông Bắc đã được mở. Ngay từ khi mất Xuân Lộc, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Ảnh: TTXVN



Ngày 28/4/1975, các trận địa pháo của ta nã đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30/4, lá cờ "Quyết thắng" của quân đội ta đã tung bay trên đỉnh cột cờ Bộ Tư lệnh không quân ngụy. Tuy nhiên, phải tới 14 giờ ngày 30/4, sân bay Tân Sơn Nhất mới thực sự im tiếng súng. Ảnh: Đinh Quang Thành/TTXVN



Nữ chiến sĩ biệt động Nguyễn Trung Kiên (Cao Thị Nhíp) dẫn đường cho các chiến sĩ xe tăng Sư đoàn 10 (Quân đoàn 3) đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, ngày 30/4/1975. Ảnh: TTXVN



Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc trụ sở Bộ Tổng tham mưu Ngụy quyền Sài Gòn lúc 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975. Ảnh: TTXVN



Xe tăng Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập, trưa 30/4/1975. Ảnh: Trần Mai Hưởng/TTXVN



Sáng 30/4/1975, từ khắp mọi hướng, hàng trăm xe tăng, xe thiết giáp cùng bộ binh đồng loạt thẳng tiến Phủ Tổng thống Ngụy quyền Sài Gòn, giải phóng Sài Gòn. Chiến thắng 30/4 là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.
Ảnh: Mai Hưởng/TTXVN



Đại úy Phạm Xuân Thệ (bên phải), Trung đoàn phó Trung đoàn 66, Sư đoàn 304 (Quân đoàn 2) cùng các chiến sĩ Quân giải phóng dẫn giải Tổng thống Dương Văn Minh và Thủ tướng Vũ Văn Mẫu của Ngụy quyền Sài Gòn tới Đài Phát thanh để đọc lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Ảnh: TTXVN



Tại Cà Mau, đêm 30/4/1975, quân ta tập trung lực lượng tiến công thị xã, kết hợp lực lượng quần chúng nổi dậy chiếm các vị trí quan trọng. 5 giờ sáng 1/5, các mũi tiến công của ta đã vào nội ô thị xã kết hợp phong trào quần chúng nổi dậy giải phóng thị xã Cà Mau lúc 10 giờ ngày 1/5/1975.

Ảnh: TTXVN



Trước sức tiến công mạnh mẽ của quân Giải phóng và nguy cơ thất bại hiển hiện, Mỹ tiến hành chiến dịch di tản người Mỹ và những người Việt có liên hệ bằng trực thăng khỏi Sài Gòn (chiến dịch Gió lốc - Frequent Wind), bắt đầu từ sáng 29/4 và chấm dứt vào sáng sớm ngày 30/4/1975. Trong vòng gần 20 tiếng đồng hồ, đã có trên 7.800 người được di tản khỏi Sài Gòn và cuộc di tản này đã trở thành một thảm họa đen trong lịch sử, một hình ảnh về sự thất bại toàn diện của Mỹ trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Ảnh: Tư liệu TTXVN



Nhân dân Sài Gòn đổ ra đường, nồng nhiệt chào đón Quân giải phóng tiến vào thành phố. Ảnh: Hứa Kiểm/TTXVN



Niềm vui hiện rõ trên gương mặt người dân Sài Gòn trong ngày giải phóng 30/4/1975.

Ảnh: TTXVN

NHỮNG CA KHÚC LÂM "SÔNG DẬY" THỜI KHẮC LỊCH SỬ NGÀY 30/4/1975

Ngày 30/4/1975 là ngày lịch sử của đất nước, Bắc Nam nối liền một dải. Vào thời khắc ấy, đã có nhiều ca khúc ra đời mừng non sông thống nhất.

Đại thắng mùa xuân 1975 đã đi vào lịch sử như một mốc son chói lọi, mở ra một giai đoạn mới tương lai rạng rỡ của đất nước. Sự kiện này là nguồn cảm hứng lớn lao, mãnh liệt cho các nhạc sĩ. Đặc biệt, phải kể đến những ca khúc được các nhạc sĩ sáng tác đầy ấn tượng vào đúng giai đoạn đó với niềm xúc động mãnh liệt, dâng trào như "Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh" (Xuân Hồng), "Đất nước trọn niềm vui" (Hoàng Hà), "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng" (Phạm Tuyên) đã sống mãi trong trái tim hàng triệu người dân Việt Nam dù chiến tranh đã lùi xa.



Xe tăng Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập, trưa 30/4/1975. Ảnh: Trần Mai Hương/TTXVN.

"Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh" (Xuân Hồng)

Nhạc sĩ Xuân Hồng, sinh năm 1928 tại Châu Thành, Tây Ninh trong một gia đình nông dân yêu thích nhạc tài tử, ông được học nhạc từ rất sớm. Xuân Hồng tham gia cách mạng từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp với nhiệm vụ giao liên. Ngoài làm nhiệm vụ, ông bắt đầu tham gia hoạt động văn nghệ ở chiến trường.

Năm 1949, ông bắt đầu sáng tác những ca khúc đầu tiên trong sự nghiệp âm nhạc của mình. Ông nổi tiếng với những nhạc phẩm "Bài ca may áo", "Xuân chiến khu", "Tiếng chày trên sóc Bom Bo", "Mùa xuân bên cửa sổ"...

Tháng 3/1975, khi chiến dịch Tây Nguyên mở màn, nhạc sĩ Xuân Hồng đi công tác ở chiến trường B2. Lúc này, những lời nhạc đầu tiên đã hình thành trong đầu ông, ông đã ghi vội lên cánh tay, viết lên lá cây để lưu lại lời cho khỏi quên. Khi vào đến Sài Gòn, tác giả chứng kiến thời khắc năm cánh quân giải phóng hiên ngang tiến về Sài Gòn, lật đổ chính quyền Sài Gòn, một trang sử mới của dân tộc được mở ra. Từ sự xúc động của thời khắc lịch sử 30/4, ông đã hoàn thiện và cho ra đời bài hát "Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh".

Ca từ bài hát thể hiện sinh động nỗi niềm cảm xúc của tác giả khi được chiêm ngưỡng mùa xuân trong niềm vui đại thắng vừa dễ hiểu, dễ đồng cảm đã trở nên rất

quen thuộc với người dân TP Hồ Chí Minh mỗi dịp xuân về. Cũng bởi vì tác giả lột tả được chân thực sự kiện khi tập trung thể hiện tính chất mở hội toàn thắng, không khí vui mừng hân hoan. Nhạc sĩ khéo lồng ghép, kết hợp hình ảnh, sự kiện cho đồng nhất về một khung thời gian giữa thiên nhiên và lịch sử.

Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh

Vừa phải - Nhiệt tình Nhạc và lời: XUÂN HỒNG

(Nhạc...)

...) Mùa xuân này về trên quê ta khắp đất trời biển rộng bao la. Cây xanh tươi ra lá trở hoa chào mùa xuân về với mọi nhà. Thành phố Hồ Chí Minh quê ta đã viết nên thiên anh hùng ca thiên anh hùng ca ngàn năm sáng chói lưu danh đến muôn đời. Thành phố Hồ Chí Minh năm nay mùa xuân về rợp bóng cờ bay. Nước thêm trong dòng sông Bến Nghé, chợ thêm đông chợ vui Bến Thành. Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh quang vinh. Ôi đẹp biết bao biết mấy tự hào! Sài Gòn phố Hồ Chí Minh quang vinh. Ôi hạnh phúc biết bao bao năm vẫn đợi chờ. Mỏ niếm đời: cá nước vẫy chào. Cờ sao đang tung bay cao qua hết rồi những năm thương vui như đến bất ngờ. Ngày đi như trong đêm mơ tuổi lớn rồi mà như ngày đầu. Xa ba mươi năm nay đã gặp nhau vui sao nước mắt lại trào. Mùa...cờ.

Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh là mùa xuân đẹp nhất quê mình.

Bài hát "Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh" do nhạc sĩ Xuân Hồng sáng tác vào năm 1975.

trước khi thành phố được mang tên Bác. Đây là một trong 6 tác phẩm tiêu biểu của nhạc sĩ Xuân Hồng đã được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.

Nhạc sĩ Trần Long Ẩn - Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật - Chủ tịch Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh đã từng có một bài viết về ca khúc này, ông nhận xét: "Cái đẹp trong Mùa xuân trên TP Hồ Chí Minh là một cái đẹp long lanh cả nhạc và lời. Đây là một sáng tạo hết sức nghiêm túc, chân thật của tác giả mà hàng ngàn người hát cũng được, một người hát cũng được, hợp ca, song ca cũng được... Một sáng tác đi vào quần chúng để họ dễ dàng thuộc, dễ dàng hát là một nghệ thuật rất cao".

"Đất nước trọn niềm vui" (Hoàng Hà)

Nhạc sĩ Hoàng Hà tên thật là Hoàng Phi Hồng (ông còn có thêm bút danh khác Cẩm La) sinh tại Hà Nội vào năm 1929 và chuyển vào Vũng Tàu sinh sống từ năm 1985, ông mất năm 2013. Ca khúc đầu tiên ông sáng tác là "Kháng chiến ca" vào năm ông 18 tuổi (1947).

Ông là tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng, như: "Ánh đèn trên cầu Việt Trì"; "Tiếng hát ngày thứ bảy Cộng sản"; "Gặp nhau trên đỉnh Trường Sơn"; "Hò tải đạn"; "Cùng hành quân giữa mùa Xuân"; "Đất nước trọn niềm vui", Bản giao hưởng hợp

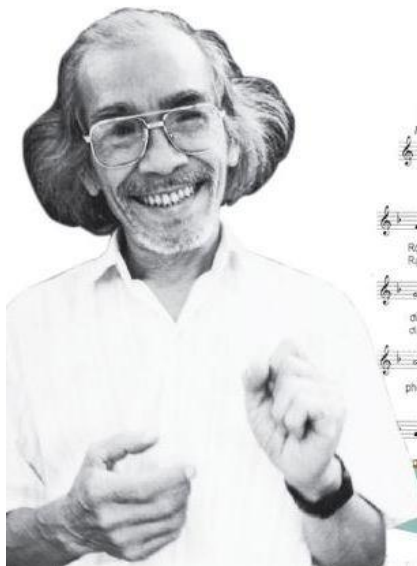
Sau bao nhiêu năm đất nước ta bị chia cắt hai miền Nam - Bắc, mùa xuân 1975 trong niềm vui không gì tả xiết xen lẫn niềm xúc động đến không tìm được nước mắt, tất cả mọi người như hòa một khối dưới cờ và hoa rợp trời Sài Gòn: "Ngày đi như trong đêm mơ tuổi lớn rồi mà như ngây thơ. Ôi ta đang đi đi giữa rừng hoa hay ta đi giữa rừng cờ".

Hình ảnh Thành phố Hồ Chí Minh tràn ngập bóng cờ bay trong mùa xuân đại thắng làm chúng ta liên tưởng hàng ngàn người đổ xuống đường chung một niềm vui phấn khởi vô bờ với nụ cười rạng rỡ. Điều kỳ lạ là bài hát được ra đời

xướng Côn Đảo... "Đất nước trọn niềm vui" là một bài hát hay trong số các ca khúc viết về ngày đại thắng 30/4, đây cũng là sáng tác nổi tiếng của cố nhạc sĩ Hoàng Hà.

Bài hát "Đất nước trọn niềm vui" được sáng tác vào đêm 26/4/1975 tại nhà riêng ở Hà Nội. Khi đó nhạc sĩ công tác tại Đài tiếng nói Việt Nam, vì thế ông thường xuyên được nhận những thông tin sớm nhất về tình hình chiến sự ở miền Nam. Khi nghe tin quân ta đang thẳng tiến về Sài Gòn, nhạc sĩ đã dâng trào cảm xúc cùng với một quá trình tích lũy những tư liệu có được, ông đã viết nên những giai điệu mượt mà, tinh tế báo hiệu ngày vui của dân tộc đang đến rất gần. Ngay cả khi viết ca khúc để đời này, ông chưa từng một lần đặt chân vào đất Sài Gòn.

Khi còn sống, nhạc sĩ đã từng chia sẻ: Trước khi đặt bút viết "Đất nước trọn niềm vui", ông bỗng nhớ đến điệu hò Đồng Tháp đã từng làm ông ám ảnh mãi. Điệu hò ấy cứ lảng vảng trong đầu ông cho đến khi bật ra câu hát: "Hò ơ... ơ hò... ơ hò... ơ hò... Hội toàn thắng náo nức đất nước, ta muốn bay lên, say ngắm sông núi hiên ngang, ta muốn reo vang, hát ca muôn đời Việt Nam, Tổ quốc anh hùng!".



Đất nước trọn niềm vui

Hồi nhanh - Thổi thơ
Rộn rảng - Say đắm

Nhạc và lời: HOÀNG HÀ

Ta đi trong muôn ánh sao vàng rừng cờ tung bay
Ta nghe như vang tiếng Bắc Hồ đầy từ non sông!

Rộn rảng và mê say, những bước chân dồn về đây Sài Gòn
Rạo rức sao hôm nay, Bắc vui với hội toàn dân, Thành Đồng

Ơi! Vững tin đời bao năm rồi, một ngày vui giải
Ơi! Sắt son từ vang khúc

phóng...hoan. Ôi! Hạnh phúc vô biên! Hát nữa đi

**Cố nhạc sĩ Hoàng Hà và ca khúc 'Đất nước trọn niềm vui'.
Ảnh: TTXVN.**

Nhạc sĩ kể: Ngay trong đêm ông viết xong bài "Đất nước trọn niềm vui" ông đã cùng con trai lớn của mình là NSUT Hoàng Lương hát say sưa suốt đêm. Nhạc sĩ kể, ông viết bài hát đó từ đêm 26/4 có nghĩa là chưa có rừng cờ chiến thắng, niềm vui "đi trong muôn ánh sao vàng cờ đỏ tung bay" là niềm vui trong tâm hồn, trong mơ ước khi nghĩ về ngày vui trọn vẹn. Nhạc sĩ đã viết bằng dự cảm nhưng cũng bằng niềm tin tuyệt đối của mọi người

dân Việt Nam sống trong thời kỳ lịch sử ấy.

Chính cái tên của bài hát này đã thể hiện rõ một niềm vui không của riêng ai, từ những ngày chuẩn bị chiến thắng, mọi người dân Việt Nam đã vui mừng, hào hứng vì toàn dân tộc đã cùng nhau đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, từng bước vượt qua hết đau thương này đến đau thương khác. Có thể nói, bài hát là âm nhạc của đáy lòng, nó kết đọng tình yêu và khát vọng của về ngày thống nhất non sông. Không khí chiến thắng của chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh đã dồn dập bay tới khắp mọi miền Tổ quốc.

Ngay sau ngày sáng tác, bài hát được giao cho Đài Tiếng nói Việt Nam và người được giao trọng trách thể hiện ca khúc này là nghệ sĩ Trung Kiên. Và rồi những lời ca hào hùng, đầy cảm xúc như "Ta đi trong muôn ánh sao vàng, rừng cờ tung bay" hay "Ôi, hạnh phúc vô biên, hát nữa đi em những lời yêu thương!"... đã trở thành hiện thực

ghi vào lịch sử. Tên bài hát Đất nước trọn niềm vui về sau đã được chọn làm tên của một tuyển tập nhạc ấn hành năm 1975 và tái bản năm 1985 về đề tài sự kiện 30/4/1975.

Bài hát được phát trên Đài Phát thanh Giải phóng lần đầu vào sáng 1/5/1975 cùng với ca khúc "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng" của nhạc sĩ Phạm Tuyên. Đối với Nhạc sĩ Hoàng Hà viết bài hát "Đất nước trọn niềm vui" chỉ trong một ngày, nhưng là kết quả đúc kết cả quá trình, một đời ông tham gia cách mạng và hoạt động âm nhạc.

Nghệ sĩ ưu tú Hoàng Lương - Trưởng đoàn Ca nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam, con trai của nhạc sĩ Hoàng Hà cho biết chính từ bài "Đất nước trọn niềm vui" mà anh trở thành nhạc sĩ. Điều đặc biệt khiến cho "Đất nước trọn niềm vui" được yêu mến đến như vậy đó chính là âm điệu và lời hát đúng như tên bài hát đã đặt ra. Giai điệu bài hát như niềm vui đã được dồn nén lâu lắm rồi, nay gặp thời khắc lịch sử hân hoan mà vang lên từng nhịp, ca từ như nhảy múa hát ca, như reo rất niềm vui với người nghe, người hát. Một ca khúc mà niềm vui lấp lánh trên mỗi ca từ.

"Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng" (Phạm Tuyên)



Niềm vui hiện rõ trên gương mặt người dân Sài Gòn trong ngày giải phóng 30/4/1975. Ảnh: TTXVN

Nhạc sĩ Phạm Tuyên sinh ngày 12/1/1930, quê ở huyện Bình Giang, Hải Dương. Năm 1958, ông về công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam, đảm nhiệm nhiều chức vụ chỉ đạo về biên tập âm nhạc. Ông là Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội Nhạc sĩ Việt Nam từ năm 1963 đến năm 1983. Hoạt động của ông rất phong phú trong các lĩnh vực sáng tác, lý luận và phong trào âm nhạc quần chúng.

Ông đã sáng tác nhiều bài hát được nhiều người biết như: "Bài ca người thợ rừng", "Bài ca người thợ mỏ", "Bám biển quê hương", "Chiếc gậy Trường Sơn", "Từ làng Sen", "Từ một ngã tư đường phố", "Gửi nắng cho em", "Con kênh ta đào", "Màu cờ tôi yêu", "Thành phố mười mùa hoa"... còn rất nhiều ca khúc tác giả sáng tác cho thiếu nhi nữa.

Đầu tháng 4/1975, tin thắng trận liên tiếp được báo về từ các chiến trường miền Nam. Với tinh thần nhiệt huyết sôi nổi cùng sự nhạy bén của người nghệ sĩ khi dõi theo từng bước tiến quân, từng trận đánh, các nhạc sĩ đã nhanh chóng viết lên những ca khúc mừng chiến thắng. Từ khắp các tỉnh phía Nam gửi về những ca khúc hùng hục khí thế để dàn dựng thu thanh, phát trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam cổ vũ, động viên kịp thời quân và dân trên từng chặng đường chiến dịch.

Nhạc sĩ Phạm Tuyên cũng được ông Trần Lâm - Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam ngày đó, thông báo giao nhiệm vụ sáng tác một bài hát lớn chào mừng ngày chiến thắng sắp đến. Vào 21 giờ ngày 28/4, Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin phi công

(anh hùng Nguyễn Thành Trung) ném bom sân bay Tân Sơn Nhất. Sau tin đó, bao cảm xúc hồi hộp, vui sướng trong nhạc sĩ cứ tuôn trào, và lập tức, ông đã cầm bút viết lên bài hát này.

Chỉ chưa đầy hai tiếng đồng hồ, nhạc sĩ Phạm Tuyên đã viết xong bài hát “Như có Bác trong ngày vui đại thắng”. Đến trưa ngày 30/4, sau khi nghe tin miền Nam hoàn toàn được giải phóng, Tổng Giám đốc Trần Lâm cho gọi nhạc sĩ lên khi vừa nghe xong bài “Như có Bác trong ngày vui đại thắng”, Ông Trần Lâm vui mừng đề nghị cho thu thanh ngay bài hát để phát trong bản tin thời sự đặc biệt. Chiều ngày 30/4 bài hát phát sóng trong bản tin thời sự đặc biệt lúc 17 giờ của Đài tiếng nói Việt Nam, chính thức công bố tin giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.



Nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác trong căn hộ nhỏ giữa lòng Hà Nội. Ảnh:TTXVN.

Nhạc sĩ Phạm Tuyên chia sẻ: “Nhiều người đã hỏi tôi vì sao ca khúc này lại có sức hút đến vậy. Ca khúc này được tôi viết vào đúng ngày 30/4/1975, ngày giải phóng đất nước, nhân dân cả nước vỡ òa trong hạnh phúc vì bao nhiêu hy sinh, mất mát, đấu tranh kiên cường trong suốt 30 năm để thắng lợi. Có lẽ, ca khúc này có sức sống lâu bền trong tâm hồn người Việt vì nó thể hiện được niềm vui sướng, hân hoan vỡ òa của nhân dân trước những chiến thắng mà phải rất khó khăn, gian khổ, kiên cường mới thực hiện được”.

“Tôi còn nhớ, trong một sự kiện văn hoá mà tôi được tham gia tại Nhật Bản vào năm 1979, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi người Nhật lại hát “Như có Bác trong ngày vui đại thắng” ở sự kiện này. Tôi hỏi họ tại sao các ông lại hát ca khúc này, họ trả lời rằng, dù ca khúc này có hoàn cảnh sáng tác cụ thể nhưng họ vẫn thích hát vì nó thể hiện tinh thần, ý chí của người Việt Nam. Tôi rất cảm động khi nghe vậy. Với người nhạc sĩ, ca khúc được sống mãi trong lòng công chúng, được mọi người yêu mến... đã là hạnh phúc không gì đong đếm được”, nhạc sĩ Phạm Tuyên tâm sự.

Và còn rất nhiều những ca khúc hay ý nghĩa nữa mang sức sống mãnh liệt, sống mãi với thời gian bởi nó như một cuốn lịch sử bằng âm nhạc ghi lại một thời khắc lịch sử không thể nào quên của dân tộc ngày 30/4/1975.

Hiền Anh // <https://baotintuc.vn/>

BÌNH THUẬN - 45 NĂM SAU NGÀY GIẢI PHÓNG

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước, vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ, anh dũng hy sinh, chiến đấu ngoan cường, lập công xuất sắc, Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận đã đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang chung cả nước. Sau ngày quê hương được giải phóng (19-4-1975), Bình Thuận tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết thống nhất, nỗ lực vượt qua không ít khó khăn, thách thức và đã giành được những thành tựu đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.



Diện mạo đô thị TP Phan Thiết (Bình Thuận) ngày nay đẹp và khang trang.

Sau ngày quê hương được giải phóng, hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận được sáp nhập thành tỉnh Thuận Hải, cơ sở kinh tế rất hạn chế, kết cấu hạ tầng yếu kém. Mặc dù có tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, nhưng nền kinh tế tăng trưởng chậm. Năm 1992, sau khi chia tách tỉnh, Đảng bộ tỉnh Bình Thuận đề ra nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn 5 năm để phát triển kinh tế-xã hội, nâng

cao đời sống của nhân dân.

Bình Thuận là tỉnh duyên hải cực Nam Trung bộ nằm trong vùng khô hạn nhất cả nước. Tình hình thiếu nước ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Vì vậy tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi để chủ động được nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế-xã hội được Bình Thuận luôn ưu tiên hàng đầu.

Từ năm 2001 đến nay, được sự quan tâm hỗ trợ của trung ương, cùng sự tập trung nguồn lực của địa phương, nhiều công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đã được đầu tư xây dựng. Toàn tỉnh hiện có 78 công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác sử dụng trải rộng trên hầu khắp các địa phương trong tỉnh với tổng mức đầu tư gần 7.477 tỷ đồng. Tổng dung tích các hồ chứa là 339 triệu mét khối với tổng năng lực tưới thiết kế là 73.300 ha, tăng 41.000 ha so với năm 2001 chỉ có 32.300 ha. Cùng với đó là bảo đảm cấp nước sinh hoạt cho hàng vạn hộ dân trong tỉnh cũng như phục vụ nhu cầu nước cho các ngành kinh tế khác.

Đặc biệt với sáng kiến nối mạng liên thông giữa các hồ chứa nước đã khai thác tới đa hiệu quả những công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng. Đến nay, 11 kênh nối mạng với tổng chiều dài 113 km được xây dựng, nâng vùng tưới ổn định lên 35.120 ha. Có nước, những vùng đất khô cằn đang bị hoang mạc hóa đã được đánh thức. Tiêu biểu như vùng căn cứ kháng chiến Khu Lê năm xưa ở huyện Bắc Bình nay đã

được Bình Thuận quy hoạch thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô diện tích 2.000 ha.

Trao đổi với chúng tôi, đồng chí Nguyễn Minh, Bí thư Huyện ủy huyện Hàm Thuận Nam (Bình Thuận) chia sẻ, với điểm xuất phát thấp, cơ sở vật chất hầu như không có gì; kinh tế của huyện chủ yếu là nông, lâm nghiệp. Nhưng từ sau năm 1991, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng trên địa bàn như các hồ thủy lợi Sông Móng, Đu Đủ, Ba Bàu...; hệ thống kênh chuyển nước dài hơn 21 km đã làm thay đổi toàn diện kinh tế-xã hội của huyện. Từ một huyện nghèo, Hàm Thuận Nam trở thành địa phương phát triển khá toàn diện cả về nông nghiệp, công nghiệp và thương mại, dịch vụ, du lịch. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng phát triển những cây trồng chủ lực. Hàm Thuận Nam là thủ phủ trồng thanh long với 13.200 ha, chiếm gần 50% diện tích của cả tỉnh và là cây xóa đói giảm nghèo hiệu quả, giúp nông dân làm giàu bền vững. Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người năm 2019 gần 2.200 USD, tăng gấp 25 lần so với năm 1991. Tỷ lệ hộ nghèo từ 25% năm 1995 giảm xuống còn dưới 1,5% vào năm 2020.



Hồ Sông Quao, một trong những công trình thủy lợi quan trọng nhất của Bình Thuận cung cấp nước tưới cho hơn 10.000 ha đất canh tác.

Kết quả đầu tư hạ tầng thủy lợi trên địa bàn đã tăng diện tích gieo trồng được tưới của Bình Thuận từ năm 2001 chỉ khoảng 44.000 ha tăng lên khoảng 115.000 ha. Có thể nói, phát triển thủy lợi là một trong những thành tựu nổi bật nhất của ngành nông nghiệp Bình Thuận từ khi tái lập tỉnh đến nay.

Sự kiện Nhật thực toàn phần vào ngày 24-10-1995 mà Phan Thiết là tâm điểm đã khơi dậy

tiềm năng du lịch phong phú, quý giá, đánh dấu cho sự vươn lên đầy ấn tượng của du lịch Bình Thuận. Sau 25 năm, thương hiệu du lịch Bình Thuận ngày càng khẳng định chỗ đứng trên thị trường trong nước và quốc tế. Bình quân hàng năm lượng khách đến tăng từ 12 - 14%, doanh thu tăng từ 19 - 20%. Toàn tỉnh hiện có 383 dự án đầu tư dịch vụ du lịch với tổng vốn đăng ký gần 60 ngàn tỷ đồng. Có 188 dự án đi vào hoạt động, 73 dự án đang xây dựng.

Trong giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đón gần 29 triệu lượt du khách; trong đó du khách quốc tế đạt gần 3,5 triệu lượt, tăng bình quân gần 14%/năm. Doanh thu du lịch đạt hơn 65,7 ngàn tỷ đồng. Từ 2017 đến năm 2019, du lịch hàng năm đóng góp vào tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) của tỉnh lần lượt tăng từ 8,82% lên 9,97%.

Du lịch phát triển đã giải quyết thêm nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho lao động ở địa phương đặc biệt là lao động nông thôn, lao động các vùng ven biển; làm thay đổi bộ mặt đô thị và nông thôn, kết cấu hạ tầng... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ở các vùng du lịch. Từ những làng chài ven biển

nghèo khó hơn 20 năm về trước, ngày nay Mũi Né – Hàm Tiến đã trở thành thương hiệu du lịch nổi tiếng, là địa chỉ quen thuộc của du khách cả trong và ngoài nước. Tháng 12-2018, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Bình Thuận được xác định là một trong những địa bàn trọng điểm phát triển du lịch của cả nước và hình thành trung tâm du lịch thể thao biển mang tầm quốc gia và quốc tế.

Bà Nguyễn Lan Ngọc, Phó Giám đốc Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh cho biết, trong thời gian tới Bình Thuận khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển các loại hình du lịch, dịch vụ hiện đại và độc đáo; chủ động triển khai phối hợp thực hiện tốt các nội dung liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong khu vực. Hướng đến thu hút đầu tư những dự án du lịch quy mô, các tổ hợp giải trí, mua sắm, các loại hình du lịch đặc trưng phục vụ nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách.

Từ khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (NTM) với các quan điểm, chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, được nhân dân toàn tỉnh đồng tình hưởng ứng đã cải thiện rõ rệt đời sống của đa số nông dân, giảm khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến nay gần 31.351 tỷ đồng.

Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo luôn là mục tiêu hàng đầu trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Đến với Đức Linh, một huyện thuần nông của Bình Thuận, ông Trương Quang Đến, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện giới thiệu với chúng tôi một số mô hình liên doanh liên kết tiêu biểu trong sản xuất trên địa bàn như: mô hình liên kết sản xuất lúa nếp theo chuỗi giá trị giữa Hợp tác xã nông nghiệp Công Thành, xã Đức Chính thực hiện liên kết với 700 hộ nông dân các xã Nam Chính, Đức Chính dịch vụ làm đất, gieo sạ, cung ứng giống vật tư đến tiêu thụ sản phẩm lúa nếp trên 1.550 ha với sản lượng thành phẩm 4.400 tấn. Mô hình Hợp tác xã rau Trà Tân liên kết với Công ty TNHH MTV Đỗ Nguyễn Minh trồng và bao tiêu sản phẩm rau an toàn trên diện tích 150 ha/năm với sản lượng dự kiến 138,5 tấn/năm; mô hình liên kết giữa các hộ kinh doanh và các hộ chăn nuôi vịt ở các xã Nam Chính, Vũ Hòa, Đức Chính, Đức Tài, thị trấn Võ Xu nuôi và tiêu thụ 130.000 con vịt. Trong đó, hộ kinh doanh đầu tư toàn bộ, hộ chăn nuôi thực hiện chăm sóc. Ông Đến cho biết, việc liên kết trong sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn so với sản xuất nông hộ nhỏ lẻ; nông dân được hỗ trợ đầu tư về cây, con giống, vật tư nông nghiệp, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, được tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ mới; gắn vùng sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, tạo nên chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, thu nhập của người dân được nâng cao.

Qua 10 năm triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, Bình Thuận đã có 58/96 xã đạt chuẩn NTM, chiếm tỷ lệ 60,42%; vượt 8 xã so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao đến năm 2020; vượt xa so với vùng duyên hải Nam Trung bộ. Đến cuối năm 2019, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn là 39,7 triệu đồng/người/năm, gấp 2,66 lần so với năm 2010; đời sống của người dân nông thôn ngày càng được cải thiện và nâng cao.



Công trình điện mặt trời trên hồ thủy điện Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận)

Là tỉnh duyên hải cực Nam Trung bộ có chiều dài bờ biển 192 km, nắng nóng và gió hàng năm kéo dài đã làm nhiều vùng bị hiện tượng sa mạc hóa; đất đai bạc màu, khô cằn làm cho sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả hoặc phát triển các ngành nghề khác không thuận lợi, hiệu quả kinh tế thấp. Tuy nhiên, với nỗ lực, quyết tâm của mình, Bình Thuận đã chuyển những khó khăn, bất lợi thành tiềm năng lợi thế để phát triển năng lượng tái tạo. Đây là hướng đi đúng đắn,

phù hợp xu thế phát triển xanh và bền vững. Bình Thuận đã đưa ra nhiều chính sách và triển khai nhiều biện pháp tạo điều kiện tốt nhất thu hút các nhà đầu tư trên lĩnh vực này.

Đến nay, toàn tỉnh có 108 dự án năng lượng tái tạo đăng ký đầu tư, trong đó có 88 dự án điện mặt trời và 20 dự án điện gió với tổng vốn đầu tư gần 176 ngàn tỷ đồng. Hiện có 21 dự án điện mặt trời đã hòa lưới điện quốc gia và phát điện thương mại với tổng công suất 903,48 MW, tổng vốn đầu tư hơn 25 ngàn tỷ đồng; ba Dự án điện gió đi vào hoạt động với tổng công suất 60MW, trong đó dự án Nhà máy phong điện Phú Quý với công suất 6MW bổ sung cùng với nguồn điện diesel phát tại chỗ góp phần tạo ra bước ngoặt cho sự phát triển kinh tế-xã hội của huyện đảo Phú Quý.

Sau 45 năm giải phóng, tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng với tinh thần quyết tâm, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bình Thuận tận dụng tốt thời cơ, khai thác phát huy các tiềm năng, lợi thế xây dựng Bình Thuận phát triển về mọi mặt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

Tổng thu nội địa của tỉnh giai đoạn 2016-2020 ước hơn 36 ngàn tỷ đồng, vượt hơn 138% so với kế hoạch thực hiện giai đoạn 2011-2015 (hơn 15 ngàn tỷ đồng); về sản lượng lương thực, chỉ riêng trong năm 2019 đạt 811.000 tấn, tăng gấp 4 lần so với năm 1995, năm cuối của nhiệm kỳ đầu tiên (1992-1995) khi tỉnh Bình Thuận được tái lập. Kim ngạch xuất khẩu năm 2019 được hơn 800 triệu đô la Mỹ (USD), so với năm 1995 chỉ có 18 triệu USD, gấp gần 45 lần. Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người năm 2019 đạt 2.935 USD, gấp 1,68 lần so với GRDP bình quân đầu người năm 2015.

Tiếp tục phát huy truyền thống "tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang" của quân và dân tỉnh Bình Thuận; với những kinh nghiệm xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội sau 45 năm giải phóng, biết khai thác và phát huy tốt những tiềm năng, lợi thế, đoàn kết một lòng vượt qua thách thức, đồng bộ trong hành động, chắc chắn Bình Thuận sẽ vươn lên mạnh mẽ, toàn diện, vững chắc.

NHÂN 45 NĂM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC: BÌNH THUẬN ĐỔI THAY TRÊN ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Chiến thắng 19/4/1975 giải phóng thị xã Phan Thiết (Bình Thuận) đã đi vào lịch sử dân tộc như một dấu mốc chói lọi, làm thay đổi cục diện và tạo đà cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. 45 năm qua, Bình Thuận đã thay “da đổi thịt”, vươn mình phát triển đầy ấn tượng. Quân và dân Bình Thuận tiếp tục chung sức, chung lòng xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh xứng đáng với truyền thống yêu nước vẻ vang của vùng đất kiên cường.

Ký ức về những ngày tháng Tư rực lửa

Gần nửa thế kỷ trôi qua nhưng trong ký ức của Đại tá Nguyễn Thành Tâm, nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 482, lực lượng trực tiếp chiến đấu giải phóng thị xã Phan Thiết, Bình Thuận vẫn còn hiện hữu nguyên vẹn như mới vừa xảy ra hôm qua. “Đối với những người lính như chúng tôi, những năm tháng kháng chiến hào hùng, khí thế đấu tranh và giây phút hạnh phúc khi quê hương được giải phóng đã trở thành những ký ức mãi mãi không thể nào quên”, người lính năm xưa chia sẻ.



Lần lượt các ngày 26/3 và 29/3, Huế và Đà Nẵng được giải phóng. Đến ngày 3/4, toàn bộ các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung được giải phóng. Trong ảnh: Thiếu nhi thị xã Phan Thiết (Bình Thuận) vui đùa trên bãi biển quê hương trong ngày giải phóng. Ảnh: Tư liệu TTXVN.

Sau khi Phan Rang (Ninh Thuận) thất thủ, Phan Thiết (Bình Thuận) trở thành chốt chặn tiền tiêu của chính quyền Sài Gòn từ hướng Đông. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Quân khu VI và Quân khu VII quyết định mở chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã liên tục mở rộng diện tấn công địch, góp phần tạo thế, tạo thời cơ để phối hợp với quân chủ lực giành thắng lợi quyết định, giải phóng 2 huyện Tánh Linh, Hoài Đức và làm chủ nhiều vùng nông thôn ở huyện Hàm Thuận, tạo một

vành đai ép dồn địch vào các trung tâm thị xã, thị trấn.

Đầu tháng 4/1975, khi cục diện chiến trường đang có lợi cho quân ta, chớp thời cơ, Tỉnh ủy Bình Thuận hạ quyết tâm giải phóng Chi khu Thiện Giáo (Ma Lâm). Đây được xác định là quyết chiến cuối cùng để áp sát vào Phan Thiết, mở màn cho quân ta giải phóng Phan Thiết và toàn tỉnh Bình Thuận.

Như sống lại những năm tháng hào hùng, ông Nguyễn Thành Tâm kể lại, trước khi thể cách mạng hừng hực tiến công, rạng sáng 8/4, Trung đoàn 812 Quân khu VI phối hợp với Tiểu đoàn 482 cùng một số lực lượng vũ trang địa phương đồng loạt đánh vào Chi khu Thiện Giáo (Ma Lâm). Sau gần 1 ngày chiến đấu ác liệt, ta làm chủ chi khu và quận lỵ Ma Lâm, đập tan cứ điểm quan trọng bảo vệ phía Bắc Phan Thiết, làm cho hệ thống đồn bót của địch rúng động. Địch chống cự quyết liệt, tung nhiều tiểu đoàn với sự chi viện của pháo binh, máy bay phản kích song đều bị quân ta đẩy lùi. Thế và lực của ta càng lúc càng mạnh, thời cơ giải phóng quê hương đã đến. Từ ngày 10- 13/4, quân ta tiếp tục đánh chiếm một số mục tiêu then chốt, ta đã giải phóng được một vùng nông thôn rộng lớn, làm chủ luôn tỉnh lộ 8, chia cắt Quốc lộ 1A ở nhiều đoạn quan trọng, dồn dịch về Phan Thiết trong thế bị cô lập.

Đến 20 giờ ngày 18/4, quân ta vượt qua cầu Phú Long tấn công vào Phan Thiết bằng 3 mũi tiến công. Mũi chủ yếu theo đường 1 đánh vào tiểu khu tòa hành chính. Mũi thứ 2 đánh vào Phú Long theo đường Phước Thiện Xuan vòng xuống Phú Hải đánh chiếm Lầu ông Hoàng chặn địch rút chạy về Mũi Né. Mũi thứ 3 lách tất cả mục tiêu trong thị xã theo đường 1 vòng lên đánh chiếm Căng Êsêpic. Khi xe tăng của ta xông vào chặn đánh trước cổng Sở chỉ huy tiểu khu và tòa hành chính thì địch hoảng hốt tháo chạy tán loạn. 9 giờ ngày 19/4, Ủy ban quân quản vào tiếp quản Phan Thiết. Quân ta lần lượt đánh chiếm và giải phóng những địa phương còn lại của tỉnh. Trong vòng hơn 10 ngày, quân và dân Bình Thuận đã chớp thời cơ, phối hợp với quân và dân toàn chiến trường miền Nam tiến công chia cắt địch, đập tan toàn bộ hệ thống kìm kẹp của địch và giải phóng hoàn toàn quê hương; cùng quân dân cả nước tổng tấn công, thực hiện trọn vẹn mục tiêu giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Ông Tâm kể lại: Niềm vui của ngày giải phóng thật khó để diễn tả hết. Nó vừa lâng lâng niềm tự hào dân tộc vừa vỡ òa hạnh phúc nhưng nước mắt lại chực trào. Bao nhiêu năm vất vả, ném mật nằm gai, bom dày đạn xéo bồng chốc tiêu tan hết. Rừng cò đỗ sao vàng tung bay khắp phố phường Phan Thiết; người dân vui như ngày hội, hồ hởi đón chào quân giải phóng.

Sau 45 năm xây dựng và phát triển

Nếu như trong kháng chiến, Bình Thuận được biết đến là một mảnh đất kiên trung của miền cực Nam Trung Bộ với những chiến công oanh liệt, tô thắm trang sử hào hùng chống giặc ngoại xâm của dân tộc thì 45 năm sau Ngày giải phòng, Bình Thuận được biết đến với một vùng đất đang “trỗi dậy” hướng tới trở thành Trung tâm năng lượng của cả nước; là điểm sáng trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế.



Phong cảnh bờ biển Mũi Né, Phan Thiết. Ảnh: Mạnh Linh-TTXVN

Sau giải phóng, với cơ sở hạ tầng hầu như không có gì, hạn hán liên tiếp xảy ra đã làm cho đời sống người dân của Bình Thuận gặp nhiều khó khăn. Song, Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết, nhất trí, chung sức, chung lòng, vừa ra sức hàn gắn vết thương chiến

tranh, vừa khắc phục khó khăn, phấn đấu đi lên. Nhiều công trình thủy lợi, giao thông, điện, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa... đã được đầu tư xây dựng. Nhất là những năm gần đây, khi chương trình xây dựng nông thôn nhận được sự đồng thuận, chung sức của nhân dân, kết cấu hạ tầng phục vụ đời sống, sản xuất của người dân được đầu tư, tạo bước đột phá ở vùng nông thôn của tỉnh. Cùng với đó, tỉnh đã từng bước hình thành một số vùng chuyên canh cây trồng có lợi thế kết hợp với liên kết chuỗi sản xuất, đặc biệt là cây thanh long và cây lúa...

Theo đó, tốc độ tăng trưởng GRDP (tổng sản phẩm nội địa) năm 2019 của Bình Thuận tăng 11,09%, đạt mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2010 đến nay. Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thu ngân sách Nhà nước năm 2019 đạt 13.200 tỷ đồng, trong đó, thu nội địa là 9.400 tỷ đồng. Đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân tiếp tục được nâng lên; thu nhập bình quân đầu người năm 2019 ước đạt 43,6 triệu đồng/năm. Công tác xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các gia đình, những người có công với nước được tiếp tục quan tâm.



Thanh long đã trở thành cây làm giàu của người nông dân ở Bình Thuận. Ảnh: TTXVN

Nếu trước đây, Bình Thuận nhiều nắng, gió, ít mưa... từng là điều bất lợi “kìm chế” sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thì nay, chính những điều đó đã được biến thành thế mạnh, tiềm năng để Bình Thuận phát triển thành trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước, nhất là điện mặt trời, điện gió và tương lai không xa là điện gió ngoài khơi. Từ 2017 đến nay, năng lượng tái tạo đã trở thành lĩnh vực thu

hút rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nhất là ở khu vực phía Bắc tỉnh như huyện Bắc Bình, Tuy Phong... Tính đến cuối năm 2019, toàn tỉnh đã có hơn 100 dự án năng lượng tái tạo đăng ký đầu tư (trong đó có 88 dự án điện mặt trời và 20 dự án điện gió) với tổng công suất khoảng 6.800 MWp và tổng vốn đầu tư gần 176 nghìn tỷ đồng.



Hệ thống điện gió tại huyện Tuy Phong, Bình Thuận.
Ảnh: Mạnh Linh - TTXVN

Cùng với đó, Bình Thuận tập trung khai thác thế mạnh và đưa ngành Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Sau gần 25 năm hình thành và phát triển, du lịch Mũi Né - Bình Thuận đã khẳng định là một thương hiệu “Du lịch biển” hấp dẫn của quốc gia, là lựa chọn hàng đầu của du khách quốc tế. Năm 2019, tổng lượng khách đến Bình Thuận ước đạt 6,4 triệu lượt (tăng

12% so với năm 2018). Doanh thu từ du lịch đạt 15.000 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2018. Toàn tỉnh hiện có 388 dự án du lịch được chấp thuận đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đầu tư là 69 nghìn tỷ đồng.

Được sống và làm việc tại Bình Thuận gần 45 năm qua, bà Vũ Thị Ngọc Liên, Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Bình Thuận vui mừng khi thấy quê hương thay da đổi thịt từng ngày. Bà chia sẻ, nếu như lúc mới giải phóng, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn vì hậu quả của chiến tranh để lại thì hôm nay đời sống của người dân đã có nhiều khởi sắc. Không chỉ có kinh tế phát triển mà mọi mặt như giáo dục, y tế, văn hóa... đều được quan tâm và phát triển đồng đều. Trong đó phải kể đến là các chính sách của tỉnh dành cho người có công với cách mạng và chính sách giảm nghèo bền vững.

Chúng kiến một chặng đường 45 năm xây dựng và phát triển của quê hương, Đại tá Nguyễn Thành Tâm khẳng định: những thành quả có được như ngày hôm nay là cả một quá trình nỗ lực không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và sự chung tay xây dựng của các thế hệ đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Bình Thuận. Chúng tôi rất tự hào về quá khứ, vui mừng trước hiện tại và tin tưởng vào thế hệ trẻ hôm nay sẽ phát huy hơn nữa truyền thống cách mạng, luôn kiên định niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục xây dựng quê hương Bình Thuận ngày càng giàu mạnh.

Hồng Hiếu // <https://dantocmiennui.vn>

BÌNH THUẬN VƯỜN LÊN MẠNH MẸ SAU 45 NĂM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết, nhất trí, chung sức, chung lòng, hàn gắn vết thương chiến tranh, phấn đấu đi lên.



Một góc đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận. (Ảnh: Nguyễn Khang/TTXVN)

Theo những bước chân thần tốc của các chiến sĩ giải phóng, cách đây 45 năm, ngày 19/4/1975, tỉnh Bình Thuận được giải phóng.

45 năm qua, vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, đất và người Bình Thuận từng bước xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

“Tự lực, tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang”

Sau thất bại ở Tây Nguyên, để giữ phần đất còn lại, địch sáp nhập hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận vào Vùng 3 chiến thuật,

lấy Phan Rang làm “lá chắn” để bảo vệ Sài Gòn. Chúng điều Liên đoàn Biệt động quân số 24 từ Bình Tuy ra Phan Thiết và tăng cường nhiều đơn vị bộ binh, pháo binh nhằm cố thủ ở Bình Thuận.

Về phía ta, cục diện chiến trường có bước nhảy vọt khi Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Khu ủy và Quân khu ủy Khu VI ra Chỉ thị: “Tình hình diễn biến rất thuận lợi cho ta, các tỉnh không được trông chờ ỷ lại chủ lực mà phải... xốc tới tiêu diệt địch, giải phóng địa phương mình.”

Thực hiện chỉ đạo trên, quân và dân Bình Thuận liên tục tiến công tiêu diệt địch, trong đó có Chi khu Ma Lâm-Thiện Giáo.

2 giờ 45 sáng ngày 8/4/1975, ta nổ súng tấn công Chi khu. Đến 21 giờ cùng ngày ta làm chủ Chi khu và quận lỵ Ma Lâm, đập tan cứ điểm quan trọng bảo vệ phía Bắc Phan Thiết. Đến ngày 13/4, ta giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, làm chủ lộ 8, chia cắt Quốc lộ 1 ở nhiều đoạn quan trọng, dồn địch về Phan Thiết trong thế cô lập.

Sau khi đập tan “lá chắn thép” Phan Rang, cùng với quân địa phương, đại quân ta tiến vào Bình Thuận. Quân chủ lực tiến đến đâu, quần chúng nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang truy quét tề điệp, giải phóng xã, ấp mình đến đó.

Chiều 17/4, huyện Tuy Phong được giải phóng. Sáng 18/4 các huyện Hoà Đa, Phan Lý và Hải Ninh lần lượt được giải phóng. Đêm 18/4, quân chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương tiến vào giải phóng thị xã Phan Thiết.

Trưa 19/4/1975, trước sức mạnh thần tốc của quân ta, địch hoảng loạn tháo chạy, ta làm chủ và giải phóng hoàn toàn tỉnh Bình Thuận, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang giải phóng quê hương, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; xứng đáng với 12 chữ vàng mà Đảng và Nhà nước trao tặng “Tự lực, tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang.”

Bình Thuận vươn lên mạnh mẽ

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết, nhất trí, chung sức, chung lòng, hàn gắn vết thương chiến tranh, phấn đấu đi lên.

Từ một tỉnh nghèo, cơ sở hạ tầng yếu kém, quanh năm khô hạn, đến nay sau 45 năm giải phóng, đặc biệt là sau 28 năm tái lập tỉnh, Bình Thuận đã từng bước vươn lên, biến khó khăn, thách thức thành những lợi thế, tìm chọn hướng đi phù hợp để phát triển.

Từ một vùng đất đai cằn cỗi, tứ bề chỉ có nắng và gió, Bình Thuận hôm nay được biết đến là “thủ phủ” thanh long của cả nước, một địa điểm du lịch nổi tiếng và hướng tới trở thành trung tâm năng lượng quốc gia.



Nuôi cá tầm trong lòng hồ Đa Mi (Bình Thuận).
(Ảnh: Nguyễn Thanh/TTXVN)

Trong những năm gần đây, kinh tế của Bình Thuận giữ vững đà tăng trưởng. Tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) năm 2019 tăng 11,09%, đạt mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2010 đến nay. Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

Đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân tiếp tục được nâng lên; thu nhập bình quân đầu người năm 2019 ước đạt 43,6 triệu đồng/năm. Công tác xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các gia đình, những người có công với nước được tiếp tục quan tâm.

Nếu trước đây, Bình Thuận nhiều nắng, gió, ít mưa... từng là điều bất lợi “kìm chế” sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thì nay, chính những điều đó đã được biến thành thế mạnh, tiềm năng để Bình Thuận phát triển thành trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước, nhất là điện mặt trời, điện gió và tương lai không xa là điện gió ngoài khơi.

Từ 2017 đến nay, năng lượng tái tạo đã trở thành lĩnh vực thu hút rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhất là ở khu vực phía Bắc tỉnh như huyện Bắc Bình, Tuy Phong...

Tính đến cuối năm 2019, toàn tỉnh đã có hơn 100 dự án năng lượng tái tạo đăng ký đầu tư (trong đó có 88 dự án điện Mặt Trời và 20 dự án điện gió) với tổng công suất khoảng 6.800 MWp và tổng vốn đầu tư gần 176 nghìn tỷ đồng.

Với nhiều bãi biển đẹp, khí hậu ôn hòa, những điểm tham quan hấp dẫn, đậm chất văn hóa lịch sử bản địa, Bình Thuận đã trở thành điểm sáng trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế.

Trong đó Mũi Né với vẻ đẹp tuyệt mỹ của những bãi cát trắng dài hút tầm mắt, nước tiếng với nhiều resort chất lượng đã và đang tạo sức hút mạnh với du khách quốc tế. Năm 2019, tổng lượng khách đến Bình Thuận ước đạt 6,4 triệu lượt (tăng 12% so với năm 2018).

Bình Thuận ngày nay với nhiều đổi thay, đã và đang khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế, đẩy nhanh tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, phấn đấu xây dựng Bình Thuận trở thành một tỉnh có trình độ phát triển cao trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ.